



BÙI MẠNH HÙNG – NGUYỄN THỊ NGÂN HOA
PHAN HUY DŨNG – NGUYỄN THỊ MAI LIÊN – ĐẶNG LƯU
LÊ TRÀ MY – LÊ THỊ MINH NGUYỆT – NGUYỄN THỊ NƯƠNG

TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA

môn

NGỮ VĂN

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP

9

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

CNTT: công nghệ thông tin

CT: Chương trình

CTGDPT: Chương trình giáo dục phổ thông

GD&ĐT: Giáo dục và Đào tạo

GV: giáo viên

HS: học sinh

NXBGDVN: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

SBT: sách bài tập

SGK: sách giáo khoa

SGV: sách giáo viên

THCS: Trung học cơ sở

THPT: Trung học phổ thông

VB: văn bản



MỤC LỤC

Trang

Phần một: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	4
1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN NGỮ VĂN	4
1.1. Mục tiêu giáo dục và mạch nội dung	4
1.2. Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	4
2. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN 9	5
2.1. Quan điểm biên soạn	5
2.2. Giới thiệu, phân tích cấu trúc sách và cấu trúc bài học	6
2.3. Phân tích các điểm mới cơ bản	16
2.4. Phân tích một số bài học đặc trưng	18
2.5. Khung kế hoạch dạy học	21
3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	25
3.1. Những yêu cầu chung về phương pháp dạy học môn Ngữ văn	25
3.2. Hướng dẫn tổ chức dạy học các nội dung cơ bản của bài học	26
3.3. Hướng dẫn quy trình dạy học các dạng bài, hoạt động	29
4. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP	64
4.1. Định hướng đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh trong môn Ngữ văn	64
4.2. Gợi ý ma trận để kiểm tra, đánh giá định kì	66
5. GIỚI THIỆU TÀI LIỆU BỔ TRỢ, NGUỒN TÀI NGUYÊN, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ	67
5.1. Giới thiệu sách giáo viên	67
5.2. Giới thiệu sách bổ trợ, tham khảo	69
5.3. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên, học liệu điện tử	70
Phần hai: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY	73
1. QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY	73
1.1. Chuẩn bị tài liệu	73
1.2. Các bước thiết kế kế hoạch bài dạy	73
2. BÀI SOẠN MINH HOẠ	73

1 KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN NGỮ VĂN

1.1. Mục tiêu giáo dục và mạch nội dung

Mục tiêu giáo dục và mạch nội dung của CTGDPT môn Ngữ văn năm 2018 có những khác biệt cơ bản so với mục tiêu giáo dục và mạch nội dung của CTGDPT môn Ngữ văn năm 2006. Những khác biệt đó được tóm tắt trong bảng sau:

	CTGDPT môn Ngữ văn năm 2006	CTGDPT môn Ngữ văn năm 2018
Mục tiêu	Chủ yếu cung cấp kiến thức về tiếng Việt và văn học. Mục tiêu về kỹ năng ít được chú trọng.	Phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, trong đó có năng lực đọc, viết, nói và nghe.
Mạch nội dung	Các phân môn Tiếng Việt, Làm văn, Văn học; ngữ liệu cụ thể cho từng lớp.	Các mạch Đọc, Viết, Nói và nghe; nội dung dạy học cốt lõi; ngữ liệu mở.

Có thể thấy, mạch nội dung trong mỗi CT nhất quán với mục tiêu mà CT đặt ra. CTGDPT môn Ngữ văn năm 2006 tuy có đặt ra mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, nhưng trên thực tế mục tiêu về kiến thức đóng vai trò chủ đạo và cách tổ chức mạch nội dung theo các phân môn trong môn Ngữ văn thể hiện rất rõ vai trò chủ đạo đó. Việc đổi mới của CTGDPT môn Ngữ văn năm 2018 bắt đầu từ mục tiêu và chính mục tiêu mới đó chi phối toàn bộ các phần còn lại của CT, trước hết là mạch nội dung, sau đó là phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá, cũng như mô hình SGK cần được biên soạn để đáp ứng quy định của CT.

1.2. Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

1.2.1. Năng lực của người học chỉ có thể hình thành và phát triển thông qua các hoạt động. Vì vậy, để đạt được mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất cho HS theo định hướng của CT mới, GV cần chuyển từ diễn giải, thuyết giảng sang tổ chức hoạt động học đọc, viết, nói và nghe cho HS. Về phía mình, HS cần thực hiện nhiều hoạt động đa dạng, thể hiện vai trò chủ động, tích cực của người học, đặc biệt trong việc chuẩn bị bài học (phát triển khả năng tự học), làm việc nhóm, thuyết trình, thảo luận, tương tác tích cực với bạn bè và với thầy cô.

1.2.2. Theo mục tiêu giáo dục được quy định trong CTGDPT năm 2018 nói chung và trong CT môn Ngữ văn nói riêng, việc đánh giá kết quả học tập trong môn Ngữ văn được đổi mới căn bản, toàn diện, từ mục tiêu đến nội dung, cách thức, phương pháp đánh giá:

- Mục tiêu đánh giá kết quả học tập của HS trong môn Ngữ văn là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong suốt quá trình học.

- Nội dung đánh giá không tập trung vào kiến thức thuần túy mà đánh giá phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Ngữ văn thể hiện qua các kĩ năng: đọc, viết, nói và nghe.

- Cách thức đánh giá kết quả giáo dục đa dạng, kết hợp cả đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì; kết hợp cả định tính và định lượng, thông qua các bài kiểm tra, bài tập với nhiều hình thức và mức độ khác nhau, dựa trên yêu cầu cần đạt về năng lực đối với HS ở mỗi lớp. Sử dụng và khai thác ngữ liệu bảo đảm yêu cầu đánh giá năng lực của HS, khắc phục tình trạng chỉ học thuộc, sao chép tài liệu có sẵn.

Gần đây, quy định đổi mới kiểm tra, đánh giá của CTGDPT môn Ngữ văn năm 2018 được cụ thể hoá trong Công văn 3175/BGDĐT-GDTrH do Bộ GD&ĐT ban hành ngày 21/7/2022, trong đó có nhấn mạnh: không dùng ngữ liệu đã học trong SGK để đánh giá kĩ năng đọc, viết của HS trong các kì thi cuối kì, cuối năm, cuối cấp.

2 GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SGK NGỮ VĂN 9

2.1. Quan điểm biên soạn

Quan điểm biên soạn SGK *Ngữ văn 9* thống nhất với quan điểm biên soạn SGK Ngữ văn cấp THCS và THPT thuộc bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* nói chung, cụ thể là:

- SGK mới cần được biên soạn theo mô hình SGK phát triển năng lực và phẩm chất của người học. Thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe, HS được phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học và các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đồng thời, SGK cũng cần chú trọng bồi dưỡng cho HS các phẩm chất chủ yếu được quy định trong CT GDPT năm 2018, đặc biệt là những phẩm chất gắn với đặc thù của môn Ngữ văn như: lòng nhân ái, khoan dung, tình yêu quê hương, đất nước.

- SGK mới cần triển khai dạy học tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe trong cùng một bài học; tích hợp kiến thức ngôn ngữ và kiến thức văn học với đọc, viết, nói và nghe; tích hợp kiến thức ngôn ngữ, văn học với kiến thức văn hoá, khoa học, nghệ thuật, đảm bảo mục tiêu phát triển hiệu quả các năng lực và phẩm chất của người học.

- SGK mới cần lựa chọn hệ thống ngữ liệu phù hợp với vốn sống, trải nghiệm và tâm lí tiếp nhận của HS, có giá trị thẩm mĩ cao và có ý nghĩa giáo dục lâu dài vì ngữ liệu là “chất liệu” góp phần quyết định chất lượng sách và chất lượng của một giờ dạy học môn

Ngữ văn; không có SGK Ngữ văn tốt cũng như không có một giờ dạy học Ngữ văn hiệu quả nếu không có ngữ liệu được lựa chọn kĩ lưỡng và hợp lí. Bên cạnh việc đáp ứng yêu cầu cần đạt của CT, ngữ liệu trong SGK *Ngữ văn 9* cần chú ý đến việc giúp HS có cái nhìn tương đối toàn diện về những thành tựu lớn của văn học Việt Nam và văn học thế giới. Nguyên tắc này được đặt ra từ SGK cấp THCS và sẽ được chú ý hơn ở cấp THPT. Tuy vậy, sách không nhất thiết phải dạy đầy đủ các tác phẩm lớn qua các giai đoạn của lịch sử văn học như SGK theo mô hình truyền thống vốn chú trọng cung cấp kiến thức văn học sử.

– SGK mới cần trình bày tường minh các yêu cầu cần đạt và hướng dẫn các hoạt động dạy học một cách cụ thể; đồng thời, cần đảm bảo tính mở về nội dung và phương pháp để giúp GV và HS lựa chọn được con đường, cách thức đạt đến mục tiêu một cách chủ động, sáng tạo, phù hợp với điều kiện dạy học thực tế.

2.2. Giới thiệu, phân tích cấu trúc sách và cấu trúc bài học

2.2.1. Giới thiệu, phân tích cấu trúc sách

SGK *Ngữ văn 9* có hai tập, tương ứng với hai học kì. Tập một có năm bài học, mỗi bài học tập trung vào một loại, thể loại VB chính: bài 1. *Thế giới kì ảo* (truyện truyền kì), bài 2. *Những cung bậc tâm trạng* (thơ song thất lục bát), bài 3. *Hồn nước nằm trong tiếng mẹ cha* (truyện thơ Nôm), bài 4. *Khám phá vẻ đẹp văn chương* (VB nghị luận văn học), bài 5. *Đối diện với nỗi đau* (bi kịch).

Tập hai có năm bài học, trong đó có bốn bài được thiết kế theo cách như ở tập một: bài 6. *Giải mã những bí mật* (truyện trinh thám), bài 7. *Hồn thơ muôn điệu* (thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ), bài 8. *Tiếng nói của lương tri* (VB nghị luận xã hội), bài 9. *Đi và suy ngẫm* (VB thông tin). Cuối tập hai có bài 10. *Văn học – lịch sử tâm hồn* được tổ chức dưới dạng dự án đọc sách, tạo điều kiện cho HS được đọc những cuốn sách yêu thích và chia sẻ kết quả đọc dưới nhiều hình thức đa dạng, sinh động và sáng tạo nhằm khơi gợi hứng thú đọc sách và tạo thói quen đọc sách cho HS. Ở lớp 9, phạm vi sách đọc có thay đổi theo định hướng được xác định từ tên bài *Văn học – lịch sử tâm hồn*: chú ý chọn đọc những tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam thuộc các bộ phận và thời kì, giai đoạn theo dòng lịch sử văn học. Bài học này cũng đưa một VB thuyết minh, trình bày tóm lược tiến trình phát triển của văn học Việt Nam nhằm bổ sung cho HS một số kiến thức về lịch sử văn học vốn đã được quan tâm đưa vào ngay từ đầu tập một, và thiết kế một số nội dung khác theo yêu cầu đọc, viết, nói và nghe của CT. Cụ thể là: đưa một VB phỏng vấn nhà văn nhằm thực hiện yêu cầu “nhận biết và phân tích được đặc điểm của bài phỏng vấn; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó”, yêu cầu HS thực hành “viết một quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động” và “tiến hành một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn”.

Như vậy, cấu trúc sách của *Ngữ văn 9* thống nhất với cấu trúc sách Ngữ văn của các lớp 6, 7, 8, tuy nhiên, có quan tâm đến việc cung cấp cho HS kiến thức về lịch sử văn học và tạo cơ hội cho người học vận dụng kiến thức đó để tiếp cận VB. SGK theo mô hình phát triển năng lực vốn tập trung vào việc phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, ít quan tâm đến

việc cung cấp kiến thức về lịch sử văn học cho HS, vì thế, sự bổ sung như đã thực hiện ở bài 10 là vô cùng cần thiết.

Mỗi học kì có một số tiết dành riêng cho đọc mở rộng theo yêu cầu của CT. SGK *Ngữ văn 9* thiết kế mục riêng cho đọc mở rộng, đặt sau bài 3, bài 5, bài 7, bài 9 để GV có thời gian cho HS được chia sẻ, trao đổi ở lớp kết quả đọc, qua đó có điều kiện kiểm tra kết quả tự đọc của HS. Cuối mỗi tập sách có phần *Ôn tập học kì*, trong đó có ôn tập kiến thức và luyện tập tổng hợp, giúp HS có cơ hội vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành một số bài tập rèn kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Các bài tập trong phiếu học tập ở phần *Ôn tập học kì* có thể coi là những gợi ý cho việc thiết kế đề kiểm tra, đánh giá theo định hướng mới. Sau mỗi bài học đều có phần *Củng cố, mở rộng*, vì vậy, việc củng cố kiến thức, kĩ năng không tập trung hết vào cuối học kì hay cuối năm học như trong SGK *Ngữ văn* theo CTGDPT năm 2006.

Ngoài ra, mỗi tập sách còn có một số phụ lục: *Bảng giải thích thuật ngữ* (tích hợp cả thông tin về vị trí mà thuật ngữ xuất hiện trong sách), *Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài*. Riêng tập hai có thêm *Bảng tra cứu một số yếu tố Hán Việt*. Những phụ lục này vừa bổ sung kiến thức và thông tin cho các bài học, vừa giúp HS từng bước làm quen với thao tác tìm kiếm thông tin khi sử dụng một cuốn SGK hay sách khoa học.

Sự phối hợp thống nhất giữa yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học trong hai tập sách được thể hiện qua các bảng sau:

TẬP MỘT

Tên bài	Nội dung dạy học	Yêu cầu cần đạt
1. THẾ GIỚI KÌ ẢO	Ngữ liệu • VB 1: <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> (Nguyễn Dữ) • VB 2: <i>Dế chọi</i> (Bồ Tùng Linh) • VB 3: <i>Sơn Tinh – Thủy Tinh</i> (trích, Nguyễn Nhưặc Pháp) • VB thực hành đọc: <i>Ngọc nữ về tay chân chủ</i> (khuyết danh) Tri thức ngữ văn • Truyện truyền kì • Điển tích, điển cố • Sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn	• Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện. • Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm. • Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học. • Nhận biết được điển tích, điển cố và phân tích được tác dụng của chúng; nhận biết được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn.

Tên bài	Nội dung dạy học	Yêu cầu cần đạt
		- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục. - Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự. - Trung thực trong các mối quan hệ ứng xử; yêu quý, trân trọng những con người có phẩm chất tốt đẹp.
2. NHỮNG CUNG BẬC TÂM TRẠNG	Ngữ liệu - VB 1: <i>Nỗi niềm chinh phụ</i> (trích <i>Chinh phụ ngâm</i>, nguyên tác của Đặng Trần Côn, bản dịch của Đoàn Thị Điểm (?)) - VB 2: <i>Tiếng đàn mưa</i> (Bích Khê) - VB 3: <i>Một thể thơ độc đáo của người Việt</i> (Dương Lâm An) - VB thực hành đọc: <i>Nỗi sầu oán của người cung nữ</i> (trích <i>Cung oán ngâm khúc</i>, Nguyễn Gia Thiều) Tri thức ngữ văn - Thơ song thất lục bát - Biện pháp tu từ: chơi chữ, điệp thanh, điệp vần	- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát. - Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB. - Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học. - Nhận biết và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ: chơi chữ, điệp thanh và điệp vần. - Viết được VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của nó. - Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi. - Yêu thương, đồng cảm với con người và trân trọng vẻ đẹp của cuộc sống.

Tên bài	Nội dung dạy học	Yêu cầu cần đạt
3. HÔN NƯỚC NÀM TRONG TIẾNG MẸ CHA	Ngữ liệu - VB 1: <i>Kim – Kiều gặp gỡ</i> (trích <i>Truyện Kiều</i>, Nguyễn Du) - VB 2: <i>Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga</i> (trích <i>Truyện Lục Vân Tiên</i>, Nguyễn Đình Chiểu) - VB 3: <i>Tự tình (bài 2)</i> (Hồ Xuân Hương) - VB thực hành đọc: <i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i> (trích <i>Truyện Kiều</i>, Nguyễn Du) Tri thức ngữ văn - Truyện thơ Nôm - Lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện - Chữ Nôm và chữ quốc ngữ	- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại. - Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện. - Có một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ quốc ngữ. - Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục. - Biết trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự. - Tự hào, trân trọng những di sản văn hoá, văn học của dân tộc; có ý thức giữ gìn và phát triển tiếng Việt.
4. KHÁM PHÁ VỀ ĐẸP VĂN CHƯƠNG	Ngữ liệu - VB 1: <i>“Người con gái Nam Xương” – một bi kịch của con người</i> (Nguyễn Đăng Na) - VB 2: <i>Từ “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi</i> (Trần Văn Toàn) - VB 3: <i>Ngày xưa</i> (Vũ Cao) - VB thực hành đọc: <i>“Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng”, một bài thơ tiễn biệt tiêu biểu trong thơ Đường</i> (Nguyễn Khắc Phi)	- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB. - Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học; hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau. - Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; biết cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp; biết cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.

Tên bài	Nội dung dạy học	Yêu cầu cần đạt
	Tri thức ngữ văn - VB nghị luận viết về tác phẩm văn học - Vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu VB - Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp - Một số lưu ý về cách tham khảo, trích dẫn tài liệu	- Viết được một VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của nó; có hiểu biết và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, biết cách trích dẫn VB của người khác. - Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi. - Yêu thích việc khám phá vẻ đẹp văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của các nhà văn.
5. ĐỐI DIỆN VỚI NỖI ĐAU	Ngữ liệu - VB 1: <i>Rô-mê-ô và Giu-li-ét</i> (trích, Uy-li-am Sếch-xpia) - VB 2: <i>Lơ Xít</i> (trích, Coóc-nây) - VB 3: <i>Bí ẩn của làn nước</i> (Bảo Ninh) - VB thực hành đọc: <i>Âm mưu và tình yêu</i> (trích, Giô-han Cơ-rít-xtốp-phơ Phri-đơ-rích Si-lơ) Tri thức ngữ văn - Bi kịch - Câu rút gọn và câu đặc biệt	- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại. - Nhận biết được đặc điểm của câu rút gọn, câu đặc biệt và hiểu được chức năng của các kiểu câu này để sử dụng một cách hiệu quả. - Viết được bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của nó. - Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi. - Coi trọng những giá trị nhân văn cao đẹp; lựa chọn hành động và cách ứng xử phù hợp để có được hạnh phúc chân chính.

TẬP HAI

Tên bài	Nội dung dạy học	Yêu cầu cần đạt
6. GIẢI MÃ NHỮNG BÍ MẬT	Ngữ liệu - VB 1: <i>Ba chàng sinh viên</i> (A-thơ Cô-nan Đoi-lơ) - VB 2: <i>Bài hát đồng sáu xu</i> (A-ga-thơ Crit-xti) - VB 3: <i>Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời</i> (trích, Nguyễn Thị Ngọc Hải) - VB thực hành đọc: <i>Ba viên ngọc bích</i> (trích, Phạm Cao Củng) Tri thức ngữ văn - Truyện trinh thám - Một số yếu tố của truyện trinh thám - Câu đơn và câu ghép, các kiểu câu ghép và phương tiện nối các vế câu ghép - Lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép	- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại. - Nhận biết được các kiểu câu ghép, kết từ để nối các vế câu ghép; biết lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép trong hoạt động giao tiếp. - Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện. - Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...). - Sống trung thực, trách nhiệm; tôn trọng pháp luật.
7. HỒN THƠ MUÔN ĐIỀU	Ngữ liệu - VB 1: <i>Tiếng Việt</i> (Lưu Quang Vũ) - VB 2: <i>Mưa xuân</i> (Nguyễn Bính) - VB 3: <i>Một kiểu phát biểu luận đề độc đáo của Xuân Diệu ở bài thơ “Vội vàng”</i> (Phan Huy Dũng) - VB thực hành đọc: <i>Miền quê</i> (Nguyễn Khoa Điềm)	- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ. - Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB. - Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

Tên bài	Nội dung dạy học	Yêu cầu cần đạt
	Tri thức ngữ văn - Thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ - Kết cấu - Một số căn cứ để xác định chủ đề - Sự phát triển của ngôn ngữ: nghĩa mới của từ ngữ và từ ngữ mới	- Hiểu được sự phát triển của ngôn ngữ thể hiện qua những nghĩa mới của từ ngữ và từ ngữ mới; biết vận dụng để trau dồi vốn từ. - Bước đầu biết làm một bài thơ tám chữ; viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ. - Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi. - Có tình yêu đối với thơ ca và vẻ đẹp của con người, cuộc sống được thể hiện trong thơ.
8. TIẾNG NÓI CỦA LƯƠNG TRI	Ngữ liệu - VB 1: <i>Đấu tranh cho một thế giới hoà bình</i> (G. G. Mác-két) - VB 2: <i>Biến đổi khí hậu – mối đe dọa sự tồn vong của hành tinh chúng ta</i> (trích <i>Phát biểu của Tổng Thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</i>, An-tô-ni-ô Gu-tê-rét) - VB 3: <i>Bài ca chúc Tết thanh niên</i> (Phan Bội Châu) - VB thực hành đọc: <i>Chuẩn bị hành trang</i> (Vũ Khoan) Tri thức ngữ văn - Thông tin khách quan và ý kiến chủ quan - Nghĩa và cách dùng tên viết tắt của các tổ chức quốc tế quan trọng	- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB; mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề. - Biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong VB; liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội. - Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết). - Hiểu được nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng (như UN, UNESCO, UNICEF, WHO, WB, IMF, ASEAN, WTO,...). - Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

Tên bài	Nội dung dạy học	Yêu cầu cần đạt
		• Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự; nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến, chỉ ra được những hạn chế (nếu có) như lập luận thiếu lô-gíc, bằng chứng chưa đủ hay không liên quan. • Có tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng, đất nước và nhân loại; sẵn sàng lên tiếng trước những vấn đề quan trọng, gay gắt.
9. ĐI VÀ SUY NGẪM	Ngữ liệu • VB 1: <i>Yên Tử, núi thiêng</i> (Thi Sảnh) • VB 2: <i>Văn hoá hoa – cây cảnh</i> (Trần Quốc Vượng) • VB 3: <i>Tình sông núi</i> (Trần Mai Ninh) • VB thực hành đọc: <i>Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội</i> Tri thức ngữ văn • VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh • VB giới thiệu một di tích lịch sử • Cách trình bày ý tưởng và thông tin trong VB thông tin	• Nhận biết và phân tích được đặc điểm của VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, tác dụng của cách trình bày thông tin trong VB (trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,...). • Phân tích được thông tin cơ bản của VB; biết giải thích ý nghĩa của nhan đề và đánh giá vai trò của các chi tiết quan trọng trong VB. • Nhận biết và phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ dùng để biểu đạt thông tin trong VB. • Hiểu được các hình thức làm biến đổi, mở rộng cấu trúc câu và ý nghĩa của chúng để vận dụng vào hoạt động tạo lập VB. • Viết được bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh hoạ. • Thuyết minh được (dưới hình thức nói) một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh hoạ.

Tên bài	Nội dung dạy học	Yêu cầu cần đạt
		Tự hào về vẻ đẹp muôn màu của đất nước và truyền thống lịch sử anh hùng của dân tộc; có ý thức gìn giữ những di sản quý báu do ông cha để lại và bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
10. VĂN HỌC – LỊCH SỬ TÂM HỒN	Ngữ liệu - VB 1: <i>Văn học Việt Nam từ khu vực ra thế giới, từ truyền thống đến hiện đại</i> (Trần Đình Sử) - VB 2: <i>Văn hoá đọc với nhà văn và độc giả trong thời đại công nghệ số</i> (Hà Ngân) - VB 3: <i>Bên mộ cụ Nguyễn Du</i> (Vương Trọng) Tri thức ngữ văn - Sơ giản về lịch sử văn học Việt Nam và vai trò của tri thức về lịch sử văn học trong đọc hiểu VB: Hai bộ phận của nền văn học: văn học dân gian và văn học viết, các thời kì của văn học viết Việt Nam, vận dụng tri thức về lịch sử văn học trong đọc hiểu VB - Bài phỏng vấn: Mục đích của việc phỏng vấn, nội dung và hình thức của bài phỏng vấn	- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học. - Nhận biết và phân tích được đặc điểm của bài phỏng vấn; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó. - Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ VB để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống. - Viết được một quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ. - Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn. - Yêu mến và trân trọng vẻ đẹp, giá trị của nền văn học dân tộc.

2.2.2. Giới thiệu, phân tích cấu trúc bài học

Mỗi bài học dự kiến dạy học trong khoảng 12 tiết. Các bài học đều có cấu trúc như nhau, trừ bài 10 (*Văn học – lịch sử tâm hồn*) có cấu trúc riêng và thời gian tổ chức hoạt động dạy học khác biệt.

Mở đầu mỗi bài học là tên bài và lời đề từ, tiếp theo đó là giới thiệu bài học (chủ đề và loại, thể loại VB), yêu cầu cần đạt (mục tiêu bài học). Các yêu cầu cần đạt theo CT môn Ngữ văn 2018, lớp 9 được sắp xếp hợp lí vào các bài học.

Trước phần đọc VB, *Ngữ văn 9* thiết kế mục *Tri thức ngữ văn* nhằm giúp HS có được những tri thức công cụ thiết yếu về văn học và tiếng Việt để đọc hiểu theo đặc điểm, yêu cầu đối với mỗi loại, thể loại VB và nhận biết, phân tích được những điểm nổi bật về ngôn ngữ của VB. Sau khi được trang bị tri thức ngữ văn, HS thực hiện hoạt động đọc gồm 3 bước: trước khi đọc, trong khi đọc và sau khi đọc. *Trước khi đọc* có mục tiêu giúp HS huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc nhằm chuẩn bị tiếp cận VB đọc với tư cách một người đọc chủ động và tích cực. *Trong khi đọc* gợi ý các chiến lược đọc phù hợp đối với từng VB cụ thể như *theo dõi, hình dung, dự đoán, suy luận*,... giúp HS biết vận dụng những thao tác tư duy phù hợp trong quá trình đọc để nắm bắt được những thông tin quan trọng về hình thức và nội dung của VB, làm cơ sở để giải quyết nhiệm vụ sau khi đọc. *Sau khi đọc* gồm các câu hỏi, yêu cầu được phân chia theo từng cấp độ nhận thức, từ *nhận biết* đến *phân tích, suy luận* và *đánh giá, vận dụng*. Những câu hỏi, yêu cầu này không chỉ hướng dẫn HS khám phá chính VB vừa đọc mà còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực đọc nói chung, thông qua việc giúp các em định hình cách đọc VB thuộc một loại, thể loại nhất định. Ngay sau VB và trước hệ thống câu hỏi sau khi đọc, có thể có phần giới thiệu ngắn gọn về tác giả và tác phẩm. Trong phần này, sách chỉ đưa những thông tin thật sự cần thiết đối với việc đọc hiểu VB.

Tương tự SGK *Ngữ văn* các lớp trước, trong *Ngữ văn 9*, mỗi bài học có 3 VB đọc hiểu có chung chủ đề do bài học quy định, trong đó VB 1 và VB 2 thuộc loại, thể loại VB chính được học trong bài, còn VB 3 thuộc một loại, thể loại khác nhưng có sự kết nối chặt chẽ với các VB 1 và VB 2 về chủ đề. Tuy không thuộc loại, thể loại VB chính của bài học và thường chỉ được dạy học trong 1 tiết, nhưng VB 3 vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kĩ năng đọc cho HS, giúp các em có sự đối sánh về loại, thể loại giữa VB 3 với VB 1 và VB 2 để thấy rõ hơn đặc trưng của loại, thể loại VB được học trong bài, đồng thời liên tưởng, suy nghĩ về những vấn đề có liên quan đến chủ đề của bài học, qua đó bồi đắp các phẩm chất, giá trị sống gắn với môn *Ngữ văn*.

Phần *Thực hành tiếng Việt* thường được đặt sau VB 1 và VB 2, đôi khi sau VB 3, khai thác ngữ liệu từ các VB đọc. Tuy vậy, nguyên tắc này đôi khi không thực hiện triệt để vì VB đọc không cung cấp đủ ngữ liệu phù hợp cho các bài tập thực hành nội dung tiếng Việt theo quy định của CT, chẳng hạn câu rút gọn, câu đặc biệt, trích dẫn trực tiếp, trích dẫn gián tiếp,... Trong những trường hợp đó, sách phải lấy ngữ liệu từ các bài học trước, từ SGK lớp trước hoặc ngoài SGK.

Hoạt động viết được thực hiện ở 2 phần: *Viết kết nối với đọc* và *Viết bài theo kiểu VB*. *Viết kết nối với đọc* được đặt ngay sau các câu hỏi và yêu cầu đọc hiểu mỗi VB đọc chính trong bài. Phần này chỉ yêu cầu HS viết những đoạn văn ngắn có nội dung được gợi ra từ VB mà các em vừa đọc, tạo cơ hội cho HS được luyện viết thường xuyên với yêu cầu đơn giản, nhẹ nhàng, từ đó giúp các em có thói quen, kĩ năng và hứng thú viết. *Viết bài theo kiểu VB* là một nội dung quan trọng của bài học, gồm các chỉ dẫn cụ thể về quy trình viết các kiểu VB theo yêu cầu của CT. Quy trình này được thiết kế chi tiết, hướng dẫn HS thực hiện từng bước để đạt đến sản phẩm cuối cùng là bài viết hoàn chỉnh: tìm hiểu yêu cầu

đối với kiểu bài, phân tích bài viết tham khảo, thực hành viết theo các bước (trước khi viết, viết bài, chỉnh sửa bài viết). Yêu cầu của từng kiểu bài được thiết kế một cách hệ thống, đảm bảo liên mạch và có sự phát triển hợp lý qua các lớp và qua các cấp học (THCS và THPT). Nhờ đó, GV và HS có thể thấy được cùng một kiểu bài, ví dụ nghị luận xã hội, nhưng qua các lớp, yêu cầu có sự nâng cao và việc thực hành viết cũng được phát triển theo những yêu cầu được nâng cao dần đó. Các yêu cầu đối với kiểu bài cũng là cơ sở để GV xây dựng các tiêu chí đánh giá phần Viết trong các bài kiểm tra, bài thi theo CT và SGK Ngữ văn mới. Việc thường xuyên thực hành viết theo yêu cầu của kiểu bài như vậy sẽ giúp HS thuận lợi hơn khi làm bài viết trong những kì thi quan trọng. Được tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài và đọc bài viết tham khảo trước khi thực hành viết bài theo các bước, HS hiểu được cần phải làm thế nào để sản phẩm viết đáp ứng được yêu cầu. Ở phần *Thực hành viết theo các bước*, chúng tôi không chủ trương hướng dẫn HS thực hành trên một đề cụ thể mà hướng dẫn thực hành theo mô hình kiểu bài, lấy bài viết tham khảo làm ví dụ minh họa (thị phạm), nhằm giúp các em vận dụng mô hình này để viết VB về một đề tài mới thuộc cùng kiểu bài. Quan điểm này có phần giống với việc dạy đọc hiểu theo mô hình thể loại. Nếu hướng dẫn thực hành trên một đề bài cụ thể thì HS có thể sẽ gặp khó khăn khi phải viết với một đề hoàn toàn mới. Cách dạy viết có bước phân tích bài viết tham khảo cũng hoàn toàn khác với dạy viết “theo văn mẫu” thường bị chỉ trích lâu nay. Trong phần hướng dẫn dạy viết, *Ngữ văn 9* định hướng cho HS khi đọc bài viết tham khảo cần đặc biệt chú ý phương diện cấu trúc hay cách tổ chức nội dung và hình thức của bài viết đó, còn đề tài của bài viết thì chính các em phải tự tìm (theo một số gợi ý), theo đó, chất liệu, ý tưởng của bài viết là của chính các em chứ không phải là sản phẩm vay mượn, sao chép từ nơi nào khác.

Ở hoạt động nói và nghe, HS được trình bày, thảo luận và tương tác trên cơ sở những gì mình đã chuẩn bị từ bài viết hoặc tiếp nhận được từ các VB đọc. *Ngữ văn 9* thiết kế các hoạt động nói và nghe theo một quy trình tỉ mỉ và chặt chẽ. Ở từng bài, HS phải xác định được mục đích nói và người nghe, phải tuân thủ các bước từ chuẩn bị nội dung nói đến trình bày bài nói và trao đổi, đánh giá. CT chỉ đặt ra yêu cầu cần đạt về kĩ năng cũng như nội dung nói và nghe ở mức tối thiểu. Vì vậy, để tăng cường sự kết nối giữa nói và nghe với nội dung viết, giúp cho HS chuẩn bị hoạt động nói và nghe thuận lợi hơn, bài học được sinh động hơn, *Ngữ văn 9* thiết kế nội dung nói và nghe khá linh hoạt nhưng không tăng độ khó so với quy định của CT.

Cuối mỗi bài có phần *Củng cố, mở rộng* để HS ôn lại những kiến thức cơ bản trong bài học và luyện tập một số kĩ năng thiết yếu. Ngoài ra, với VB ở phần *Thực hành đọc* đặt sau *Củng cố, mở rộng*, *Ngữ văn 9* còn tạo cho HS cơ hội thực hành đọc các VB thuộc cùng loại, thể loại với các VB đọc chính và có nội dung thống nhất với chủ đề chung của bài học. Theo đó, HS có thể vận dụng được kĩ năng đọc hiểu VB theo loại, thể loại và huy động hiểu biết từ việc đọc các VB trước đó để tự đọc một VB mới.

2.3. Phân tích các điểm mới cơ bản

a. Các bài học được thiết kế theo cách lồng ghép hệ thống loại, thể loại VB và chủ đề, bảo đảm phát triển năng lực và phẩm chất của HS một cách hiệu quả

Sách *Ngữ văn 9* gồm có 10 bài học. Tên bài gợi lên chủ đề của bài học đó. Các VB đọc chính trong mỗi bài (VB 1 và VB 2) thường tập trung vào một loại, thể loại VB. Hệ thống chủ đề là cơ sở để lựa chọn các VB trong mỗi bài học, đồng thời tạo sự kết nối giữa các bài học với nhau, phục vụ đắc lực cho việc phát triển vốn sống, trải nghiệm của HS ở độ tuổi lớp 9 nói riêng và cấp THCS nói chung, góp phần bồi dưỡng tình cảm, phẩm chất cho người học. Hệ thống loại, thể loại VB giúp HS nắm được mô hình đọc hiểu và thuận lợi hơn trong việc rèn luyện kỹ năng viết, nói và nghe. Nhờ đó, SGK *Ngữ văn 9* bảo đảm được sự kết nối chặt chẽ giữa các yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe nhằm phát triển phẩm chất và năng lực cho HS theo cách hiệu quả nhất.

b. *Mỗi bài học được thiết kế theo mạch các hoạt động đọc, viết, nói và nghe nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học cho HS*

Ở từng bài, các hoạt động đọc, viết, nói và nghe được thiết kế liên mạch và kết nối chặt chẽ với nhau. Hoạt động viết được thực hiện trên cơ sở đặc điểm của loại, thể loại VB hoặc nội dung VB của phần *Đọc*. Hoạt động nói và nghe có nội dung kết nối với kết quả của hoạt động đọc hoặc viết. Như vậy, tương tự SGK các lớp trước của cấp THCS, SGK *Ngữ văn 9* được thiết kế theo hướng lấy hoạt động đọc làm nền tảng, cung cấp chất liệu, “đầu vào” cho các hoạt động viết, nói và nghe. Cách thiết kế bài học với các mạch hoạt động như vậy tiêu biểu cho SGK theo mô hình phát triển năng lực, giúp GV và HS có điều kiện tổ chức hoạt động dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới của CTGDPT môn Ngữ văn năm 2018.

c. *Sách tích hợp dạy học kiến thức văn học và kiến thức tiếng Việt với dạy học đọc hiểu VB*

Kiến thức văn học nêu trong phần *Tri thức ngữ văn* được coi là công cụ để HS đọc hiểu. Đó là những kiến thức cơ bản, thiết yếu được lựa chọn và trình bày theo yêu cầu đọc hiểu mà CT quy định, chứ không nhằm trang bị lí thuyết để nghiên cứu văn học. Kiến thức tiếng Việt được giới thiệu ở phần *Tri thức ngữ văn* và giải thích cụ thể ở phần *Thực hành tiếng Việt* giúp HS nhận biết và phân tích tác dụng của việc sử dụng ngôn ngữ trong biểu đạt ý nghĩa, qua đó có thể đọc hiểu VB tốt hơn. Đồng thời, HS cũng có thể vận dụng các kiến thức tiếng Việt này vào việc viết bài hoặc thực hành nói và nghe. Việc cài đặt theo cách đó thể hiện sự nhất quán của quan điểm dạy học ngôn ngữ bám sát ngữ cảnh (Teaching language in context) mà SGK *Ngữ văn*, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* tuân thủ, đồng thời vẫn đảm bảo tính hệ thống tương đối của kiến thức ngôn ngữ.

Ngoài những kiến thức mới về tiếng Việt được quy định trong CT môn Ngữ văn lớp 9, SGK *Ngữ văn 9* còn tạo cơ hội cho HS được vận dụng kiến thức tiếng Việt đã học ở các lớp trước để thực hành và phát triển kỹ năng ngôn ngữ. Với những tiết *Thực hành tiếng Việt* có kiến thức mới, sách thiết kế khung “nhận biết” được đặt bên phải trang sách, từ đó, HS được hình thành kiến thức cơ bản về các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ qua những ngữ liệu minh họa trước khi làm bài tập.

d. Hệ thống ngữ liệu trong Ngữ văn 9 phù hợp với vốn sống, trải nghiệm và tâm lí tiếp nhận của HS, có giá trị thẩm mĩ cao và có ý nghĩa giáo dục lâu dài

Bên cạnh việc đáp ứng yêu cầu cần đạt của CT, hệ thống ngữ liệu trong SGK Ngữ văn 9 còn chú ý đến việc giúp HS có cái nhìn tương đối toàn diện về những thành tựu lớn của văn học Việt Nam. Ngoài việc kế thừa những VB quen thuộc trong SGK Ngữ văn lâu nay như: *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ), *Chinh phụ ngâm* (nguyên tác của Đặng Trần Côn, bản dịch của Đoàn Thị Điểm(?)), *Tự tình* (bài 2) (Hồ Xuân Hương), *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), *Truyện Lục Vân Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu), *Bài ca chúc Tết thanh niên* (Phan Bội Châu), *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* (Uy-li-am Sếch-xpia), *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình* (G.G. Mác-két),... Ngữ văn 9 còn tạo cơ hội cho HS được tiếp cận với một số VB lần đầu tiên được đưa vào SGK như: *Ngọc nữ về tay chân chủ* (khuyết danh), *Sơn Tinh – Thủy Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp), *Mưa xuân* (Nguyễn Bính), *Tiếng đàn mưa* (Bích Khê), *Ngày xưa* (Vũ Cao), *Tình sông núi* (Trần Mai Ninh), *Tiếng Việt* (Lưu Quang Vũ), *Miền quê* (Nguyễn Khoa Điềm), *Bên mộ cụ Nguyễn Du* (Vương Trọng), *Bí ẩn của làn nước* (Bảo Ninh), *Lơ Xít* (Coóc-nây), *Ba chàng sinh viên* (Cô-nan Đoi-ơ), *Bài hát đồng sáu xu* (A-ga-thơ Crít-xti), *Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời* (Nguyễn Thị Ngọc Hải),...

2.4. Phân tích một số bài học đặc trưng

Tất cả các bài học trong SGK Ngữ văn 9 đều thể hiện sự đổi mới rõ nét trong thiết kế SGK theo mô hình phát triển phẩm chất và năng lực. Các yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe được lựa chọn và kết hợp với nhau sao cho đảm bảo sự kết nối, tích hợp giữa đọc với viết, nói và nghe, để bài học trở thành một chỉnh thể chặt chẽ. Khác với SGK Ngữ văn THCS theo CT 2006 lấy nội dung dạy học làm xuất phát điểm để thiết kế bài học, trong SGK Ngữ văn 9, yêu cầu cần đạt (mục tiêu) quyết định tất cả các phần còn lại của bài học. Có thể lấy một số bài học làm ví dụ minh họa.

Ví dụ minh họa thứ nhất là bài 1. *Thế giới kì ảo* (Ngữ văn 9, tập một). Tên của bài học vừa gợi lên câu chuyện với những chi tiết hoang đường, khác thường, vừa thể hiện yếu tố nổi bật của thể loại văn học được học trong bài: yếu tố kì ảo. Các yêu cầu về đọc là: nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện; nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học. Để đọc hiểu VB trong bài học theo những yêu cầu này của CT, người học cần được trang bị các kiến thức về đặc điểm của truyện truyền kì thể hiện qua chi tiết kì ảo, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, ngôn ngữ.

Hai VB truyện truyền kì (thuộc thể loại chính của bài học) được lựa chọn là *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ) và *Dế chọi* (Bồ Tùng Linh). Sau hai VB này, tương tự như các bài học khác, HS được học một VB có yếu tố kì ảo nhưng khác thể loại, đó là

bài thơ *Sơn Tinh – Thủy Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp). Cuối bài 1 có VB để HS thực hành đọc: *Ngọc nữ về tay chân chủ* (khuyết danh). Yêu cầu đối với VB thực hành đọc ở đây cũng tương tự đối với VB thực hành đọc ở các bài khác.

Ví dụ minh họa thứ hai là bài 8. *Tiếng nói của lương tri* (Ngữ văn 9, tập hai). Chủ đề của bài học là trách nhiệm của mỗi người trước những vấn đề lớn lao của xã hội, đất nước, nhân loại. Loại VB chính là nghị luận xã hội. Các yêu cầu cần đạt về đọc là: nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB; mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong VB; liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội; phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết). Để đọc hiểu VB nghị luận xã hội theo những yêu cầu này của CT, ngoài những kiến thức về VB nghị luận xã hội đã học từ các lớp trước, người học cần có hiểu biết về sự phân biệt giữa thông tin khách quan và ý kiến chủ quan. Việc chọn chủ đề *Tiếng nói của lương tri* thể hiện một bước trưởng thành của người học với tư cách là một công dân so với chủ đề của các bài học về VB nghị luận xã hội trong *Ngữ văn 6* (*Khác biệt và gần gũi*), *Ngữ văn 7* (*Trải nghiệm để trưởng thành*) và *Ngữ văn 8* (*Lời sông núi*). Hai VB thuộc loại VB chính của bài học được lựa chọn là *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình* (Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két) và *Biến đổi khí hậu – mối đe dọa sự tồn vong của hành tinh chúng ta* (trích *Phát biểu của Tổng Thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu*, An-tô-ni-ô Gu-tê-rét). Sau hai VB này, HS được học một VB khác cùng chủ đề nhưng khác loại VB, đó là bài thơ *Bài ca chúc Tết thanh niên* (Phan Bội Châu) – lời kêu gọi thống thiết của nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu đối với thanh niên trước vận mệnh của dân tộc lúc bấy giờ. Cuối bài 8 có VB thực hành đọc *Chuẩn bị hành trang* (Vũ Khoan) vừa cùng loại VB vừa cùng chủ đề với VB 1 và VB 2.

Trong hai bài học trên, tương tự các bài học khác của *Ngữ văn 9*, quy trình đọc các VB thuộc loại, thể loại VB chính đều được chia làm 3 bước: trước khi đọc, đọc VB và sau khi đọc. Các câu hỏi sau khi đọc được chia thành 3 nhóm, phân biệt theo 3 cấp độ đọc hiểu: câu hỏi *nhận biết*; câu hỏi *phân tích, suy luận*; câu hỏi *đánh giá, vận dụng*. Các câu hỏi đều hướng đến mục tiêu không chỉ giúp HS đọc hiểu chính VB trong bài mà còn có khả năng vận dụng để đọc các VB khác thuộc cùng loại, thể loại VB, qua đó phát triển năng lực đọc cho người học.

Sau VB 1 và VB 2 ở bài 1 và bài 8, cũng như VB 1 và VB 2 ở tất cả các bài học khác, sách thiết kế nội dung *Viết kết nối với đọc*, chẳng hạn, sau VB 1 của bài 1, HS được yêu cầu: *Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về chi tiết “cái bóng” trong truyện*; sau VB 1 của bài 8, HS được yêu cầu: *Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) với chủ đề: Vũ khí hạt nhân đang là hiểm họa đe dọa sự tồn vong của nhân loại*.

Sau VB 1 và VB 2, đôi khi sau VB 3 như ở bài 5 và bài 6, HS được thực hành tiếng Việt dựa trên những đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong VB đọc. Thông qua đó, người học cũng từng bước được cung cấp kiến thức tiếng Việt và vận dụng ngay vào

ngữ cảnh VB đọc. Kiến thức tiếng Việt trong bài 1 có điển tích, điển cố và sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn; trong bài 8 có nghĩa, cách dùng tên viết tắt của các tổ chức quốc tế quan trọng và lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép, lựa chọn các kiểu câu ghép (ôn lại kiến thức đã học ở bài 6). Ngoài kiến thức mới ở lớp 9, *Ngữ văn 9* còn tận dụng cơ hội khai thác kiến thức HS đã học ở những lớp dưới để thiết kế các bài tập cho các em thực hành nếu VB đọc có đơn vị hay hiện tượng ngôn ngữ có liên quan, chẳng hạn ở bài 7 có bài tập thực hành biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá mà HS được học từ Tiểu học. Như vậy, khác với SGK *Ngữ văn THCS* theo CT 2006 vốn coi trọng cung cấp kiến thức ngôn ngữ cho HS một cách hệ thống, tương tự SGK *Ngữ văn* các lớp trước của bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, *Ngữ văn 9* dạy học tiếng Việt không theo lô-gíc kiến thức của Việt ngữ học mà gắn với giao tiếp thực tế, nhờ đó tăng cường tính chất ứng dụng của việc học kiến thức tiếng Việt.

Tiếp nối đọc VB và thực hành tiếng Việt là hoạt động viết. Quy trình dạy viết trong SGK *Ngữ văn 9* được tiếp nối từ quy trình dạy viết trong SGK *Ngữ văn* các lớp 6, 7, 8. Trước khi viết VB thuộc một kiểu bài cụ thể, HS được hướng dẫn tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài đó. Với bài 1, HS sẽ tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận xã hội (về một vấn đề cần giải quyết – con người trong mối quan hệ với tự nhiên); với bài 8, HS cũng có cơ hội củng cố kiến thức, kĩ năng viết kiểu bài nghị luận xã hội (về một vấn đề cần giải quyết trong đời sống xã hội). Tiếp đến, HS được phân tích một bài viết tham khảo. Ở bài 1, HS được đọc bài viết tham khảo *Con người đã làm gì với tự nhiên?*; ở bài 8, HS được đọc bài viết tham khảo *Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá của đất nước*. Các bài viết tham khảo này cung cấp cho HS mô hình hay cấu trúc kiểu bài để các em hình dung cách viết bài văn nghị luận xã hội triển khai theo các định hướng nội dung khác nhau: con người trong mối quan hệ với tự nhiên và vấn đề cần giải quyết trong đời sống xã hội. Lưu ý, bài viết tham khảo chỉ để giúp HS hình dung cách viết bài văn nghị luận, nhất là những yêu cầu cần phải có đối với kiểu bài này. Cuối cùng, ở hoạt động viết, HS được thực hành viết theo các bước: *trước khi viết*, *viết bài* và *chỉnh sửa bài viết*. Các bước được sách hướng dẫn rất cụ thể, nếu HS theo đúng quy trình hướng dẫn này thì đều có thể viết được bài văn đáp ứng yêu cầu.

Sau hoạt động viết, HS được thực hành nói và nghe. Với bài 1, HS được thực hành trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên). Ở bài 8, HS được thực hành trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (trong đời sống của cộng đồng, đất nước, nhân loại). Theo cách này, nội dung thực hành nói và nghe đều có sự kết nối với VB đọc hoặc bài viết theo những cách thức và mức độ khác nhau. Ở hoạt động nói và nghe, mỗi bài học trong sách cũng đều có những hướng dẫn rất cụ thể, theo quy trình gồm 3 bước: *trước khi nói*, *trình bày bài nói*, *sau khi nói*.

Tiếp sau hoạt động nói và nghe là phần *Củng cố, mở rộng*. Cuối bài học là VB thực hành đọc. Đây là VB HS tự đọc, cho nên có thể coi là phần nằm ngoài bài học ở lớp. Từ cách thiết kế nội dung phần *Củng cố, mở rộng* đến việc đưa VB thực hành đọc để HS vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để tự đọc một VB mới đều thể hiện rõ nét cách thiết kế

sách nhằm phát triển năng lực cho người học. Sau mỗi bài học, HS tiến dần đến mục tiêu trở thành một người đọc độc lập. Các em cũng không ngừng được rèn luyện kỹ năng viết, nói và nghe để đáp ứng nhu cầu đời sống và công việc sau này.

2.5. Khung kế hoạch dạy học

Việc lập kế hoạch dạy học *Ngữ văn 9* trong cả năm học cần căn cứ vào thời lượng của môn học trong CTGDPT 2018, các VB hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, các cơ quan quản lý giáo dục và kế hoạch năm học của nhà trường. SGK *Ngữ văn 9* được thiết kế trên cơ sở 140 tiết/ 35 tuần thực học (trung bình 4 tiết/ tuần). Kế hoạch dạy học theo năm học, tuần, bài học đều căn cứ theo quy định của CTGDPT (tổng thể) và CT môn *Ngữ văn 2018*.

Thời lượng các bài học và hoạt động trong SGK *Ngữ văn 9* được phân bổ như sau:

STT	Bài	Nội dung	Số tiết
HỌC KÌ I (72 tiết)			
1	Bài 1. Thế giới kì ảo	Đọc VB <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>	3
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Dế chọi</i>	2
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Sơn Tinh – Thủy Tinh</i>	1
		Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)	3
		Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)	1
2	Bài 2. Những cung bậc tâm trạng	Đọc VB <i>Nỗi niềm chinh phụ</i>	3
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Tiếng đàn mưa</i>	2
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Một thể thơ độc đáo của người Việt</i>	1
		Viết: Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát)	3
		Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học)	1

STT	Bài	Nội dung	Số tiết
3	Bài 3. Hồn nước nằm trong tiếng mẹ cha	Đọc VB <i>Kim – Kiều gặp gỡ</i>	3
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga</i>	2
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Tự tình (bài 2)</i>	1
		Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống của học sinh hiện nay)	3
		Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh hiện nay	1
4	Đọc mở rộng		2
5	Bài 4. Khám phá vẻ đẹp văn chương	Đọc VB <i>“Người con gái Nam Xương” – một bi kịch của con người</i>	3
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Từ “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi</i>	2
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Ngày xưa</i>	1
		Viết: Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện)	3
		Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (<i>Làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn?</i>)	1
6	Bài 5. Đối diện với nỗi đau	Đọc VB <i>Rô-mê-ô và Giu-li-ét</i>	3
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Lơ Xít</i>	2
		Đọc VB <i>Bí ẩn của làn nước</i>	1
		Thực hành tiếng Việt	1
		Viết: Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (kịch)	3
		Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học)	1

STT	Bài	Nội dung	Số tiết
7	Đọc mở rộng		2
8	Kiểm tra giữa học kì I		2
9	Trả bài kiểm tra giữa học kì I		1
10	Ôn tập cuối học kì I		2
11	Kiểm tra cuối học kì I		2
12	Trả bài kiểm tra cuối học kì I		1
HỌC KÌ II (68 tiết)			
13	Bài 6. Giải mã những bí mật	Đọc VB <i>Ba chàng sinh viên</i> Thực hành tiếng Việt Đọc VB <i>Bài hát đồng sáu xu</i> Đọc VB <i>Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời</i> Thực hành tiếng Việt Viết: Viết truyện kể sáng tạo Nói và nghe: Kể một câu chuyện tưởng tượng	3 1 3 1 1 3 1
14	Bài 7. Hồn thơ muôn điệu	Đọc VB <i>Tiếng Việt</i> Thực hành tiếng Việt Đọc VB <i>Mưa xuân</i> Thực hành tiếng Việt Đọc VB <i>Một kiểu phát biểu luận đề độc đáo của Xuân Diệu ở bài thơ “Vội vàng”</i> Viết: Tập làm một bài thơ tám chữ Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học)	3 1 2 1 1 2 1 1
15	Đọc mở rộng		2

STT	Bài	Nội dung	Số tiết
16	Bài 8. Tiếng nói của lương tri	Đọc VB <i>Đấu tranh cho một thế giới hoà bình</i> Thực hành tiếng Việt Đọc VB <i>Biến đổi khí hậu – mối đe dọa sự tồn vong của hành tinh chúng ta</i> Thực hành tiếng Việt Đọc VB <i>Bài ca chúc Tết thanh niên</i> Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống xã hội) Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (trong đời sống của cộng đồng, đất nước, nhân loại)	3 1 2 1 1 3 1
17	Bài 9. Đi và suy ngẫm	Đọc VB <i>Yên Tử, núi thiêng</i> Thực hành tiếng Việt Đọc VB <i>Văn hoá hoa – cây cảnh</i> Thực hành tiếng Việt Đọc VB <i>Tình sông núi</i> Viết: Viết bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử Nói và nghe: Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử	3 1 2 1 1 3 1
18	Đọc mở rộng		1
19	Bài 10. Văn học – lịch sử tâm hồn	Đọc: Thách thức đầu tiên Viết: Thách thức thứ hai Nói và nghe: Về đích	4 2 2
20	Kiểm tra giữa học kì II		2
21	Trả bài kiểm tra giữa học kì II		1
22	Ôn tập cuối học kì II		2
23	Kiểm tra cuối học kì II		2
24	Trả bài kiểm tra cuối học kì II		1

– Kế hoạch dạy học *Ngữ văn 9* trong năm học: Nhà trường, tổ chuyên môn hướng dẫn GV lập kế hoạch theo phân phối CT và kế hoạch năm học của toàn trường.

– Kế hoạch dạy học của từng bài học: Tổ chuyên môn và GV nghiên cứu bài học trong SGK, SGV và lập kế hoạch dạy học theo mạch kiến thức, kĩ năng của bài học. Chú ý mối quan hệ giữa các hoạt động: đọc, thực hành tiếng Việt, viết, nói và nghe, đọc mở rộng và năng lực của HS để có thể điều tiết thời lượng của các hoạt động cho phù hợp. Theo phân bổ chung, VB 1 dạy học trong 3 tiết (có thời gian cho giới thiệu chung về bài học và tri thức ngữ văn), VB 2: 2 tiết, VB 3: 1 tiết. Tuy vậy, trong các bài cụ thể thì tùy vào dung lượng, đặc điểm thể loại và độ khó của VB mà GV có thể điều chỉnh thời gian dạy học cho phù hợp. Số tiết phân bổ cho các phần *Thực hành tiếng Việt, Viết, Nói và nghe, Đọc mở rộng cũng vậy.*

3 PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

3.1. Những yêu cầu chung về phương pháp dạy học môn Ngữ văn

SGK *Ngữ văn 9* tuân thủ định hướng đổi mới dạy học của CTGDPT môn Ngữ văn năm 2018 là tăng cường dạy học tích hợp và phân hoá; đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và vận dụng kiến thức, kĩ năng của HS. GV cần chủ động, linh hoạt xây dựng và tổ chức các bài học giúp HS rèn luyện phương pháp đọc, viết, nói và nghe; tiếp nhận và vận dụng kiến thức tiếng Việt, văn học thông qua các hoạt động học bằng nhiều hình thức trong và ngoài lớp học. GV cũng cần chú ý tăng cường, phát huy tính tích cực, tự lực của HS; dành nhiều thời gian cho HS thực hành, trình bày, thảo luận để HS biết tự đọc, viết, nói và nghe theo những yêu cầu và mức độ khác nhau; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. *Ngữ văn 9* cũng tuân thủ định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được quy định trong CT tổng thể và được cụ thể hoá trong CTGDPT môn Ngữ văn năm 2018.

3.1.1. Yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học đối với GV

– Chuyển từ diễn giải, thuyết giảng sang tổ chức hoạt động học đọc, viết, nói và nghe cho HS.

– Để tổ chức hoạt động học cho HS, GV cần nắm vững yêu cầu và kĩ thuật thực hiện các bước: khởi động bài học, giao nhiệm vụ cho HS, hướng dẫn HS học hợp tác, hướng dẫn HS tự ghi bài, tổ chức cho HS báo cáo kết quả học tập và nhận xét, đánh giá.

Như vậy, GV cần giảm thời gian nói để HS có cơ hội được tăng cường hoạt động học (cá nhân, nhóm, lớp). GV chỉ hỗ trợ, không làm thay, không trả lời thay HS. Trong khi dạy học, GV cần chú ý tạo không khí lớp học thân thiện, gây được hứng thú học tập cho HS.

3.1.2. Yêu cầu đổi mới phương pháp học tập đối với HS

HS cần thực hiện nhiều hoạt động đa dạng, thể hiện vai trò chủ động, tích cực của người học. GV cần nắm được yêu cầu đổi mới phương pháp học tập đối với HS để hướng dẫn và hỗ trợ các em. Sau đây là một số yêu cầu cụ thể đối với HS:

- Chuẩn bị bài trước ở nhà. Chuẩn bị một số tư liệu (tranh, ảnh, hiện vật, đoạn phim ngắn,...) cần cho bài học và tìm ngữ liệu đọc mở rộng theo hướng dẫn của GV.
- Trả lời các câu hỏi, nhất là câu hỏi sau khi đọc; hoàn thành phiếu học tập mà GV giao.
- Trao đổi, thảo luận nhóm theo các nội dung GV nêu ra. Thuyết trình kết quả trao đổi, thảo luận của nhóm nếu được giao nhiệm vụ.
- Tương tác tích cực với GV.

Như vậy, HS cần chủ động hơn trong chuẩn bị bài học (phát triển khả năng tự học); làm việc nhóm và tương tác tích cực hơn với bạn và với thầy cô.

3.2. Hướng dẫn tổ chức dạy học các nội dung cơ bản của bài học

Để dạy học SGK *Ngữ văn 9*, GV cần nghiên cứu kĩ định hướng đổi mới phương pháp dạy học *Ngữ văn* trong CT và áp dụng một cách linh hoạt, sáng tạo vào hoạt động dạy học. Những yêu cầu cơ bản được nêu ra trong mục 3.1 ở trên cũng giúp GV có định hướng đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với bộ sách. Sau đây là những hướng dẫn và gợi ý bổ sung để tổ chức dạy học các nội dung cơ bản của bài học trong SGK *Ngữ văn 9*:

3.2.1. Hướng dẫn tổ chức dạy học *Tri thức ngữ văn*

Các kiến thức ngữ văn không được dạy như là một hệ thống các khái niệm thuần túy lí thuyết. HS tự đọc trước nội dung phần *Tri thức ngữ văn* ở nhà. Trên lớp, GV không đọc, giải thích cho HS các định nghĩa mà HS cần được tiếp nhận bằng cách thức tự nhiên, được dẫn dắt từ những tư liệu cụ thể đến những khái niệm trừu tượng, khái quát. Tùy từng bài học cụ thể mà GV triển khai cho phù hợp. Chẳng hạn, ở các bài học về truyện hay thơ, GV có thể cho các em kể lại một truyện đã học hay đọc một bài thơ yêu thích, rồi từ đó mới khơi gợi để các em trao đổi về các yếu tố cơ bản của truyện hay của thơ. Trước khi học các khái niệm có liên quan đến truyện và thơ, trên thực tế, HS đã được đọc nhiều tác phẩm truyện, thơ ngay từ Tiểu học và số VB truyện, thơ mà các em đã đọc được tăng cường đáng kể qua các năm học ở lớp 6, lớp 7 và lớp 8. Từ vốn đọc đó của HS, GV giúp các em hình dung bước đầu các khái niệm công cụ có liên quan. Ở lớp 9, theo yêu cầu của CTGDPT môn *Ngữ văn* năm 2018, phần *Tri thức ngữ văn* có một số khái niệm liên quan đến những thể loại văn học hoàn toàn mới như truyện truyền kì, truyện thơ Nôm, truyện trinh thám,... Những khái niệm này đòi hỏi HS phải có thời gian tìm hiểu và được GV hỗ trợ, hướng dẫn để nắm vững nhằm đảm bảo có thể vận dụng vào việc đọc hiểu VB một cách hiệu quả. Trong trường hợp đó, GV có thể có cách tiếp cận khác: dành thời gian nhiều hơn để diễn giảng, trao đổi kĩ hơn với HS. Tuy vậy, những trường hợp này không nhiều. Nói chung, các khái niệm công cụ ở phần *Tri thức ngữ văn* trong SGK *Ngữ văn*,

bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* qua các lớp từ THCS đến THPT, được sắp xếp theo cách lặp đi lặp lại và có nâng cao dần để HS có điều kiện làm quen và nắm vững, đủ đáp ứng yêu cầu đọc hiểu ở từng bài học, qua từng lớp. Vì vậy, có thể khẳng định, phần *Tri thức ngữ văn* không tạo nên khó khăn đáng kể nào cho HS nếu các em được học bộ sách này tuần tự qua các lớp.

Khi tìm hiểu *Tri thức ngữ văn*, HS chỉ cần nắm ở mức độ căn bản để vận dụng đọc các VB trong bài. Trong tiết đầu, GV có thể dành 5 phút để giới thiệu bài học và 15 – 20 phút cho việc dẫn dắt HS tiếp cận với *Tri thức ngữ văn*. Không nên dành hẳn một tiết để dạy học *Tri thức ngữ văn* vì như thế thì phần này sẽ trở nên nặng về lí thuyết và không hấp dẫn với HS. Trong khi hướng dẫn HS đọc VB, GV cần giúp các em biết vận dụng các khái niệm công cụ; nhờ đó, sau khi đọc VB, HS được hiểu sâu hơn, đầy đủ hơn các khái niệm này. Cách thức, quy trình triển khai thì đa dạng, nhưng phải bảo đảm yêu cầu giúp HS nắm vững các khái niệm công cụ và biết vận dụng để đọc hiểu VB trong SGK và các VB mới tương đồng về loại, thể loại. GV cũng cần chú ý nhắc lại tri thức ngữ văn ở cuối mỗi bài học. Như vậy, con đường tiếp nhận các khái niệm công cụ trong *Tri thức ngữ văn* không phải là tuyến tính mà được lặp lại và nâng cao qua các vòng.

Riêng kiến thức tiếng Việt, tuy cũng được đặt ở đầu bài học nhưng HS chỉ tiếp cận vào đầu tiết Thực hành tiếng Việt, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc chung là: kiến thức cần ở đâu, mức độ nào thì cung cấp cho HS ở đó với mức độ tương ứng (xem thêm phần *Hướng dẫn tổ chức dạy học thực hành tiếng Việt* ở dưới).

3.2.2. Hướng dẫn tổ chức dạy học đọc VB

Hoạt động đọc được thiết kế với 3 bước: trước khi đọc, trong khi đọc và sau khi đọc. GV cần chú ý đến cả 3 bước này. *Trước khi đọc* có mục tiêu khởi động, chuẩn bị tâm thế cho người học. Vì thế, GV cần khơi gợi để HS huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, tưởng tượng, cảm xúc nhằm chuẩn bị tiếp cận VB đọc với tư cách một người đọc chủ động và tích cực. Như vậy, ngoài việc trang bị cho HS các khái niệm công cụ để đọc hiểu VB theo mô hình loại, thể loại VB như đã nói ở trên, GV còn cần “kích hoạt” đối tượng tiếp nhận để HS đọc hiểu VB trên nền tảng hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, tưởng tượng, cảm xúc của chính các em. Với những câu hỏi, yêu cầu *Trong khi đọc*, HS cần được hướng dẫn và chuẩn bị trước khi học trên lớp. GV cần có những lưu ý để HS quan tâm tới các chiến lược đọc này khi tự đọc thầm VB hay trong khi nghe GV hoặc bạn đọc thành tiếng, đọc mẫu trên lớp. Phần lớn các câu hỏi, yêu cầu *Trong khi đọc* không yêu cầu HS phải dừng lại để trả lời mà chỉ như là những lưu ý, chỉ dẫn để hỗ trợ HS trong quá trình đọc. GV nên làm mẫu cho HS để các em hiểu được trong quá trình đọc, các kiểu chiến lược đọc như *theo dõi, suy luận, hình dung, tưởng tượng, dự đoán,...* có tác dụng hỗ trợ như thế nào cho người đọc. Trong khi đọc mẫu hay trong khi HS đọc thành tiếng, đôi khi, GV có thể diễn giải cho HS những gì diễn ra trong suy nghĩ của một người đọc có kinh nghiệm khi gặp những câu hỏi, yêu cầu *Trong khi đọc*. Cùng với hoạt động *Trong khi đọc*, GV hướng dẫn để HS có kĩ năng chủ động tìm hiểu các từ ngữ đã được chú thích hoặc tự tìm hiểu thêm những từ ngữ mới, khó trong VB.

Hệ thống câu hỏi *Sau khi đọc* (đối với VB 1 và VB 2) bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt của bài học. Cần nhấn mạnh, các câu hỏi *Sau khi đọc* chú ý khai thác những đặc điểm của VB xét về mặt loại, thể loại VB để thông qua việc đọc hiểu một VB cụ thể, HS từng bước hình thành và phát triển kĩ năng đọc các VB khác cùng loại, thể loại. HS cần đọc những câu hỏi này và chuẩn bị bài trước khi học trên lớp. Tương tự SGK *Ngữ văn* ở các lớp 6, 7, 8, hệ thống câu hỏi sau khi đọc trong *Ngữ văn 9* thường gồm 6 – 7 câu, được thiết kế theo ba nhóm: *nhận biết*; *phân tích, suy luận*; *đánh giá, vận dụng*. Nhóm câu hỏi *nhận biết* gắn với yêu cầu tìm các thông tin, chi tiết, sự kiện được thể hiện tường minh. Nhóm câu hỏi *phân tích, suy luận* đặt ra yêu cầu cao hơn, đòi hỏi HS phải nắm bắt được các nội dung hàm ẩn và có kĩ năng phân tích những gì được tiếp nhận. Nhóm câu hỏi *đánh giá, vận dụng* chú trọng yêu cầu HS đánh giá nội dung và nghệ thuật của VB, tạo cho HS cơ hội kết nối VB với những trải nghiệm thực tế của bản thân, giúp bồi đắp, hoàn thiện nhân cách cho các em. Trên cơ sở hệ thống câu hỏi của SGK, GV có thể sắp xếp lại hay bổ sung, sáng tạo, mở rộng nhằm bảo đảm hoạt động đọc hiểu thêm hiệu quả, nhưng lưu ý không làm tăng áp lực lên HS và không đi chệch mục tiêu, yêu cầu cần đạt của bài học.

Như đã lưu ý ở trên, trong khi hướng dẫn HS đọc VB, GV cần giúp các em biết vận dụng các khái niệm công cụ trong *Tri thức ngữ văn*, qua đó HS hiểu được những khái niệm công cụ đó được cung cấp nhằm hỗ trợ cho việc đọc hiểu VB, chứ không phải chỉ để hiểu và ghi nhớ.

Sau phần đọc hiểu VB 1 và VB 2 có *Viết kết nối với đọc*. Phần này chỉ yêu cầu HS viết những đoạn văn ngắn (khoảng 7 – 9 câu) và linh hoạt về kiểu bài. Yêu cầu về độ dài của đoạn văn ở phần này không thay đổi so với lớp 8. GV hướng dẫn HS sử dụng kết quả đọc để triển khai nội dung viết. Hoạt động *Viết kết nối với đọc* có thể được tổ chức trong khoảng 7 – 10 phút cuối thời gian đọc VB 1 và VB 2. Các em cũng có thể viết ở nhà tùy thuộc vào điều kiện thời gian. Nói chung, *Viết kết nối với đọc* được tiến hành theo cách linh hoạt, nhưng cần đảm bảo tất cả HS hoàn thành yêu cầu và lần lượt có được cơ hội chia sẻ kết quả viết trước lớp. GV nên chọn ngẫu nhiên một số bài viết để chấm nhanh và nhận xét, chú ý ưu tiên sửa bài cho những HS thường gặp khó khăn khi viết.

3.2.3. Hướng dẫn tổ chức dạy học thực hành tiếng Việt

Thực hành tiếng Việt được sắp xếp ngay sau hoạt động đọc VB và viết kết nối với đọc. Mục tiêu của hoạt động thực hành tiếng Việt là dùng những kiến thức về tiếng Việt được hình thành trong bài học hoặc đã học trước đó để tìm hiểu, khám phá các đặc điểm ngôn ngữ, nhất là những điểm đặc sắc trong một VB, nhờ thế HS có thể hiểu VB đã đọc một cách sâu sắc hơn, từ đó vận dụng để đọc những VB khác và có thể học cả kinh nghiệm sử dụng tiếng Việt của tác giả để nâng cao kĩ năng viết của mình. Ngoài ngữ liệu đã được dẫn trong hệ thống bài tập *Thực hành tiếng Việt*, GV có thể khai thác thêm các ngữ liệu khác được lấy từ bài đọc để HS có thêm cơ hội tìm hiểu và học hỏi cách sử dụng ngôn ngữ trong VB. GV cần lưu ý bảo đảm phương châm dạy học ngôn ngữ qua ngữ cảnh để HS nâng cao kĩ năng sử dụng tiếng Việt, không dạy học tiếng Việt chỉ nhằm đến mục tiêu giúp HS nắm được kiến thức về tiếng Việt. Kiến thức tiếng Việt mới gắn với từng bài

được trình bày trong mục *Tri thức ngữ văn*, nhưng GV chỉ nên yêu cầu HS đọc trước toàn bộ ở nhà. Còn ở lớp thì trong hoạt động khám phá *Tri thức ngữ văn*, GV chưa cung cấp kiến thức tiếng Việt mà chỉ cung cấp các kiến thức về thể loại, loại VB để HS có kĩ năng đọc VB theo thể loại, loại VB. Kiến thức được dạy học theo nguyên tắc *cần ở đâu dạy ở đó*; không dạy tất cả kiến thức một lần cho toàn bài học lớn. Nói cách khác, các kiến thức phải được chọn lựa để cung cấp cho HS ở từng thời điểm trong quá trình dạy học.

3.2.4. Hướng dẫn tổ chức dạy học viết

GV cần hướng dẫn HS hiểu rõ các yêu cầu cụ thể đối với mỗi kiểu bài viết cũng như quy trình viết để chủ động thực hành viết và phát triển năng lực viết. Trong khi hướng dẫn HS viết bài, GV cần huy động được hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm và khơi gợi được hứng thú, cảm xúc của HS để các em có được những bài viết vừa đáp ứng được yêu cầu về kiểu VB viết, vừa có tính sáng tạo. Việc hướng dẫn HS tự kiểm soát, chỉnh sửa, nâng cấp bài viết rất quan trọng. Nên khuyến khích HS trao đổi và chia sẻ thông tin, ý tưởng trong quá trình chuẩn bị nội dung viết và chỉnh sửa bài viết. Ngoài bài viết tham khảo trong SGK, GV có thể sử dụng thêm các ngữ liệu khác minh họa cho các kiểu bài viết và quy trình viết.

3.2.5. Hướng dẫn tổ chức dạy học nói và nghe

Việc tổ chức hoạt động nói và nghe trên lớp nên linh hoạt, khuyến khích HS chủ động, tự tin khi trình bày, trao đổi thông tin. Nên tăng cường các hoạt động tương tác khi nói và nghe, tạo cơ hội cho nhiều HS được trình bày, trao đổi trong nhóm và trước lớp. Có thể cho HS chia thành các nhóm có quan điểm, giải pháp không giống nhau để các em tranh luận, qua đó giúp các em “mài sắc” công cụ ngôn ngữ và tư duy. Chú ý sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ như số liệu, biểu đồ, tranh ảnh, đoạn phim ngắn,... trong quá trình trình bày. Lưu ý, GV chỉ nên dành nhiều thời gian hướng dẫn HS chuẩn bị cho hoạt động nói và nghe trong một hai bài đầu. Khi HS đã làm quen với thao tác chuẩn bị như lựa chọn đề tài, tìm ý và sắp xếp ý, các em có thể dựa vào hướng dẫn của SGK để tự chuẩn bị. Nhờ đó, thời gian cho hoạt động nói và nghe ở trên lớp có thể dành chủ yếu cho HS thực hành, GV không cần mất nhiều thời gian cho bước hướng dẫn HS chuẩn bị.

3.3. Hướng dẫn quy trình dạy học các dạng bài, hoạt động

3.3.1. Hướng dẫn tổ chức dạy học đọc

3.3.1.1. Dạy học đọc VB truyện

a. VB truyện và mục tiêu dạy học đọc VB truyện trong *Ngữ văn 9*

– Truyện là thể loại được dạy học nhiều nhất trong SGK *Ngữ văn* nói chung. Ở SGK *Ngữ văn 9*, do yêu cầu của CT, bài học về truyện tập trung vào truyện truyền kì, truyện thơ Nôm, truyện trinh thám. Cụ thể, SGK *Ngữ văn 9*, tập một, bài 1 có hai VB đọc là truyện truyền kì: *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ), *Dế chọi* (Bồ Tùng Linh); bài 3 có hai VB đọc là truyện thơ Nôm: *Kim – Kiều gặp gỡ* (trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du), *Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga* (trích *Truyện Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu).

SGK Ngữ văn 9, tập hai, ở bài 6 có hai VB đọc là truyện trinh thám: *Ba chàng sinh viên* (A-thơ Cô- nan Đoi-lo), *Bài hát đồng sáu xu* (A-ga-thơ Crít-xti). Có một VB truyện được đưa vào bài học dựa trên sự kết nối về chủ đề: *Bí ẩn của làn nước* (Bảo Ninh) ở bài 5.

Ngoài ra, trong cả ba bài học về thể loại truyện còn có các VB truyện đặt ở phần *Thực hành đọc* (HS tự đọc ngoài giờ lên lớp) gồm: *Ngọc nữ về tay chân chủ* (khuyết danh), *Kiểu ở lầu Ngưng Bích* (trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du), *Ba viên ngọc bích* (trích, Phạm Cao Củng).

– Mục tiêu dạy học đọc VB truyện được thể hiện cụ thể ở yêu cầu cần đạt của các bài 1, 3, 6; chủ yếu tập trung vào các yêu cầu: nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện; nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại; nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện; nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

b. Chuẩn bị

– Những kiến thức GV cần nắm

+ Với lớp 9, tuy yêu cầu cần đạt của CT chưa đòi hỏi phải khai thác sâu đặc điểm thi pháp của các thể loại truyện, nhưng GV cần nắm vững kiến thức về thể loại truyện (truyện truyền kì, truyện thơ Nôm, truyện trinh thám), từ đó, có thể định hướng tổ chức các hoạt động dạy học đọc theo “mã” thể loại; giúp HS phát triển năng lực đọc hiểu VB truyện.

+ Những kiến thức cơ bản GV cần nắm gồm có các yếu tố cơ bản của truyện như: cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật, ngôn ngữ trong các thể loại truyện truyền kì, truyện thơ Nôm, truyện trinh thám. Cụ thể là:

- Truyện truyền kì: quá trình hình thành và phát triển, yếu tố kì ảo, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, ngôn ngữ.

- Truyện thơ Nôm: quá trình hình thành và phát triển, đề tài, cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ.

- Truyện trinh thám: đề tài, không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể.

– **Phương tiện dạy học:** GV nên chuẩn bị video clip, phiếu học tập, phim, tranh ảnh có liên quan. Tuy nhiên, cần tránh lạm dụng phương tiện dạy học, vì nó có thể làm cho việc dạy học trở nên tốn kém, hình thức và đặc biệt là hạn chế cơ hội để HS tiếp cận VB ngôn từ một cách có chiều sâu.

c. Triển khai các hoạt động dạy học đọc hiểu VB truyện

– Mở đầu bài học, GV tổ chức một số hoạt động dạy học được quy định chung cho tất cả các bài:

+ Tìm hiểu đề từ, giới thiệu bài học: GV hướng dẫn HS đọc lời đề từ và phần giới thiệu bài học để nắm được chủ đề bài học và thể loại VB được học trong bài. HS trao đổi trong nhóm, sau đó một số HS trình bày trước lớp. GV và HS thống nhất cách hiểu.

+ Khám phá *Tri thức ngữ văn*: Ở các lớp 6, 7, 8, HS đã được làm quen với một số khái niệm công cụ để đọc hiểu VB truyện. Dựa trên những truyện mà các em đã học, đã đọc và tri thức về thể loại truyện mà các em được học từ các lớp trước, GV hướng dẫn HS củng cố kiến thức về đề tài, cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật..., từ đó, tiếp cận kiến thức mới về những yếu tố của các thể loại truyện được học ở lớp 9: truyện truyền kì (bài 1), truyện thơ Nôm (bài 3), truyện trinh thám (bài 6).

Thông thường, mỗi khái niệm nên được hình thành trên cơ sở quy nạp từ những ngữ liệu cụ thể mà HS đã học, đã đọc trước đó. Tuy vậy, do truyện truyền kì, truyện thơ Nôm, truyện trinh thám là những thể loại truyện mà ở các lớp trước HS chưa được học và trong thực tế hằng ngày HS cũng ít được đọc nên việc hình thành tri thức ngữ văn từ những tác phẩm truyện đã học, đã đọc bị hạn chế. Vì vậy, GV có thể cho HS trình bày sơ bộ cách hiểu của mình về những yếu tố đặc trưng của mỗi thể loại truyện trên cơ sở đọc *Tri thức ngữ văn* trước ở nhà hoặc dựa trên kết quả trao đổi nhóm ở lớp; sau đó cho HS vừa đọc VB vừa nhận biết, phân tích các yếu tố đặc trưng của mỗi thể loại truyện ngay trong quá trình đọc; nói cách khác, dùng chính VB đọc để giúp HS nắm vững các khái niệm công cụ trong phần *Tri thức ngữ văn* (xem thêm mục 3.2.1. Hướng dẫn tổ chức dạy học *Tri thức ngữ văn*).

– Hoạt động đọc VB truyện được thực hiện theo các bước như đọc các VB thuộc những loại, thể loại VB khác. Tuy nhiên, việc đọc VB truyện có một số đặc điểm riêng cần lưu ý. VB truyện truyền kì, truyện trinh thám trong SGK *Ngữ văn 9* có độ dài khoảng 6 – 7 trang (gồm cả tranh minh hoạ). Muốn đọc hiểu tác phẩm truyện, thông thường, phải nắm được cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện,... Đối với các tác phẩm truyện truyền kì, truyện thơ Nôm, truyện trinh thám trong SGK *Ngữ văn 9*, HS cần nắm được các yếu tố đặc trưng khác của từng thể loại. GV yêu cầu HS đọc trước VB ở nhà và thực hiện một số nhiệm vụ đọc để chuẩn bị bài trước khi đến lớp. GV cần kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và có thể sử dụng những kết quả đó để tổ chức hoạt động dạy học. Trên lớp, trước hết GV tổ chức hoạt động khởi động để giúp HS huy động hiểu biết, trải nghiệm đã có vào việc học VB mới, sau đó cho các em đọc diễn cảm một số đoạn quan trọng, hoặc sử dụng hình thức đọc theo “vai” (người kể chuyện, các nhân vật). Khi đọc các VB truyện, GV cần hướng dẫn HS sử dụng các chiến lược *theo dõi, dự đoán*,...

– Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): Như hệ thống câu hỏi sau khi đọc của *Ngữ văn 9* nói chung, các câu hỏi sau khi đọc ở bài 1, 3, 6 bám sát các yêu cầu cần đạt và được thiết kế theo ba nhóm: *nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng*.

+ Nhóm câu hỏi *nhận biết* thường gắn với yêu cầu nhận biết cốt truyện, nhân vật, sự kiện, không gian, thời gian, lời người kể chuyện, lời nhân vật,... chẳng hạn: *Trình bày cốt truyện và nêu bố cục của tác phẩm; Trong phần đầu tác phẩm, Nguyễn Dữ đã làm*

nổi bật những đặc điểm gì ở nhân vật Vũ Nương và Trương Sinh? (Chuyện người con gái Nam Xương); Nêu các sự kiện tạo nên cốt truyện và nhận xét ngắn gọn về không gian, thời gian, nhân vật chính trong truyện (Dế chọi); Đoạn trích có những nhân vật nào và kể về sự việc gì? (Kim – Kiều gặp gỡ); Xác định bố cục của đoạn trích và nêu nội dung chính của từng phần; Hãy chỉ ra đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời đối thoại của các nhân vật trong đoạn trích (Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga); Vụ án xảy ra ở đâu? Những dấu vết quan trọng nào đã được Sơ-lốc Hôm phát hiện trong không gian đó? (Ba chàng sinh viên); Đặc điểm hệ thống nhân vật của thể loại truyện trinh thám được thể hiện như thế nào trong tác phẩm “Bài hát đồng sáu xu”? (Bài hát đồng sáu xu); Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy? Với nội dung câu chuyện được kể, việc lựa chọn ngôi kể như vậy có tác dụng gì? (Bí ẩn của làn nước).

+ Nhóm câu hỏi phân tích, suy luận giúp HS nắm bắt được đặc điểm của nhân vật qua lời nói, cử chỉ, hành động, suy nghĩ, cảm xúc; những nét nghệ thuật nổi bật của thể loại truyện có liên quan đến cốt truyện, tình huống, lời người kể chuyện,... chẳng hạn: Phân tích lời than của nhân vật Vũ Nương trước khi gieo mình xuống sông để làm rõ các khía cạnh: a. Nỗi đau đớn của nhân vật; b. Đặc điểm ngôn ngữ nhân vật trong truyện truyền kì; Cho biết những nguyên nhân gây ra bi kịch của Vũ Nương. Nguyên nhân nào là chủ yếu? (Chuyện người con gái Nam Xương); Vì dế chọi mà gia đình Thành lâm vào cảnh ngộ như thế nào? Cũng nhờ dế chọi mà sau đó gia đình Thành được hưởng những gì? Phân tích ý nghĩa của sự đối lập giữa hai tình huống; Truyện có những yếu tố kì ảo nào? Các yếu tố kì ảo đó có ý nghĩa, vai trò gì trong truyện?; Những đặc điểm nào của truyện truyền kì được thể hiện trong truyện “Dế chọi”? (Dế chọi); Trong mười dòng thơ tiếp theo, Nguyễn Du đã tập trung miêu tả cảm xúc, tâm trạng của những nhân vật nào? Phân tích từ ngữ tiêu biểu được tác giả sử dụng để thể hiện cảm xúc, tâm trạng của các nhân vật đó (Kim – Kiều gặp gỡ); Nêu cảm nhận của em về nhân vật Kiều Nguyệt Nga. Những từ ngữ, hình ảnh nào khiến em có cảm nhận như vậy? (Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga); Nhằm tạo nên sự hấp dẫn của truyện trinh thám, nhà văn thường đánh lạc hướng suy luận của người đọc để cuối cùng, chân tướng sự việc lộ diện bất ngờ. Đặc điểm này được thể hiện như thế nào trong truyện “Ba chàng sinh viên”?; Việc nhà văn để cho Oát-xơn – bạn thân của Sơ-lốc Hôm – vào vai người kể chuyện ngôi thứ nhất có tác dụng gì? (Ba chàng sinh viên); Tác phẩm chủ yếu là lời thoại của các nhân vật. Theo em, vì sao nhà văn không miêu tả kĩ quá trình cân nhắc, suy luận của người điều tra?; Truyện trinh thám hấp dẫn người đọc bởi yếu tố bất ngờ. Hãy chỉ ra sự bất ngờ của kết quả điều tra vụ án trong tác phẩm “Bài hát đồng sáu xu” (Bài hát đồng sáu xu); Điều gì đã khiến nhân vật “tôi” “chết lặng”? Phân tích vai trò của chi tiết này trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm; Theo em, vì sao nhân vật “tôi” giữ điều bí mật cho riêng mình? Im lặng chịu đựng nỗi đau có phải là lựa chọn tốt nhất của nhân vật không? Vì sao? (Bí ẩn của làn nước).

+ Nhóm câu hỏi đánh giá, vận dụng chú trọng phát triển năng lực đánh giá, vận dụng của HS và bồi đắp, hoàn thiện nhân cách cho các em, chẳng hạn: Hình ảnh Vũ Nương hiện về khi Trương Sinh lập đàn giải oan trên bến Hoàng Giang được tác giả miêu tả qua những

chi tiết nào? Theo em, đoạn kết có màu sắc kì ảo này có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm? (Chuyện người con gái Nam Xương); Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật và nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ của Nguyễn Du trong đoạn trích; Nêu chủ đề của đoạn trích; qua đó, nhận xét về tư tưởng, tình cảm của tác giả (Kim – Kiều gặp gỡ); Câu nói nào của Lục Vân Tiên đã thể hiện quan niệm của nhân vật về người anh hùng? Em có đồng tình với quan niệm đó không? Vì sao?; Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật và nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ trong đoạn trích (Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga); Em rút ra bài học gì từ câu chuyện được kể trong tác phẩm? (Ba chàng sinh viên); Câu chuyện được kể trong tác phẩm gợi cho em những suy nghĩ, bài học gì? (Bài hát đồng sáu xu); Nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của nhan đề tác phẩm. Em có thể đề xuất một nhan đề khác cho truyện được không? Giải thích ý nghĩa của nhan đề do em đề xuất (Bí ẩn của làn nước).

Lưu ý: Trong các câu hỏi thuộc một trong ba nhóm trên, có những ý hỏi đan xen, có mức độ thuộc về một nhóm khác, chẳng hạn, trong câu hỏi nhận biết, có thể có ý hỏi thuộc nhóm phân tích, suy luận như ở câu hỏi 5 của VB 1 ở bài 1, ý hỏi *Trong tác phẩm, nhân vật Phan Lang được khắc hoạ ở những không gian, thời gian nào?* (nhận biết) được tiếp nối bằng ý hỏi *Nhân vật này có vai trò gì trong truyện?* (phân tích). Có thể thấy trường hợp tương tự ở câu hỏi 2 của VB 3 ở bài 5, trong một câu hỏi có hai vế thuộc hai mức độ khác nhau: *Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?* (nhận biết) *Với nội dung câu chuyện được kể, việc lựa chọn ngôi kể như vậy có tác dụng gì?* (suy luận).

3.3.1.2. Dạy học đọc VB thơ

a. VB thơ và mục tiêu dạy học đọc VB thơ trong Ngữ văn 9

– Trong Ngữ văn 9 có 4 VB thơ được chọn làm VB thuộc thể loại chính ở 2 bài là: *Nỗi niềm chinh phụ* (trích *Chinh phụ ngâm* – nguyên tác của Đặng Trần Côn, bản dịch của Đoàn Thị Điểm (?)) và *Tiếng đàn mưa* (Bích Khê) ở bài 2; *Tiếng Việt* (Lưu Quang Vũ) và *Mưa xuân* (Nguyễn Bính) ở bài 7. Có 6 VB thơ được đưa vào bài học dựa trên sự kết nối về chủ đề: *Sơn Tinh – Thủy Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp) ở bài 1, *Tự tình* (bài 2) (Hồ Xuân Hương) ở bài 3, *Ngày xưa* (Vũ Cao) ở bài 4, *Bài ca chúc Tết thanh niên* (Phan Bội Châu) ở bài 8, *Tình sông núi* (Trần Mai Ninh) ở bài 9, *Bên mộ cụ Nguyễn Du* (Vương Trọng) ở bài 10.

Ngoài ra, còn có các VB thơ được dùng để HS thực hành đọc ở các bài có thể loại chính là thơ: *Nỗi sầu oán của người cung nữ* (trích *Cung oán ngâm khúc*, Nguyễn Gia Thiều) ở bài 2; *Miền quê* (Nguyễn Khoa Điềm) ở bài 7.

– Các VB thơ được chọn đọc trong Ngữ văn 9 đều là những ngữ liệu phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu của CT về phát triển kĩ năng đọc VB thơ (gồm các thể thơ chính: song thất lục bát; sáu chữ, bảy chữ, tám chữ): từ đọc hiểu hình thức, đọc hiểu nội dung đến liên hệ, so sánh, kết nối. Ở các VB thơ, hệ thống câu hỏi sau khi đọc trong SGK đều hướng HS tới yêu cầu cần đạt:

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát (bài 2).

+ Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB (bài 2, bài 7).

+ Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ (bài 7).

+ Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề (bài 7).

Như vậy, có thể thấy, trong yêu cầu cần đạt về đọc hiểu thơ không có yêu cầu cần đạt về đọc hiểu các thể thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ. Tuy nhiên, do phần viết có yêu cầu viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ nên việc cho HS đọc hiểu thơ tám chữ là cần thiết. Kết hợp các bài thơ sáu chữ, bảy chữ với một bài thơ tám chữ trong một bài học là một giải pháp thỏa đáng. Như đã biết, ở bài 7 của *Ngữ văn 8*, HS được học đọc hiểu thơ tự do và viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một bài thơ tự do. Các thể thơ được phân bố ở các lớp cấp THCS trong bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* bắt đầu từ thơ lục bát (lớp 6), thơ bốn chữ, năm chữ (lớp 7), thơ tự do (lớp 8), thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ (lớp 9). Có thể có câu hỏi: Vì sao không đặt thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ ở lớp 8? Câu trả lời là: CT quy định ở lớp 9, HS cần viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ, cho nên phần đọc không thể không có bài thơ tám chữ. Ở lớp 8, HS cần viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một bài thơ tự do, cho nên phần đọc cần có bài thơ tự do. Thơ sáu chữ, bảy chữ đưa vào cùng bài học với thơ tám chữ (ở lớp 9) thì phù hợp hơn so với phương án đưa các thể thơ này vào cùng bài học với thơ tự do (ở lớp 8).

Ngoài ra, tùy vào nội dung ngữ liệu mà mỗi bài học còn giúp HS được bồi dưỡng những phẩm chất cần thiết như: có tình yêu đối với thơ ca và vẻ đẹp của con người, cuộc sống được thể hiện trong thơ (bài 2); yêu thương, đồng cảm với con người và trân trọng vẻ đẹp của cuộc sống (bài 7).

Xin nhắc lại một lưu ý từ lớp 8: Trong CT có yêu cầu “Bước đầu biết làm một bài thơ tự do (sáu, bảy chữ)”. Thực chất, thơ sáu chữ, bảy chữ không phải là các tiểu loại của thơ tự do. Vì vậy, yêu cầu này có thể hiểu theo 2 cách: làm một bài thơ tự do hoặc làm một bài thơ sáu, bảy chữ. Theo đó, ngữ liệu đọc cũng cần có VB thơ thuộc thể loại tương ứng. *Ngữ văn 8*, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* chọn thơ tự do, từ VB đọc cho đến VB thực hành viết vì nhóm tác giả cho rằng thơ tự do phổ biến hơn, HS cần nắm được “mã thể loại” nhiều hơn để vận dụng vào đọc hiểu. Còn thơ sáu chữ, bảy chữ chủ yếu được xác định dựa trên số chữ của mỗi dòng thơ, có đặc điểm gần với thể thơ tám chữ, nên cần kết hợp vào bài học về thơ tám chữ ở lớp 9.

b. Chuẩn bị

– Những kiến thức GV cần nắm

+ Thơ song thất lục bát:

Song thất lục bát là thể thơ có sự kết hợp đan xen từng cặp câu 7 tiếng (song thất) với từng cặp câu 6 và 8 tiếng (lục bát). Bài thơ song thất lục bát có thể được chia khổ hoặc

không, số câu thơ trong mỗi khổ thơ cũng không cố định. Tương tự thể lục bát, song thất lục bát cũng có hiện tượng biến thể: có khi bài thơ mở đầu bằng cặp lục bát chứ không phải cặp song thất; có khi một số cặp lục bát liền nhau sau đó mới đến cặp song thất; có khi số chữ của các câu thơ không theo quy định.

Về vần, thơ song thất lục bát sử dụng cả vần lưng (yêu vận) và vần chân (cước vận). Vần lưng được gieo ở tiếng thứ sáu (hoặc thứ tư) của câu thơ 8 tiếng (hiệp vần với tiếng cuối của câu thơ 6 tiếng ngay trước nó) và tiếng thứ ba (hoặc thứ năm) của câu thơ 7 tiếng (hiệp vần với tiếng cuối của câu thơ 7 tiếng liền trước nó). Vần chân được gieo ở tiếng cuối của tất cả các câu thơ.

Về thanh điệu, câu thơ song thất lục bát có quy định riêng về thanh điệu, cố định ở một số vị trí, hoàn toàn khác biệt với quy định về thanh điệu của thơ lục bát và thơ thất ngôn Đường luật (xem SGK, tập một, tr. 40).

Câu thơ 7 tiếng thường có cách ngắt nhịp lẻ trước chẵn sau (3/2/2 hay 3/4). Hai câu 6 và 8 ngắt nhịp theo thể lục bát. Một số câu thơ có thể đọc theo những cách ngắt nhịp khác nhau, mỗi cách ngắt nhịp tạo ra một nghĩa tương ứng.

+ Thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ

Đây là những thể thơ được xác định dựa vào số chữ (tiếng) trong mỗi dòng thơ. Các dòng thơ thường được ngắt nhịp một cách linh hoạt. Bài thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ có số lượng dòng không hạn chế; có thể chia khổ hoặc không; thường sử dụng vần chân, gieo vần liền hoặc vần cách.

+ Bên cạnh kiến thức về các thể thơ, trong bài học về thơ (bài 7), GV cần chuẩn bị tìm hiểu các kiến thức về:

- Kết cấu nói chung và kết cấu thơ nói riêng: toàn bộ cách tổ chức, sắp xếp, liên kết các yếu tố tạo nên tác phẩm nghệ thuật. Trong thơ, đó là cách tổ chức, sắp xếp, liên kết mạch cảm xúc, thể giới hình tượng và các phương tiện ngôn ngữ được dùng để biểu đạt.

- Một số căn cứ để xác định chủ đề: Chủ đề của tác phẩm văn học thường được người đọc tự rút ra từ toàn bộ nội dung của tác phẩm. Tuy vậy, trong nhiều trường hợp, một số yếu tố nổi bật của tác phẩm có thể là căn cứ quan trọng để xác định chủ đề: Nhan đề có thể hé lộ cho người đọc phần nào chủ đề của tác phẩm. Một số yếu tố khác gắn với đặc trưng thể loại có thể giúp người đọc nắm được chủ đề của tác phẩm, chẳng hạn, với thơ: mạch cảm xúc, hình ảnh,...; với truyện, kịch: nhân vật, sự kiện, xung đột,... đôi khi là lời phát biểu trực tiếp của nhân vật hay lời người kể chuyện.

Ngoài ra, GV cần nắm vững một số khái niệm công cụ chung trong quá trình dạy thơ vốn đã được vận dụng ở *Ngữ văn 6*, *Ngữ văn 7* và *Ngữ văn 8* như: hình ảnh, vần, nhịp, ngôn ngữ thơ, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo.

– **Phương tiện dạy học:** GV nên chuẩn bị video clip (ngâm thơ, đọc thơ), phiếu học tập, phim, tranh ảnh có liên quan đến nội dung bài học.

c. Triển khai các hoạt động dạy học đọc hiểu VB thơ

Ngoài những hoạt động dạy học áp dụng chung khi mở đầu bài học (tìm hiểu đề từ, giới thiệu bài học, hình thành tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc loại, thể loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), việc dạy học đọc VB thơ trong *Ngữ văn 9* có một số điểm đáng chú ý sau đây:

– Hoạt động đọc VB: HS cần được khuyến khích đọc VB trước khi đến lớp. Ở lớp, GV đọc mẫu một đoạn đầu, sau đó yêu cầu HS đọc diễn cảm toàn VB. Một số VB thơ trong *Ngữ văn 9* tương đối dài, vì vậy, GV nên yêu cầu mỗi HS đọc một đoạn có độ dài vừa phải, như vậy cũng tạo cơ hội cho nhiều HS được đọc. GV lưu ý HS sử dụng chiến lược *hình dung* và *theo dõi* trong khi đọc VB thơ. Trong quá trình hướng dẫn đọc, GV có thể gợi ý thêm bằng các câu hỏi nhỏ, nhưng cần tránh làm gián đoạn mạch đọc của HS.

– Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): Hệ thống câu hỏi sau khi đọc hướng tới khai thác những đặc điểm nghệ thuật của VB thơ, đặc biệt là các đặc điểm của thể thơ song thất lục bát và các thể thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ, cũng như chủ đề, thông điệp hoặc những giá trị nhân văn của tác phẩm.

+ Nhóm câu hỏi *nhận biết* thường hướng tới yêu cầu HS xác định những yếu tố hoặc những dấu hiệu để nhận biết một bài thơ thuộc thể thơ song thất lục bát hoặc các thể thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ; bố cục và kết cấu bài thơ; các biện pháp tu từ (so sánh, nhân hoá, điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ,...), chẳng hạn: *Chỉ ra những đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong đoạn trích “Nỗi niềm chinh phụ” (Nỗi niềm chinh phụ); Chỉ ra những đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong bài thơ “Tiếng đàn mùa”; Xác định bố cục của bài thơ và nêu nội dung chính của từng phần (Tiếng đàn mùa); Xác định những đặc điểm của thể thơ tám chữ trong bài thơ “Tiếng Việt” (Tiếng Việt); Xác định số tiếng trong mỗi dòng thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp của bài thơ; Bài thơ là lời tự tình của một cô gái xưng “em”. Lời tự tình ấy cho biết câu chuyện gì về cô gái? (Mùa xuân); Phép thuật của Sơn Tinh và Thủy Tinh thể hiện cụ thể như thế nào? (Sơn Tinh – Thủy Tinh); Xác định thể thơ, đề tài và bố cục của bài thơ; Hai câu đề miêu tả thời gian, không gian nào và gợi tâm trạng gì? (Tự tình, (bài 2)); Cho biết bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào. Dựa vào đâu em biết được điều đó? (Bài ca chúc Tết thanh niên).*

+ Nhóm câu hỏi *phân tích, suy luận* yêu cầu HS tìm ra những nội dung chính của VB thơ như mạch cảm xúc của tác phẩm, cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp,...; và những nét đặc sắc về nghệ thuật như những hình ảnh thơ độc đáo, cách tái hiện cảnh vật và cuộc sống con người,..., chẳng hạn: *Người chinh phụ tiễn người chinh phu ra trận với tâm trạng như thế nào? Qua tâm trạng đó của người chinh phụ, em hiểu gì thêm về giá trị của cuộc sống? (Nỗi niềm chinh phụ); Nêu đặc điểm chung của những sự vật, hiện tượng phụ họa cùng mùa trong bài thơ. Theo em, tác giả muốn khắc họa tâm trạng gì qua những sự vật, hiện tượng ấy? Chỉ ra mối liên hệ giữa hình ảnh nước non ở ba khổ thơ đầu với nội dung của hai câu thơ cuối (Tiếng đàn mùa); Bài thơ “Tiếng Việt” là lời của ai, bộc lộ cảm xúc về*

đối tượng nào? Điều đó có ý nghĩa gì?; Trong cảm nhận của nhà thơ, tiếng Việt rất gần gũi thân thương, bao gồm muôn vàn âm thanh của cuộc sống đời thường. Hãy phân tích một hình ảnh thơ thể hiện rõ điều đó; Nêu chủ đề và căn cứ xác định chủ đề của bài thơ “Tiếng Việt” (Tiếng Việt); Không gian mùa xuân của làng quê Bắc Bộ và dòng tâm trạng, cảm xúc của cô gái có mối liên hệ như thế nào? Chỉ ra những hình ảnh thơ thể hiện mối liên hệ đó; Hãy nêu cảm hứng chủ đạo, chủ đề của bài thơ “Mùa xuân” và cho biết căn cứ vào đâu em xác định được chủ đề đó (Mùa xuân); Tính chất kì ảo thể hiện như thế nào trong câu chuyện được kể bằng thơ này? Cách miêu tả những yếu tố kì ảo có gì đặc sắc? (Sơn Tinh – Thủy Tinh); Chỉ ra sự chuyển mạch cảm xúc của bài thơ trong hai câu thơ kết; Nêu chủ đề của bài thơ. Chủ đề đó giúp em hiểu thêm điều gì về tư tưởng, tình cảm của tác giả? (Tự tình (bài 2)); Bài thơ cho thấy “Truyện Kiều” đã được tiếp nhận theo những cách nào? Bài thơ gợi cho em suy nghĩ gì về sức sống của Truyện Kiều trong lòng người dân Việt Nam? (Ngày xưa); Bài thơ đã thể hiện kì vọng gì của tác giả đối với thế hệ trẻ lúc bấy giờ?; Phân tích tâm trạng của tác giả thể hiện trong bài thơ. Nhận xét về đặc điểm lời thơ biểu đạt tâm trạng đó (Bài ca chúc Tết thanh niên).

+ Nhóm câu hỏi đánh giá, vận dụng nhằm phát triển khả năng liên hệ, so sánh, kết nối với các VB thơ khác cùng chủ đề, thể loại; với cuộc sống và với bản thân HS, chẳng hạn suy nghĩ của người đọc sau khi đọc bài thơ, cảm nhận của người đọc về tâm hồn của nhà thơ,... Ví dụ: Em có ấn tượng nhất với hình ảnh nào trong đoạn trích? Vì sao? (Nỗi niềm chinh phụ); Em có ấn tượng nhất với điều gì ở bài thơ? Vì sao? (Tiếng đàn mùa); Em cần làm gì để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt? (Tiếng Việt); Em có nhận xét gì về ngôn ngữ của bài thơ? (Mùa xuân); Theo em, điều gì làm nên sức hấp dẫn của bài thơ “Sơn Tinh – Thủy Tinh”? (Sơn Tinh – Thủy Tinh); Em có nhận xét gì về hình thức nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, ngôn từ, hình ảnh, cách tổ chức, sắp xếp ý thơ,...)? (Ngày xưa); Đặt trong bối cảnh cuộc sống hôm nay, lời kêu gọi tuổi trẻ thể hiện trong bài thơ có ý nghĩa như thế nào? (Bài ca chúc Tết thanh niên).

3.3.1.3. Dạy học đọc VB bi kịch

a. VB bi kịch và mục tiêu của việc dạy học đọc bi kịch trong SGK Ngữ văn 9

– Trong Ngữ văn 9 có hai VB bi kịch được chọn làm VB đọc thuộc thể loại chính của bài 5: Rô-mê-ô và Giu-li-ét (trích, Uy-li-am Sếch-xpia) và Lơ Xít (trích, Coóc-nây). Ngoài ra, còn có VB để HS thực hành đọc: Âm mưu và tình yêu (trích, Giô-han Cơ-rít-xtốp-phơ Phri-đơ-rích Si-lơ).

– Tiếp nối bài 5 của Ngữ văn 8, ở bài 5 của Ngữ văn 9, GV cần giúp HS thấy được sự luân chuyển lời đối thoại và hành động của nhân vật, sự xuất hiện các xung đột với nhiều hình thức đa dạng là những dấu hiệu chính để xác định một VB kịch. HS cũng cần phân biệt nhân vật, xung đột, hành động kịch,... trong bi kịch khác với hài kịch như thế nào.

b. Chuẩn bị

– Những kiến thức GV cần nắm

Bi kịch là một thể loại của kịch, thể hiện xung đột không thể giải quyết giữa khát vọng cao đẹp của con người với khả năng, tình thế thực hiện. Xung đột bi kịch nảy sinh do

mâu thuẫn giữa cái thiện với cái ác, cái cao cả với cái thấp hèn, cái mới với cái cũ, cái tiến bộ với cái phản tiến bộ, giữa các mặt khác nhau của tính cách, giữa mong muốn chủ quan và điều kiện khách quan, giữa các giá trị khác nhau của đời sống,... Các xung đột này tạo nên bởi hành động có ý thức của nhân vật trong việc thực hiện cái tất yếu mà nó tự thấy trước là không tránh khỏi bị tai họa. Qua hành động, nhân vật bộc lộ tính cách, phẩm chất của mình. Nhân vật bị kịch có sức mạnh lớn lao, phẩm chất cao cả, mang trong mình những lí tưởng, khát vọng đẹp đẽ,... nhưng phải đối mặt với số phận nghiệt ngã, những quyết định khó khăn, sự không thuận lợi của hoàn cảnh,... Lời thoại của nhân vật thường thể hiện sự căng thẳng, những giằng xé nội tâm, có tính hùng biện, triết lí, hoặc có tính chất mỉa mai, trau chuốt,...

Đề tài của bi kịch thường mượn từ lịch sử hay huyền thoại, đề cập những vấn đề lớn, có tính vĩnh cửu của cuộc sống con người. Cốt truyện của bi kịch biểu thị chuỗi hành động tuân theo quy tắc nhân quả, dẫn tới kết cục bi thảm của nhân vật chính. Kết thúc bi thảm của nhân vật có ý nghĩa thức tỉnh, dự báo một cái gì tốt đẹp hơn sẽ nảy sinh trong cuộc sống.

Ngoài những kiến thức cần cung cấp cho HS, GV cần nắm thêm một số kiến thức chuyên sâu hơn để làm chủ được nội dung bài dạy:

– Cái bi: phạm trù mỹ học phản ánh một hiện tượng có tính quy luật của thực tế đời sống xã hội, thường diễn ra trong cuộc đấu tranh không ngang sức giữa cái thiện với cái ác, cái mới với cái cũ, cái tiến bộ với cái phản tiến bộ,... trong điều kiện những cái sau còn mạnh hơn những cái trước và cản trở cái trước, thậm chí làm cho cái trước bị tổn thất. Cái bi tạo ra một cảm xúc thẩm mỹ phức hợp bao hàm cả nỗi xót đau, niềm hân hoan lẫn nỗi sợ hãi khủng khiếp. Cái bi thường đi liền với nỗi đau và cái chết, song bản thân nỗi đau và cái chết chưa phải là cái bi. Chúng chỉ trở thành cái bi khi hướng tới và khẳng định sự bất tử về mặt tinh thần của con người. Cái bi được thể hiện ở nhiều loại hình nghệ thuật cũng như nhiều thể loại văn học.

– Hiệu ứng thanh lọc: Bi kịch đặt khán giả trước những câu hỏi phức tạp, hóc búa, nhức nhối của cuộc sống. Bi kịch, qua sự khiếp sợ, lòng thương, sự ngưỡng mộ,... cho người ta những bài học về lòng cao thượng. Theo dõi hành động kịch căng thẳng, gay gắt, kết cục bi thảm, người xem có thể sợ hãi, thương cảm, xót xa như chính mình trải nghiệm, từ đó căm ghét cái giả dối, ngưỡng mộ và khâm phục cái cao cả. Hiệu ứng thanh lọc sẽ được tìm hiểu kĩ hơn ở cấp THPT, song ở lớp 9, GV cũng cần chú ý hiệu ứng thanh lọc để giúp HS nhận ra vẻ đẹp của bi kịch, tránh những cách tiếp nhận phản cảm.

– **Phương tiện dạy học:** Khi dạy bi kịch, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học như tranh ảnh, video clip,..., nhất là những phương tiện nghe nhìn có liên quan đến nội dung các VB bi kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* (trích, Uy-li-am Sếch-xpia) và *Lơ Xít* (trích, Coóc-nây).

c. Triển khai các hoạt động dạy học đọc bi kịch

Ngoài những hoạt động dạy học áp dụng chung khi mở đầu bài học (tìm hiểu đề từ, giới thiệu bài học, hình thành tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc loại,

thể loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), việc dạy học đọc VB kịch trong *Ngữ văn 9* có một số điểm cần lưu ý sau đây:

– Hoạt động đọc VB: GV cần chú ý hướng dẫn HS sử dụng các chiến lược đọc trong khi đọc và hướng dẫn HS trả lời câu hỏi sau đọc; giúp các em nhận biết được mỗi câu hỏi đề cập một phương diện nổi bật hay một yếu tố đặc trưng của bi kịch.

– Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): GV lưu ý 3 nhóm câu hỏi sau khi đọc hiểu một bi kịch.

+ Nhóm câu hỏi *nhận biết* các thông tin, chi tiết tường minh trong VB như: *Sự việc Rô-mê-ô gặp Giu-li-ét diễn ra trong tình thế như thế nào? (Rô-mê-ô và Giu-li-ét); Vì sao Rô-đri-gơ đến gặp Si-men sau khi đã giết cha của nàng?; Rô-đri-gơ đánh giá như thế nào về việc chàng giết cha của Si-men? Vì sao chàng không “Nghe tiếng gọi con tim và làm theo lệnh nó”?; Chỉ ra diễn biến tâm trạng của Si-men trong đoạn trích (Lơ Xít).*

+ Nhóm câu hỏi *phân tích, suy luận* về tính cách nhân vật, lời thoại, hành động, xung đột kịch,... như: *Hãy nhận xét cách bày tỏ tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét; Phân tích các hình thức thoại và chỉ ra vai trò của chúng trong việc thể hiện diễn biến tâm trạng của hai nhân vật Rô-mê-ô và Giu-li-ét (Rô-mê-ô và Giu-li-ét); Phân tích sự giằng xé nội tâm của hai nhân vật Rô-đri-gơ và Si-men. Từ đó, hãy chỉ ra xung đột chính của vở kịch được thể hiện trong đoạn trích (Lơ Xít).*

+ Nhóm câu hỏi *đánh giá, vận dụng* yêu cầu HS đưa ra những ý kiến riêng về VB kịch hoặc những liên hệ, kết nối giữa nội dung VB kịch với cuộc sống như: *Qua nội dung tóm tắt vở kịch, cho biết kết cục tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét đã tác động như thế nào đến hai dòng họ Ca-piu-lét và Môn-ta-giui?; Tìm một tác phẩm nghệ thuật hiện đại (văn học, hội họa, âm nhạc, điện ảnh,...) lấy đề tài từ câu chuyện tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét. Nêu một điểm tương đồng giữa tác phẩm đó với vở kịch “Rô-mê-ô và Giu-li-ét” của Uy-li-am Sếch-xpia (Rô-mê-ô và Giu-li-ét); Nêu nhận xét của em về phẩm chất của nhân vật Rô-đri-gơ và Si-men được thể hiện trong đoạn trích; Hành động của các nhân vật trong vở kịch thể hiện quan niệm về danh dự, nghĩa vụ của con người ở thế kỉ XVII. Theo em, cách giải quyết xung đột trong vở kịch có còn phù hợp với thời đại ngày nay không? Vì sao? (Lơ Xít).*

Những câu hỏi loại này tạo cho HS cơ hội chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận riêng dựa trên kinh nghiệm, cá tính của từng em. Có thể có nhiều phương án trả lời, vì vậy, GV không nên quy về một câu trả lời chung cho tất cả HS.

3.3.1.4. Dạy học đọc VB nghị luận

a. VB nghị luận và mục tiêu dạy học đọc hiểu VB nghị luận trong *Ngữ văn 9*

– VB nghị luận được dạy học chủ yếu ở 2 bài: bài 4 (nghị luận văn học) và bài 8 (nghị luận xã hội). Bài 4 có hai VB nghị luận văn học: “*Người con gái Nam Xương*” – một bi kịch của con người (Nguyễn Đăng Na) và *Từ “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi* (Trần Văn Toàn). Bài 8 có hai VB nghị luận xã hội: *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình* (G.G. Mác-két) và *Biến đổi*

khí hậu – mối đe dọa sự tồn vong của hành tinh chúng ta (trích *Phát biểu của Tổng Thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu*, An-tô-ni-ô Gu-tê-rét). Bên cạnh đó, có một VB nghị luận văn học kết nối về chủ đề ở bài 7: *Một kiểu phát biểu luận đề độc đáo của Xuân Diệu ở bài thơ “Vội vàng”* (Phan Huy Dũng). Ngoài ra, còn có các VB nghị luận được dùng để HS thực hành đọc ở các bài có loại VB chính là VB nghị luận: “*Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng*”, một bài thơ tiền biệt tiêu biểu trong thơ Đường (Nguyễn Khắc Phi) ở bài 4, *Chuẩn bị hành trang* (Vũ Khoan) ở bài 8.

Các VB nghị luận trong *Ngữ văn 9* đều khá ngắn gọn, quan điểm của người viết thể hiện rõ ràng, nhất quán, lí lẽ sắc bén và bằng chứng phù hợp, lập luận có sức thuyết phục. Về nội dung, những VB này có nâng cao đáng kể so với các VB nghị luận trong *Ngữ văn 6*, *Ngữ văn 7* và tiếp nối hướng triển khai đã có ở các VB nghị luận trong *Ngữ văn 8*, thể hiện ở việc đề cập đến những vấn đề có tính chuyên môn như cách tiếp nhận và phân tích một tác phẩm văn học (bài 4. *Khám phá vẻ đẹp văn chương*) hay những vấn đề lớn lao của thế giới đương đại (bài 8. *Tiếng nói của lương tri*).

– Mục tiêu của việc dạy học đọc VB nghị luận trong *Ngữ văn 9* là tiếp tục giúp HS nắm được vững hơn, sâu hơn các yếu tố của một VB nghị luận và mối quan hệ giữa các yếu tố đó, cụ thể là: nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB; nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học; hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau (bài 4); nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB; mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong VB; liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội; phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết) (bài 8).

b. Chuẩn bị

– Những kiến thức GV cần nắm

Từ các lớp trước, HS đã được làm quen với một số khái niệm then chốt để đọc hiểu VB nghị luận như: mục đích của VB nghị luận; luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng; mối quan hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB nghị luận. Trên cơ sở hiểu biết chung về VB nghị luận, bên cạnh VB nghị luận xã hội, các em cũng có cơ hội nhận biết các yếu tố của VB nghị luận văn học (phân tích một tác phẩm văn học). Ở lớp 9, GV cần giúp HS tiếp cận sâu hơn những kiến thức về VB nghị luận mà các em đã nắm từ các lớp trước và lưu ý một số kiến thức mới như: VB nghị luận viết về tác phẩm văn học, vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu VB văn học; thông tin khách quan và ý kiến chủ quan trong VB nghị luận xã hội.

– **Phương tiện dạy học:** GV chủ yếu sử dụng PowerPoint để trình chiếu các nội dung cần thiết khi dạy phần đọc và phần viết.

c. Triển khai các hoạt động dạy học đọc hiểu VB nghị luận

Ngoài những hoạt động dạy học áp dụng chung khi mở đầu bài học (tìm hiểu đề từ, giới thiệu bài học, hình thành tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc loại, thể loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), khi dạy học đọc hiểu VB nghị luận trong *Ngữ văn 9*, GV cần lưu ý mấy điểm sau:

– Hoạt động đọc VB: Dựa vào đặc điểm các VB nghị luận trong bài, GV hướng dẫn HS đọc trên lớp. GV cũng cần đọc mẫu (có thể chọn một số đoạn) và nói rõ yêu cầu của việc đọc (giọng đọc, âm lượng, tốc độ, cách biểu cảm,...). Trong quá trình đọc, GV nhắc HS chú ý chiến lược đọc được đặt trong các thẻ hướng dẫn ở bên phải VB. Cả hai VB nghị luận văn học ở bài 4: *“Người con gái Nam Xương”* – một bi kịch của con người (Nguyễn Đăng Na), Từ *“Thằng quỷ nhỏ”* của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi (Trần Văn Toàn) và hai VB nghị luận xã hội ở bài 8: *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình* (G.G. Mác-két), *Biến đổi khí hậu – mối đe dọa sự tồn vong của hành tinh chúng ta* (trích *Phát biểu của Tổng Thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu*, An-tô-ni-ô Gu-tê-rét) đều chủ yếu sử dụng các chiến lược theo dõi, chú ý, đánh giá, suy luận. Các chiến lược đọc này giúp HS nắm nội dung cũng như các thao tác nghị luận được sử dụng ở từng phần của VB.

– Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): GV cần tập trung giúp HS nắm được luận đề của VB và tầm quan trọng của vấn đề được bàn luận; cách triển khai các luận điểm và quan hệ giữa các luận điểm; cách dùng lí lẽ và bằng chứng, vai trò của lí lẽ, bằng chứng trong việc làm nổi bật luận điểm; kinh nghiệm sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong VB nghị luận; sự khác nhau giữa ý kiến chủ quan và thông tin khách quan trong VB; cách thể hiện quan điểm, thái độ của người viết; thông điệp của VB;...

Đối với việc dạy học đọc hiểu VB nghị luận, phát triển kĩ năng lập luận cho HS là nhiệm vụ cần được ưu tiên. Nhiệm vụ này được thực hiện thông qua việc tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi để nắm được cách người viết nêu vấn đề (luận đề) và sử dụng hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc về luận đề được nêu ra. GV lưu ý 3 nhóm câu hỏi sau khi đọc hiểu một VB nghị luận:

+ Nhóm câu hỏi *nhận biết* các thông tin, chi tiết tường minh trong VB, chẳng hạn: *Đọc phần (2) và cho biết, theo tác giả, bi kịch của nhân vật Vũ Nương là gì. Tác giả đã làm sáng tỏ bi kịch ấy qua những lí lẽ và bằng chứng nào?; Nét đặc sắc nào trong truyện truyền kì của Nguyễn Dữ được làm rõ ở phần (4)? (“Người con gái Nam Xương” – một bi kịch của con người); Đọc phần (2) và cho biết tác giả có quan điểm như thế nào về nhân dạng của con người. Em hãy dẫn ra một vài lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB giúp làm sáng tỏ quan điểm của tác giả (Từ “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi); Căn cứ vào nhan đề bài viết, hãy xác định luận đề của bài nghị luận; Xác định các lí lẽ và bằng chứng mà tác giả sử dụng để làm sáng tỏ luận điểm được trình bày trong phần (4) (Một kiểu phát biểu luận đề độc đáo của Xuân Diệu ở bài thơ “Vội vàng”); Nêu luận đề của bài nghị luận. Từ luận đề đó, tác giả đã*

triển khai thành những luận điểm nào? (Đấu tranh cho một thế giới hoà bình); Luận đề của VB là gì? Những luận điểm nào đã được triển khai nhằm làm nổi bật luận đề? Trong VB, những thông tin khách quan nào được tác giả nêu ra? Dựa vào đâu em nhận biết điều đó? (Biến đổi khí hậu – mối đe dọa sự tồn vong của hành tinh chúng ta).

+ Nhóm câu hỏi phân tích, suy luận, chẳng hạn: Từ luận đề, tác giả đã triển khai các luận điểm theo trình tự nào?; Đọc phần (3) và cho biết, theo tác giả, điều gì đã khiến Vũ Nương gieo mình xuống sông tự tử. Em có suy nghĩ gì về cách lí giải của tác giả? (“Người con gái Nam Xương” – một bi kịch của con người); Xác định các luận điểm chính trong VB. Các luận điểm ấy có quan hệ với nhau như thế nào? (Từ “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi); Trong bài nghị luận, tác giả đã trình bày những luận điểm nào? Nêu mối quan hệ giữa các luận điểm đó; Trong bài nghị luận, tác giả có nêu ý kiến nhận xét trái chiều. Đó là ý kiến nào? Việc nêu ý kiến đó có tác dụng gì? (Một kiểu phát biểu luận đề độc đáo của Xuân Diệu ở bài thơ “Vội vàng”); Chọn một luận điểm, phân tích cách dùng lí lẽ, bằng chứng và chỉ ra vai trò của lí lẽ, bằng chứng trong việc làm nổi bật luận điểm đó; Khi bàn về vấn đề được nêu, Mác-két bộc lộ thái độ gì? Chỉ ra cách thể hiện thái độ của tác giả (Đấu tranh cho một thế giới hoà bình); Phân tích một số ví dụ để thấy được cách tác giả sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm (Biến đổi khí hậu – mối đe dọa sự tồn vong của hành tinh chúng ta).

+ Nhóm câu hỏi đánh giá, vận dụng yêu cầu HS đưa ra những ý kiến riêng về VB nghị luận hoặc những liên hệ, kết nối giữa nội dung VB nghị luận với cuộc sống, chẳng hạn: Một số chi tiết và nhân vật trong tác phẩm “Người con gái Nam Xương” không được tác giả bài nghị luận phân tích, chẳng hạn như chi tiết người mẹ dặn dò trước khi Trương Sinh ra trận, các nhân vật Linh Phi, Phan Lang,... Từ đó, em có suy nghĩ gì về việc sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong VB nghị luận văn học? (“Người con gái Nam Xương” – một bi kịch của con người); Nhận xét về nghệ thuật viết văn nghị luận của tác giả thể hiện ở VB (cách đặt vấn đề, tổ chức luận điểm, cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng, ngôn ngữ,...) (Từ “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi); Thông qua bài nghị luận trên, em thấy tác giả có ý kiến như thế nào về quan niệm sống của Xuân Diệu? Em có tán thành ý kiến đó không? Vì sao? (Một kiểu phát biểu luận đề độc đáo của Xuân Diệu ở bài thơ “Vội vàng”); Qua VB này, tác giả muốn truyền đi thông điệp gì? Trong tình hình hiện nay của thế giới, thông điệp đó còn có ý nghĩa nữa không? Vì sao? (Đấu tranh cho một thế giới hoà bình); Trong phần đầu của VB, tác giả cho rằng: “Chúng ta phải đối mặt với một mối đe dọa trực tiếp đến sự tồn vong”. Theo em, vấn đề được nêu như vậy là đúng hay sai? Vì sao?; Em rút ra được thông điệp gì sau khi đọc VB “Biến đổi khí hậu – mối đe dọa sự tồn vong của hành tinh chúng ta”? (Biến đổi khí hậu – mối đe dọa sự tồn vong của hành tinh chúng ta).

3.3.1.5. Dạy học đọc VB thông tin

a. VB thông tin và mục tiêu dạy học đọc VB thông tin trong Ngữ văn 9

– Trong Ngữ văn 9, VB thông tin được dạy học chủ yếu ở bài 9, gồm có hai VB đọc thuộc loại VB chính của bài học: Yên Tử, núi thiêng (Thi Sảnh), Văn hoá hoa – cây cảnh

(Trần Quốc Vượng); bài 10, gồm có một VB đọc chính: *Văn học Việt Nam từ khu vực ra thế giới, từ truyền thống đến hiện đại* (Trần Đình Sử) và bài phỏng vấn *Văn hoá đọc với nhà văn và độc giả trong thời đại công nghệ số* (Hà Ngân phỏng vấn Nguyễn Nhật Ánh). Bên cạnh đó có một VB thông tin được đưa vào bài học dựa trên sự kết nối về chủ đề: *Một thể thơ độc đáo của người Việt* (Dương Lâm An) ở bài 2.

Ngoài ra, còn có một VB thông tin được dùng để HS thực hành đọc ở bài có loại VB chính là VB thông tin: *Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội* ở bài 9.

– Tương tự các lớp trước, các VB thông tin được chọn đọc trong *Ngữ văn 9* đều có dung lượng vừa phải, tương đối dễ tiếp nhận do cách diễn đạt giản dị, sáng rõ và nội dung sát hợp với chủ đề bài học, ngay cả những VB có liên quan đến những kiến thức khoa học và có dùng thuật ngữ thì cũng không có những kiến thức quá hàn lâm. Tất cả đều là những ngữ liệu phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu của CT về phát triển kĩ năng đọc VB thông tin, từ đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức đến liên hệ, so sánh, kết nối. Cụ thể, các VB *Yên Tử, núi thiêng* (Thi Sảnh) và *Văn hoá hoa – cây cảnh* (Trần Quốc Vượng) (bài 9) giúp HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, tác dụng của cách trình bày thông tin trong VB (trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,...); phân tích được thông tin cơ bản của VB; biết giải thích ý nghĩa của nhan đề và đánh giá vai trò của các chi tiết quan trọng trong VB; nhận biết và phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ dùng để biểu đạt thông tin trong VB. VB *Văn hoá đọc với nhà văn và độc giả trong thời đại công nghệ số* (Hà Ngân phỏng vấn Nguyễn Nhật Ánh) (bài 10) giúp HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của bài phỏng vấn, chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó. VB *Một thể thơ độc đáo của người Việt* (Dương Lâm An) (bài 2) cung cấp cho HS một số kiến thức bổ sung về thể thơ song thất lục bát. VB *Văn học Việt Nam từ khu vực ra thế giới, từ truyền thống đến hiện đại* (Trần Đình Sử) (bài 10) giúp HS có được một số hiểu biết cơ bản về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học.

b. Chuẩn bị

– Những kiến thức GV cần nắm

+ Ở lớp 6, lớp 7, HS đã học một số kiến thức cơ bản về VB thông tin như: khái niệm VB thông tin, cách triển khai ý tưởng và thông tin trong VB thông tin (theo trật tự thời gian, theo quan hệ nhân quả, theo từng bộ phận của đối tượng được nói đến,...), tác dụng của các yếu tố cơ bản như nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, dấu đầu dòng và các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu,... trong VB thông tin. Các em cũng được học một số loại VB thông tin phổ biến như VB thông tin thuật lại một sự kiện, VB thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. Ở lớp 8, HS được tiếp cận với một số kiến thức nâng cao để có thể đọc hiểu những VB thông tin phức tạp hơn như VB thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên và VB thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim. Ở lớp 9, HS được học một loại VB thông tin mới,

đó là VB thông tin giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử. Các em cũng được tiếp tục nâng cao hiểu biết về cách trình bày ý tưởng và thông tin trong VB thông tin.

Những kiến thức cơ bản về VB thông tin giới thiệu một danh lam thắng cảnh và VB thông tin giới thiệu một di tích lịch sử đã được trình bày đầy đủ trong SGK và có thuyết minh, mở rộng thêm trong SGV. Ở đây chỉ nhấn mạnh một số điểm đáng lưu ý:

+ VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh được viết ra nhằm đưa đến cho người đọc những thông tin khái quát về một cảnh quan đáng du ngoạn, thưởng lãm. Cảnh quan được đề cập thường có sự kết hợp hài hoà giữa vẻ đẹp vốn có của thiên nhiên (thắng cảnh) và vẻ đẹp của các công trình nhân tạo, trong đó phổ biến là loại công trình phục vụ cho hoạt động tín ngưỡng (danh lam).

+ VB giới thiệu một di tích lịch sử nói về những địa điểm, công trình (bao gồm cả di vật, cổ vật tồn tại trong đó) còn ghi dấu các sự kiện đáng nhớ của lịch sử đất nước, dân tộc, nhân loại. Thông qua việc kết nối quá khứ với hiện tại, VB khơi dậy ý thức trân trọng lịch sử, vun đắp thái độ yêu quý, giữ gìn những “trang sử sống” có thể gửi đến tương lai nhiều bài học có ý nghĩa.

Trên thực tế, vì có nhiều di tích lịch sử nằm trong danh lam thắng cảnh nên những VB đưa thông tin về các đối tượng này cùng lúc có thể được xếp vào loại VB giới thiệu danh lam thắng cảnh hoặc VB giới thiệu di tích lịch sử. Điều này một mặt tùy thuộc vào nội dung thông tin trọng tâm của VB, mặt khác, tùy thuộc vào việc người đọc muốn nhấn mạnh hay khai thác mảng thông tin nào trong số những thông tin được VB cung cấp.

– **Phương tiện dạy học:** Để dạy học đọc VB thông tin, bên cạnh giáo án (thiết kế bài dạy – học) thông thường, GV cần chuẩn bị thêm giáo án điện tử, kèm theo bộ hồ sơ gồm các tranh ảnh minh họa, các tờ báo, tạp chí có bài viết phù hợp, có thể dùng những tài liệu trực quan giúp HS hiểu rõ các thành phần của VB thông tin, đặc điểm của VB có phương tiện phi ngôn ngữ (VB đa phương thức).

c. Triển khai dạy học đọc hiểu VB thông tin

Ngoài những hoạt động dạy học đọc áp dụng chung khi mở đầu bài học (tìm hiểu đề từ, giới thiệu bài học, hình thành tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc loại, thể loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), khi dạy học đọc VB thông tin trong *Ngữ văn 9*, cần lưu ý mấy điểm sau:

– GV cần dựa vào hệ thống chiến lược được cài đặt bên cạnh phần VB đọc và các câu hỏi ở phần *Sau khi đọc* để hướng dẫn HS tìm hiểu VB. Khi đi vào một VB thông tin cụ thể, cần làm rõ: *VB nói về vấn đề gì? Thông tin chính mà tác giả muốn chuyển tải qua VB này là gì? Thông tin trong VB được triển khai theo trình tự hay quan hệ nào? Cách triển khai*

đó có tác dụng gì? Các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, sơ đồ, số liệu,... đã được sử dụng ra sao? VB giúp em có thêm hiểu biết gì về vấn đề được đề cập?

– Đối với VB thông tin, vấn đề trau dồi kĩ năng đọc và phát triển tư duy lô-gíc cho HS cần được ưu tiên. Việc đòi hỏi HS nắm được cách chuyển tải thông tin quan trọng hơn việc yêu cầu các em nhớ từng thông tin cụ thể. Một số thuật ngữ chuyên ngành có thể có trong VB thông tin, GV chỉ cần cho HS nắm vừa đủ để đọc hiểu VB, không cần đi sâu. GV lưu ý 3 nhóm câu hỏi sau khi đọc một VB thông tin:

+ Nhóm câu hỏi *nhận biết* các thông tin, chi tiết tường minh trong VB, chẳng hạn: “Yên Tử, núi thiêng” thuộc loại VB gì? Em căn cứ vào đâu để xác định như vậy? (Yên tử, núi thiêng); Xác định tính đa dạng của các thông tin được tác giả nêu lên xoay quanh việc làm sáng tỏ vấn đề: Người Việt thực sự có một văn hoá ứng xử riêng với thiên nhiên (Văn hoá hoa – cây cảnh); Theo thông tin trong VB, thơ song thất lục bát ra đời khi nào?; Đặc điểm hình thức nào giúp thơ song thất lục bát giàu nhạc tính? (Một thể thơ độc đáo của người Việt); Nền văn học viết Việt Nam đã hình thành và phát triển qua những thời kì nào? Nêu rõ nguồn gốc, đặc điểm của chữ viết và thể loại ở từng thời kì (Văn học Việt Nam từ khu vực ra thế giới, từ truyền thống đến hiện đại).

+ Nhóm câu hỏi *phân tích, suy luận*, chẳng hạn: Căn cứ vào nội dung VB, cho biết những lí do chính khiến Yên Tử được nhìn nhận là “núi thiêng”; Nhận xét về tỉ lệ của các đoạn miêu tả và dẫn tư liệu lịch sử trong VB (tỉ lệ như thế nào, có hợp lí không và thể hiện ý tưởng gì của tác giả) (Yên tử, núi thiêng); Tại sao nói về một vấn đề của văn hoá, tác giả lại hết sức quan tâm tìm hiểu, tập hợp các cứ liệu văn học và ngôn ngữ?; Việc tác giả huy động kiến thức đa lĩnh vực (văn hoá, văn học, ngôn ngữ, lịch sử, địa lí) khi đưa thông tin về vấn đề đã tạo nên đặc điểm gì của VB? (Văn hoá hoa – cây cảnh); Theo VB, vì sao thể thơ song thất lục bát vẫn được sử dụng để sáng tác trong thời kì hiện đại? (Một thể thơ độc đáo của người Việt); Văn học viết bằng chữ Hán và văn học viết bằng chữ Nôm có quan hệ với nhau như thế nào? Nêu rõ điểm tương đồng và khác biệt của hai bộ phận văn học này trong thời kì trung đại; Những yếu tố lịch sử, xã hội nào có ảnh hưởng quan trọng, tạo nên các đặc điểm nổi bật của văn học Việt Nam thế kỉ XX? (Văn học Việt Nam từ khu vực ra thế giới, từ truyền thống đến hiện đại).

+ Nhóm câu hỏi *đánh giá, vận dụng* yêu cầu HS đưa ra những ý kiến riêng về VB thông tin hoặc những liên hệ, kết nối giữa nội dung VB thông tin với cuộc sống, chẳng hạn: Nêu tác dụng của việc đưa sơ đồ khu di tích Yên Tử vào VB. Theo em, vì sao những sơ đồ thuộc loại này thường được hiệu chỉnh qua các lần công bố khác nhau? (Yên tử, núi thiêng); Thông điệp có ý nghĩa nhất mà em tiếp nhận được từ VB là gì? (Văn hoá hoa – cây cảnh); Trình bày suy nghĩ của em về nhận định của tác giả đối với thể thơ song thất lục bát: “Đó thực sự là một thể thơ đặc sắc mà người Việt đã sáng tạo nên để có thể gửi gắm vào trong đó tâm hồn sâu lắng của mình” (Một thể thơ độc đáo của người Việt).

3.3.1.6. *Dạy học Đọc mở rộng*

a. *Đọc mở rộng và mục tiêu của hoạt động đọc mở rộng trong Ngữ văn 9*

– SGK *Ngữ văn 9* dành 7 tiết cho việc tổ chức hoạt động *Đọc mở rộng* tại lớp (4 tiết ở học kì I và 3 tiết ở học kì II)⁽¹⁾. Thời điểm để tổ chức hoạt động này được gợi ý qua các trang sách trong SGK có đề mục *Đọc mở rộng*. Các tiết *Đọc mở rộng* tại lớp này đã được tính trong thời lượng 140 tiết toàn năm học lớp 9 cho môn *Ngữ văn*.

– Theo yêu cầu của CTGDPT môn *Ngữ văn* năm 2018, đọc mở rộng là hoạt động HS được tự tìm VB để đọc. Hoạt động này giúp HS hình thành, phát triển thói quen, hứng thú và kĩ năng tự tìm sách và đọc sách. Mục tiêu của tiết học *Đọc mở rộng* ở lớp là tạo cơ hội cho HS chia sẻ kết quả tự đọc sách của mình với các bạn và với GV; đồng thời cũng tạo điều kiện cho GV nắm bắt được xu hướng, kĩ năng đọc sách của HS để kịp thời có những chỉ dẫn, định hướng phù hợp với yêu cầu giáo dục. Tuy CT có nêu số VB văn học, VB nghị luận, VB thông tin mà HS cần tự tìm đọc thêm mỗi năm, nhưng đó chỉ là con số tương đối để GV và HS hình dung hoạt động đọc mở rộng đặt ra yêu cầu cao đối với người học, coi đó là mục tiêu cần đạt đến, chứ không phải là căn cứ để GV kiểm soát lượng VB đọc của HS. Trên thực tế, nhà trường khó nắm được mỗi năm một HS đọc thêm được bao nhiêu VB ngoài SGK.

b. *Chuẩn bị*

– Để chuẩn bị cho tiết *Đọc mở rộng* tại lớp, ví dụ cho tiết đầu tiên trong 7 tiết được bố trí, sau khi học xong từng bài học: *Thế giới kì ảo*, *Những cung bậc tâm trạng*, *Hồn nước nằm trong tiếng mẹ cha*, GV cần giao nhiệm vụ cho HS tự tìm đọc (ngoài giờ lên lớp) các VB có cùng đặc điểm thể loại (truyện truyền kì, thơ song thất lục bát, truyện thơ Nôm) và gắn gũi về chủ đề với các VB đã học trong những bài này.

– HS có thể chọn sách từ tủ sách của lớp, mượn của thư viện trường hoặc tìm ở hiệu sách và từ các nguồn khác. Để chuẩn bị tốt cho tiết *Đọc mở rộng*, GV cũng cần hướng dẫn HS sử dụng các phiếu đọc sách để ghi lại kết quả đọc sách và tiện cho việc trao đổi kết quả đọc.

– GV cần chuẩn bị một số VB đáp ứng yêu cầu về thể loại và chủ đề để có thể giới thiệu thêm cho HS tìm đọc. Như đã nêu, qua hoạt động đọc mở rộng, *Ngữ văn 9* mong muốn giúp HS hình thành và phát triển thói quen, hứng thú, kĩ năng tự tìm kiếm sách để đọc. Nhưng nếu HS không có điều kiện tìm được đúng VB mà *Ngữ văn 9* yêu cầu, GV có thể linh hoạt điều chỉnh chủ đề VB phải tìm, miễn là đáp ứng được yêu cầu về loại, thể loại VB để hoạt động đọc mở rộng vẫn được thực hiện một cách hiệu quả.

(1) GV có thể điều chỉnh thời gian cho đọc mở rộng tùy theo điều kiện thực tế. Các thầy cô có thể tăng, giảm số tiết và tổ chức trao đổi kết quả đọc mở rộng sau mỗi bài thay vì gộp sau bài 3, bài 5, bài 7 và bài 9.

c. Triển khai dạy học *Độc mở rộng* trong *Ngữ văn 9*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, trao đổi về nội dung và nghệ thuật hoặc cách triển khai của VB mà mình đã đọc. Chẳng hạn với VB thuộc thể loại truyện truyền kì, HS có thể đặt các câu hỏi để trao đổi trong nhóm về chủ đề, không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện,...

– Một số HS đại diện cho các nhóm chia sẻ trước lớp những ý kiến nổi bật đã trao đổi trong nhóm. Các HS khác nhận xét, đánh giá.

– GV nhận xét, đánh giá chung và biểu dương những HS đã thể hiện tốt kết quả tự đọc sách thông qua trao đổi trong nhóm hoặc trước lớp. GV khuyến khích HS trao đổi sách cho nhau để mở rộng nguồn tài liệu đọc.

3.3.1.7. Dạy học dự án đọc sách

a. Dự án đọc sách và mục tiêu của dạy học dự án đọc sách trong *Ngữ văn 9*

SGK *Ngữ văn 9* dành 8 tiết cho hoạt động đọc sách trong bài 10. *Văn học – lịch sử tâm hồn*. Tuy được triển khai trong khuôn khổ các hoạt động của dự án đọc sách nhưng bài 10 vẫn phải đáp ứng một số yêu cầu cần đạt quan trọng của CT, cụ thể:

– Về đọc: HS vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học; nhận biết và phân tích được đặc điểm của bài phỏng vấn, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó, liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ VB để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

– Về viết: Viết được một quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.

– Về nói và nghe: Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.

Như vậy, dự án đọc sách này có phần giống với một bài học thu nhỏ. Điểm khác biệt chủ yếu nằm ở tính mở về ngữ liệu đọc và tính linh hoạt, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động. Hoạt động dạy học đọc hiểu VB thông tin viết về các bộ phận, thời kì phát triển của văn học Việt Nam và bài phỏng vấn được tổ chức theo cách như đã hướng dẫn trong phần về dạy đọc VB nói chung, được tiến hành ngay trong giai đoạn đầu của dự án đọc sách và phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khác của dự án. Để tổ chức hoạt động dạy học dự án trong môn *Ngữ văn*, cụ thể là hoạt động đọc sách thực sự đạt hiệu quả, GV cần lưu ý những vấn đề sau:

– Xác định rõ mục tiêu của dự án trong mối quan hệ với yêu cầu cần đạt của hệ thống các bài học trước đó và của chính bài học này: phát triển kĩ năng tự đọc sách của HS, nâng cao khả năng tự học và dần trở thành một người đọc độc lập, biết làm việc với sách và vận dụng, sáng tạo trên cơ sở những gì đã đọc.

– Định hướng loại, thể loại VB, chủ đề mà HS cần lựa chọn, trên cơ sở các loại, thể loại VB và chủ đề bài học và của SGK. Với *Ngữ văn 9*, VB cần tìm đọc tập trung vào những tác phẩm kinh điển, tiêu biểu của văn học Việt Nam qua các thời kì.

b. Lập kế hoạch tổ chức dự án đọc sách

Dựa vào kế hoạch dạy học môn Ngữ văn và kế hoạch năm học của nhà trường, GV có thể linh hoạt tổ chức hoạt động của dự án đọc sách trong bài 10 vào thời gian thích hợp. Tuy nhiên, một số nội dung của dự án cần thực hiện trước thời gian ôn tập và kiểm tra cuối năm để HS có thể hoàn thành một số yêu cầu quan trọng được quy định trong CT. Để tổ chức hình thức dạy học dự án đối với bài học này đạt hiệu quả, thu hút và gợi hứng thú với HS, sau khi nghiên cứu kĩ mục tiêu, GV cần:

– Xác định rõ các hoạt động chính, tiến độ thực hiện hoạt động, sản phẩm dự kiến và các hình thức trình bày sản phẩm (báo cáo kết quả dự án) đã được định hướng trong bài học. GV cần lập kế hoạch tổ chức thực hiện dự án *Văn học – lịch sử tâm hồn* một cách cụ thể và phù hợp với đối tượng HS của lớp mình.

– Nghiên cứu kĩ kế hoạch năm học, kế hoạch dạy học của nhà trường, từ đó xây dựng phương án sử dụng quỹ thời gian, điều chỉnh thời lượng phân bố cho bài học một cách linh hoạt khi tổ chức hoạt động chuẩn bị (tập luyện) và báo cáo kết quả (trình bày, giới thiệu sản phẩm sau khi đọc). Thời lượng phân bố cho bài học này trong *Ngữ văn 9* là 8 tiết nhưng khi tích hợp hoạt động của các môn học khác, quỹ thời gian dành cho các hoạt động cụ thể có thể tăng lên. Phạm vi của dự án cũng không chỉ giới hạn trong một lớp mà có thể mở rộng ra cả khối lớp hoặc toàn trường khi có sự liên kết, phối hợp nhịp nhàng giữa các hoạt động được thực hiện theo kế hoạch năm học của nhà trường.

– Khi lập kế hoạch dạy học dự án đọc sách, cần xác định rõ các hoạt động, nội dung, sản phẩm của hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể để HS có thể tham gia vào các hoạt động, tạo ra được sản phẩm sau quá trình đọc, viết; trình bày, giới thiệu được sản phẩm khi nói và nghe (báo cáo kết quả dự án). Tham khảo mẫu kế hoạch sau đây:

Tên dự án: Văn học – lịch sử tâm hồn

Thời gian	Tiến trình tổ chức		Sản phẩm	Phân công nhiệm vụ	
	Hoạt động	Nội dung		Ở lớp	Ở nhà
1	Khởi động	<i>Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn</i>	HS hiểu những tri thức ngữ văn quan trọng, nắm được mục tiêu và biết cách thực hiện các hoạt động chính của bài học một cách hiệu quả.		

Thời gian	Tiến trình tổ chức		Sản phẩm	Phân công nhiệm vụ	
Tiết	Hoạt động	Nội dung		Ở lớp	Ở nhà
2, 3, 4	Thực hiện dự án: Đọc	Thách thức đầu tiên: <i>Đọc để trường thành.</i>	Danh mục sách được chọn phù hợp với yêu cầu cần đạt của dự án, bản miêu tả mục tiêu đọc sách của nhóm hoặc cá nhân, nhật kí đọc sách, phiếu đọc phù hợp với yêu cầu các hoạt động trong dự án.		
5, 6	Thực hiện dự án: Viết	Thách thức thứ hai: <i>Quảng bá giá trị của sách</i>	Bài quảng cáo về cuốn sách dưới hình thức VB đa phương thức phù hợp với yêu cầu của dự án.		
7, 8	Báo cáo kết quả: Nói và nghe	Về đích: Ngày hội với sách: <i>Phát triển văn hoá đọc</i>	Bài phỏng vấn (dạng nói) về sách, văn hoá đọc/ vấn đề gọi ra từ cuốn sách đã đọc và những trải nghiệm đọc, viết trong dự án.		

c. Chuẩn bị phương tiện thực hiện

Để đạt mục tiêu của dự án, GV cần huy động các phương tiện dạy học và cơ sở vật chất của nhà trường, của cộng đồng phụ huynh HS một cách hiệu quả:

– Thư viện nhà trường và/ hoặc các góc đọc sách của lớp: có quy mô phù hợp và có một số cuốn sách theo các chủ đề học tập đã được định hướng.

– Các phương tiện dạy học khác: có đủ màu vẽ, giấy vẽ, tư liệu hình ảnh minh hoạ: tranh ảnh, phim ngắn (nếu có),...

d. Quy trình tổ chức thực hiện dự án đọc sách

Bước 1: Nghiên cứu mục tiêu.

Bước 2: Lập kế hoạch thực hiện và phân công nhiệm vụ theo kế hoạch.

Bước 3: Tổ chức thực hiện dự án.

– Hoạt động khởi động dự án đọc sách: thu hút HS tham gia dự án bằng các trò chơi, cuộc thi vui phù hợp điều kiện của trường, lớp.

– Hoạt động xây dựng sản phẩm: đọc, viết, có thể kết hợp vẽ minh họa. Nếu có điều kiện thì có thể xây dựng các đoạn phim ngắn, kịch bản để biểu diễn hoạt cảnh (tùy điều kiện của địa phương, nhà trường và năng lực của HS).

– Hoạt động báo cáo kết quả dự án: trình bày, giới thiệu sản phẩm, biểu diễn hoạt cảnh (nếu chuẩn bị được).

Các hoạt động cụ thể thuộc quy trình tổ chức dự án đọc sách theo hình thức tích hợp nội môn và liên môn (môn *Ngữ văn* và các môn học thuộc lĩnh vực giáo dục nghệ thuật) đã được hướng dẫn chi tiết trong SGK, SGV. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện của nhà trường và năng lực của HS, GV có thể phát triển, mở rộng và sáng tạo thêm trên cơ sở hướng dẫn của tài liệu tập huấn và SGK.

3.3.2. Hướng dẫn tổ chức dạy học thực hành tiếng Việt

3.3.2.1. Kiến thức tiếng Việt và mục tiêu dạy học tiếng Việt trong *Ngữ văn 9*

a. Kiến thức tiếng Việt

– Việc đưa kiến thức tiếng Việt vào SGK *Ngữ văn 9* được thực hiện theo yêu cầu của CTGDPT môn *Ngữ văn* năm 2018. Các kiến thức này thuộc các cấp độ và bình diện ngôn ngữ khác nhau:

+ Từ vựng: sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn (ví dụ: *đồng* trong *đồng dao*, *đồng âm*, *đồng minh*; *minh* trong *thanh minh*, *minh oan*, *u minh*;...); điển tích, điển cố (ví dụ: *Ngưu Lang – Chức Nữ*, *Tái ông thất mã*,...); đặc điểm và tác dụng; nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng (như: UN, UNESCO, UNICEF, WHO, WB, IMF, ASEAN, WTO,...).

+ Ngữ pháp: biến đổi và mở rộng cấu trúc câu (thay đổi trật tự các thành phần trong câu, thêm thành phần phụ,...): đặc điểm và tác dụng; lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép, các kiểu câu ghép, các kết từ để nối các vế câu ghép; câu rút gọn và câu đặc biệt: đặc điểm và chức năng.

+ Hoạt động giao tiếp: biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần: đặc điểm và tác dụng; sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp, cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp; một số lưu ý về cách tham khảo và trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.

+ Sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ: sự phát triển của ngôn ngữ: nghĩa mới của từ ngữ và từ ngữ mới; một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ quốc ngữ; phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ,...

b. Mục tiêu dạy học tiếng Việt

Tiếp nối quan điểm biên soạn của SGK *Ngữ văn 6*, *Ngữ văn 7*, *Ngữ văn 8*, mục tiêu dạy học tiếng Việt trong *Ngữ văn 9* là trang bị cho HS công cụ để đọc hiểu, sau đó luyện

viết, nói và nghe, chứ không nhằm cung cấp kiến thức lí thuyết theo lô-gíc của khoa học nghiên cứu về ngôn ngữ. Vì vậy, các đơn vị, hiện tượng tiếng Việt không được tập hợp để tạo thành một “phân môn” riêng theo cách mà SGK thuộc CTGDPT môn Ngữ văn năm 2006 đã thực hiện. Nó hoàn toàn phù hợp với chủ trương tích hợp kiến thức tiếng Việt và những kiến thức ngữ văn khác vào một bài học với VB đọc hiểu là trung tâm. Do yêu cầu vận dụng kiến thức tiếng Việt để thực hành, qua đó phát triển kĩ năng giao tiếp, nên ngoài kiến thức mới đưa vào bài học theo yêu cầu của CT, *Ngữ văn 9* còn thiết kế một số bài tập đòi hỏi HS vận dụng kiến thức đã học trước đó, kể cả kiến thức đã học ở Tiểu học, để tìm hiểu, khám phá các đặc điểm ngôn ngữ của VB. Trên cơ sở yêu cầu cần đạt chung như vậy, mỗi tiết Thực hành tiếng Việt đều bắt đầu bằng việc phân tích yêu cầu cần đạt cụ thể.

3.3.2.2. Chuẩn bị và triển khai dạy học

a. Chuẩn bị

- Những kiến thức cần nắm: GV đọc kĩ phần kiến thức tiếng Việt trong *Tri thức ngữ văn cho GV* trong SGK.
- Phương tiện dạy học: Ngoài SGK và tài liệu thiết kế kế hoạch dạy học theo hình thức thông thường, GV nên chuẩn bị thêm bài giảng điện tử để trình chiếu các nội dung cần thiết.

b. Triển khai dạy học thực hành tiếng Việt

- Hình thành kiến thức mới: Đây là hoạt động mở đầu phần *Thực hành tiếng Việt*. Tuy các khái niệm công cụ được trình bày trong phần *Tri thức ngữ văn* (đầu bài học), nhưng GV nên bắt đầu cho HS tiếp cận với những khái niệm này ngay trước khi thực hành tiếng Việt, nghĩa là sau khi hoàn thành hoạt động đọc hiểu VB 1 và VB 2 (đôi khi là VB 3) và hoạt động *Viết kết nối với đọc*. Với bài không có kiến thức mới mà chỉ củng cố kiến thức đã học để thực hành thì hoạt động mở đầu sẽ là củng cố kiến thức đã học; GV giúp HS ôn lại kiến thức đã biết để thực hành. Việc ôn tập cần thực hiện nhanh, gọn, không dành thời gian dạy lại kiến thức cũ. Dù là hình thành kiến thức mới hay củng cố kiến thức đã học thì kiến thức đó chỉ được giới thiệu, phân tích một lần ở bài học mà nó xuất hiện đầu tiên. Ở các bài tiếp theo, GV chỉ nhắc lại nếu thấy cần thiết. Trước khi bắt đầu hoạt động hình thành kiến thức mới, đối với một số kiến thức phù hợp, GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi.

GV có thể hình thành kiến thức mới cho HS bằng cách sử dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ, đi từ ngữ liệu thực tế để HS tìm hiểu và rút ra khái niệm (phương pháp quy nạp); hoặc sử dụng phương pháp thông báo, giải thích, đưa khái niệm, định nghĩa về đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ và lấy ví dụ để minh họa (phương pháp diễn dịch).

- Thực hành nhận biết các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ: Sau khi HS đã nắm được kiến thức (khái niệm, định nghĩa), GV cần cho HS thực hành nhận biết các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ trong nhiều ngữ cảnh đa dạng. Ngoài ngữ liệu đã cho trong các khung *Nhận biết* đặt bên phải của phần *Thực hành tiếng Việt* trong SGK, có thể tìm thêm các

ngữ liệu khác để HS thực hành nhận biết dưới sự hướng dẫn của GV. Hoạt động thực hành nhận biết với sự hỗ trợ của GV là bước chuyển tiếp cần thiết giúp HS nắm vững kiến thức để hoàn thành các bài tập ở bước luyện tập, vận dụng.

– Luyện tập, vận dụng: Ở hoạt động này, GV có thể hướng dẫn HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp, nhóm để hoàn thành các bài tập. GV căn cứ vào thời gian của tiết học để hướng dẫn HS làm bài, không nhất thiết phải làm tất cả và tuân tự các bài tập tiếng Việt như trong SGK. Ví dụ, với những bài tập chỉ vận dụng kiến thức đã học ở các lớp trước, nếu không đủ thời gian, GV có thể yêu cầu HS tự hoàn thành ở nhà. Trong khi ngữ liệu để hình thành kiến thức được lấy từ những nguồn bất kì thì ngữ liệu được dùng để thiết kế các bài tập luyện tập, vận dụng trong SGK chủ yếu được lấy từ VB đọc có trong bài học vì hoạt động thực hành tiếng Việt ở đây là nhằm đáp ứng mục tiêu phục vụ cho việc đọc hiểu VB, giúp HS hiểu biết về tác dụng của việc sử dụng các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong VB và học hỏi kinh nghiệm viết của các nhà văn, nhà báo, nhà khoa học,... Ngoài ra, GV có thể tự thiết kế thêm các bài tập khác để HS luyện tập, miễn là đáp ứng điều kiện thời gian và mục tiêu dạy học. Mỗi bài học, từ bài 1 đến bài 9, dự kiến có 2 tiết cho *Thực hành tiếng Việt*. Tuy vậy, tùy vào khả năng hoàn thành của HS và số bài tập bổ sung mà GV có thể dành thời gian nhiều hơn hoặc ít hơn so với dự kiến. Tóm lại, GV được quyền điều chỉnh linh hoạt số lượng bài tập và thời gian HS hoàn thành bài tập.

3.3.3. Hướng dẫn tổ chức dạy học viết

3.3.3.1. Các kiểu bài viết trong Ngữ văn 9

Theo yêu cầu của CTGDPT môn Ngữ văn năm 2018, SGK *Ngữ văn 9* cần hướng dẫn HS luyện tập viết các kiểu bài sau:

– VB tự sự: viết một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện (bài 6).

– VB biểu cảm: làm một bài thơ tám chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ (bài 7).

– VB nghị luận: viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết, trình bày giải pháp khả thi và có sức thuyết phục (bài 1, bài 3, bài 8); viết VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (bài 2: thơ song thất lục bát, bài 4: truyện, bài 5: kịch).

– VB thông tin (thuyết minh): viết bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa (bài 9); viết một quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ (bài 10).

Để việc dạy học viết hiệu quả, GV cần chú ý đặc điểm của từng kiểu bài, yêu cầu cần đạt và quy trình dạy học viết đối với từng kiểu bài trong SGK *Ngữ văn 9*.

3.3.3.2. Quy trình dạy học viết

Phần *Viết* trong SGK *Ngữ văn 9* được sắp xếp sau phần *Đọc* (bao gồm cả *Thực hành tiếng Việt*) để HS có thể vận dụng kết quả đọc và thực hành tiếng Việt vào hoạt động viết

một cách chủ động và hiệu quả. Quy trình cơ bản của hoạt động dạy học viết trên lớp có thể hình dung như sau:

- Bước 1: Giới thiệu kiểu bài.
- Bước 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài cần viết.
- Bước 3: Hướng dẫn HS đọc và phân tích bài viết tham khảo.
- Bước 4: Tổ chức cho HS thực hành viết theo trình tự: trước khi viết, viết bài, chỉnh sửa bài viết.
- Bước 5: Chấm bài, trả bài.

Trong mỗi bước của quy trình dạy học viết, GV cần chú ý phối hợp hài hoà hoạt động hướng dẫn của thầy cô và hoạt động thực hành của HS. Nghiên cứu kĩ SGK, SGV và căn cứ vào năng lực thực tế của HS để vận dụng quy trình dạy học viết thực sự sinh động và hiệu quả.

Về hoạt động rèn kĩ năng viết cho HS, cần nhấn mạnh một ưu điểm nổi trội của SGK *Ngữ văn*, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, trong đó có *Ngữ văn 9*: Ngoài viết bài theo kiểu VB, mỗi bài học còn có phần *Viết kết nối với đọc* (được đặt ngay sau phần đọc hiểu VB 1 và VB 2; VB 3 được dạy học như một VB kết nối về chủ đề và thời lượng thường chỉ 1 tiết, nên không có hoạt động viết kết nối với đọc và một số hoạt động khác như đối với VB 1 và VB 2). Phần này chỉ yêu cầu HS viết những đoạn văn ngắn, đơn giản, có nội dung được gợi ra từ VB mà các em vừa đọc. Số lượng câu của đoạn văn cần viết ở lớp 9 không tăng thêm so với lớp 8 (7 – 9 câu). Khác với viết bài theo kiểu loại VB sau hoạt động đọc của mỗi bài học, đoạn văn viết ở đây linh hoạt về kiểu bài.

Viết kết nối với đọc nhằm tạo cơ hội cho HS được luyện viết thường xuyên, từ đó giúp các em có thói quen viết, kĩ năng viết và hứng thú viết. Như chúng ta đều biết, hiện nay nhiều HS gặp khó khăn khi viết các bài tập làm văn. Các em không chỉ hạn chế về kĩ năng tìm ý tưởng và triển khai VB theo đặc trưng của từng kiểu bài mà còn yếu cả về kĩ năng viết câu, tổ chức đoạn văn. Để có những bài viết tốt thì trước hết HS cần có kĩ năng diễn đạt bắt đầu từ các đơn vị giao tiếp cơ bản là câu và tiếp theo là đoạn văn. *Viết kết nối với đọc* là hoạt động viết giúp HS rèn luyện kĩ năng đó. Một khi có được thói quen và kĩ năng viết câu, đoạn như vậy (không khó như viết bài) thì các em sẽ tự tin và có hứng thú để viết, từ đó từng bước phát triển kĩ năng viết những VB có ý tưởng phong phú hơn và cấu trúc phức tạp hơn.

Như chính tên gọi của đề mục *Viết kết nối với đọc*, ở phần này, GV hướng dẫn HS sử dụng kết quả đọc để triển khai nội dung viết. Nội dung đó có thể cụ thể (SGK nêu rõ đề tài, HS không cần phải tìm kiếm) hoặc rất mở (SGK chỉ định hướng, còn nội dung cụ thể do HS lựa chọn). Theo phân phối CT, VB 1 thường học trong 3 tiết, VB 2 thường học trong 2 tiết. Hoạt động *Viết kết nối với đọc* có thể được tổ chức vào khoảng 8 – 10 phút cuối trong thời gian dạy học cho mỗi VB đọc chính đó. Các em cũng có thể viết ở nhà tùy thuộc thời gian còn lại cho việc đọc VB 1 và VB 2 ở lớp còn nhiều hay ít. GV có thể

gợi ý bằng một số câu hỏi (nếu cần thiết). Nói chung, hoạt động này có thể được tiến hành theo cách linh hoạt, nhưng cần phải bảo đảm tất cả HS đều hoàn thành yêu cầu *Viết kết nối với đọc* ở các bài học. Các em lần lượt có được cơ hội chia sẻ kết quả viết trước lớp. GV nên chọn ngẫu nhiên một số bài viết để chấm nhanh và nhận xét, chú ý ưu tiên sửa bài cho những HS thường gặp khó khăn khi viết.

3.3.3.3. Những lưu ý khi dạy học viết theo từng kiểu bài

Nói chung, đối với tất cả các kiểu bài, việc hướng dẫn cho HS thực hành viết đều trải qua các bước như đã triển khai trong SGK. Trước hết, GV cho HS tìm hiểu, trao đổi về phần *Yêu cầu* của kiểu bài. Trong SGK, tất cả các yêu cầu đều được nêu rất ngắn gọn, tường minh nên không cần dành nhiều thời gian cho hoạt động này. Sau đó, GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo và các thẻ ghi chú bên cạnh VB.

GV tổ chức cho HS đọc và trao đổi về phần *Thực hành viết theo các bước* trong SGK. Nếu HS được lựa chọn đề tài trong danh mục mà SGK gợi ý hoặc có thể đề xuất đề tài của chính các em thì GV sơ duyệt các đề tài để “chốt” lại thành một danh sách. Nhắc HS bám sát các câu hỏi đã nêu trong SGK để tìm ý. Nếu thực hành viết ở lớp và bài viết cần nêu trích dẫn hay đưa ra các số liệu, dữ kiện khó nhớ thì nên cho các em sử dụng các tài liệu đã chuẩn bị sẵn để viết bài. Sau đây là một số gợi ý cho việc tổ chức hướng dẫn viết theo từng kiểu bài:

a. Kiểu bài viết truyện kể sáng tạo

– Từ lớp 5, HS đã được luyện viết bài văn kể lại câu chuyện đã đọc với những chi tiết sáng tạo. Trong kiểu bài này, người viết có thể thêm lời thoại cho nhân vật, thêm lời kể, lời tả (tả cảnh vật hoặc tả ngoại hình, hoạt động,... của nhân vật) mà không làm thay đổi nội dung chính và ý nghĩa của câu chuyện. Ngoài ra, người viết cũng có thể đóng vai một nhân vật để kể lại câu chuyện.

– Ở lớp 9, kiểu bài viết truyện kể sáng tạo có những yêu cầu nâng cao đáng kể. SGK *Ngữ văn 9* đã hướng dẫn HS viết truyện theo các cách: dựa vào một truyện đã đọc (truyện tranh/ truyện chữ) hoặc tự sáng tác truyện mới (có thể là một câu chuyện tưởng tượng do người viết hư cấu hoặc dựa trên một câu chuyện có thật). Những cách gợi ý này vừa tạo điều kiện cho HS được quyền linh hoạt vừa đặt ra nhiệm vụ học tập có nhiều thách thức hơn so với kiểu bài kể chuyện ở lớp 5. Nói chung, dựa vào một truyện đã đọc thì dễ thực hiện hơn so với cách tự sáng tác truyện mới. Tùy vào khả năng, sở thích của HS mà GV cho các em lựa chọn cách kể phù hợp.

– SGK đã đưa ra các yêu cầu cụ thể đối với một truyện kể sáng tạo liên quan đến ngôi kể, bối cảnh, nhân vật, sự kiện, đồng thời sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm để cho câu chuyện trở nên sinh động, hấp dẫn hơn. GV theo gợi ý đã có trong SGK để hướng dẫn HS thực hành viết theo các bước.

b. Kiểu bài tập làm một bài thơ tám chữ

– Từ hoạt động đọc hiểu, HS nhận biết được những đặc điểm hình thức nghệ thuật, nội dung của một bài thơ tám chữ. Cùng với việc nhận diện đặc điểm của thể thơ tám chữ, vai trò của ngữ cảm, trực quan về âm thanh ngôn ngữ khi sáng tác là rất quan trọng. Do đó, GV nên hướng dẫn HS đọc đi đọc lại, đọc to theo nhiều cách khác nhau để thực sự cảm nhận được âm thanh, nhạc điệu (vần điệu, nhịp điệu, thanh điệu,...) của một bài thơ tám chữ. Điều này giúp HS sau khi đã lựa chọn được đề tài, ý tưởng, có thể chủ động hơn trong việc vận dụng, lựa chọn từ ngữ để cấu tạo dòng thơ.

– GV cần cho HS tập gieo vần bằng cách điền các tiếng thích hợp vào chỗ trống trong các dòng thơ (đã bỏ bớt đi một số tiếng ở vị trí cần chú ý về vần).

– Vì HS mới tập làm thơ nên GV chỉ cần yêu cầu các em viết được một bài thơ ngắn. Hoạt động tập làm thơ không đòi hỏi HS phải sáng tác được những câu thơ, bài thơ hay, mà chủ yếu là thực hành để HS hiểu hơn đặc điểm của thơ tám chữ và có thể giúp HS bộc lộ được sở trường, năng khiếu, hứng thú (nếu có).

c. Kiểu bài ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ

– Ở lớp 6 và lớp 7, HS đã được thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát và một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. Ở lớp 8 và lớp 9, HS thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do và bài thơ tám chữ. Tuy “nêu cảm nghĩ” có phần khác với “nêu cảm xúc”, nhưng về cơ bản đó vẫn là kiểu bài biểu cảm, chưa phải là kiểu bài nghị luận (phân tích, đánh giá,...). Hoạt động thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ được triển khai ở bài 7. Trong bài học này, VB đọc chính có một bài thơ được viết bằng thể thơ tám chữ: *Tiếng Việt* (Lưu Quang Vũ). Do đó, GV cần tận dụng những kiến thức, kĩ năng HS đã đạt được qua hoạt động đọc hiểu VB để có thể thực hiện các mục tiêu của bài viết. Để giúp HS vượt qua khó khăn khi thực hành viết kiểu bài *Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ tám chữ*, cần nhắc các em nhớ lại những điều đã nắm được về cách thể hiện cảm xúc trữ tình mang tính đặc thù của bài thơ kể trên.

– HS viết được đoạn văn có cấu tạo 3 phần: Mở đoạn, Thân đoạn và Kết đoạn. Nội dung chính của đoạn là nêu cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ. Đoạn văn cần giới thiệu tên bài thơ và tác giả bài thơ, nêu cảm nghĩ chung về bài thơ; diễn tả cảm nghĩ về những nét nghệ thuật độc đáo, đặc biệt chú ý đến tác dụng của thể thơ tám chữ trong việc góp phần tạo nên nét riêng, giá trị của bài thơ. Từ đó, nêu cảm nghĩ về nội dung của bài thơ. GV cần lưu ý HS cách sử dụng từ ngữ, câu văn thích hợp để thể hiện cảm nghĩ một cách sinh động.

d. Kiểu bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết

– Đây là kiểu bài nghị luận xã hội mới so với các kiểu bài mà HS đã thực hành từ các lớp trước. Người viết cần nêu được một vấn đề cần giải quyết, đồng thời cần phải trình bày giải pháp khả thi và có sức thuyết phục. Kiểu bài này được đặt ở bài 1, bài 3, bài 8. Ở lớp 6 và lớp 7, HS đã được thực hành viết kiểu bài nghị luận về một vấn đề đời sống.

Tuy nhiên, ở lớp 6, các em chỉ mới được rèn luyện một vài kĩ năng cơ bản, gắn với các khái niệm then chốt như ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. Ở lớp 7, kiểu bài nghị luận đặt ra yêu cầu cao hơn. HS phải biết trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống theo hai hướng lập luận khác nhau: trình bày ý kiến tán thành, trình bày ý kiến phản đối. Đến lớp 8, HS phải biết đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết. Với kiểu bài nghị luận xã hội ở lớp 9, HS phải nêu được một vấn đề cần giải quyết đồng thời cần trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

– *Ngữ văn 9* chủ trương tạo điều kiện cho HS thực hành viết nhiều VB nghị luận xã hội để đáp ứng hiệu quả yêu cầu phát triển kĩ năng viết đối với HS sắp hoàn thành việc học tập ở giai đoạn giáo dục cơ bản, đồng thời giúp các em hoàn thành tốt bài thi trong kì thi chuyển cấp từ lớp 9 lên lớp 10. Tuy cùng một kiểu bài, nhưng ở ba bài học được triển khai theo ba hướng khác nhau về nội dung. Ở bài 1, HS viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên); ở bài 3, viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống của học sinh hiện nay); ở bài 8, viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống xã hội). Như vậy, ba bài viết này chủ yếu khác nhau về ý tưởng, chất liệu; còn yêu cầu của kiểu bài, cấu trúc, cách triển khai thì về cơ bản là thống nhất.

– Từ những VB nghị luận đã đọc và bài viết tham khảo trong phần *Viết*, GV cần hướng dẫn HS nhận diện những vấn đề đời sống cần giải quyết và suy nghĩ, tìm kiếm thông tin về giải pháp cho những vấn đề đó.

e. Kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ, truyện, kịch)

– Trên cơ sở một yêu cầu của CT là phân tích một tác phẩm văn học, SGK *Ngữ văn 9* thiết kế 3 bài viết ở 3 bài học, cụ thể: bài 2 (phân tích một bài thơ song thất lục bát), bài 4 (phân tích một tác phẩm truyện), bài 5 (phân tích một tác phẩm kịch).

– Phân tích một tác phẩm văn học là làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học đó được thể hiện chủ yếu qua ngôn ngữ biểu đạt và những yếu tố cơ bản của thể loại như số tiếng trong mỗi câu thơ, số câu thơ trong mỗi khổ thơ, thanh điệu, vần, nhịp, bố cục, kết cấu, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo,... đối với tác phẩm thơ; cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, ngôi kể, không gian, thời gian, chi tiết,... đối với tác phẩm truyện; cốt truyện, nhân vật, hành động, xung đột, lời thoại,... trong tác phẩm kịch.

Việc phân tích một tác phẩm văn học nói chung đều theo định hướng không dàn đều ở tất cả các yếu tố của tác phẩm mà theo hướng lựa chọn một số yếu tố nổi bật để phân tích nhằm đáp ứng yêu cầu tiếp cận VB có chiều sâu.

g. Kiểu VB thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử

Để giới thiệu kiểu bài, GV cho HS đọc lời dẫn dưới tên kiểu bài trong SGK và nêu một số câu hỏi như: *Vì sao em cần chú ý luyện viết kiểu bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử? Em nghĩ như thế nào về khả năng ứng dụng của kiểu bài này? Vì sao có thể nói khi viết bài văn thuộc kiểu này, em trở thành người đóng vai*

cầu nối giữa cảnh quan, địa điểm đáng đến thăm với những người đang quan tâm đến cảnh quan, địa điểm đó?... GV căn cứ vào câu trả lời của HS để chọn cách giới thiệu tự nhiên mà ngắn gọn về nội dung của giờ học.

Như tên gọi của nó, đây là một kiểu cụ thể của VB thuyết minh. Ở các lớp trước, HS đã thực hành viết kiểu bài thuyết minh, nhưng lên lớp 9, các em mới có cơ hội thực hành viết VB thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử. Đây là kiểu bài có khả năng ứng dụng cao trong cuộc sống. HS cần nắm được cấu trúc thông thường của kiểu VB thuyết minh về một danh lam thắng cảnh và kiểu VB thuyết minh về một di tích lịch sử, đồng thời cũng nắm được cấu trúc của kiểu VB có sự kết hợp hai nội dung thuyết minh kể trên. GV cần giúp HS huy động trải nghiệm cá nhân và những kiến thức thu nhận được từ các bài học trong SGK hay từ những tài liệu tự tìm hiểu, nghiên cứu thêm.

h. Kiểu VB quảng cáo một cuốn sách

Tiếp nối kiểu VB thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử, đây là một kiểu VB khác rất thông dụng trong đời sống.

– GV hướng dẫn HS sử dụng các kết quả đã tích lũy được từ hoạt động đọc để làm tư liệu cho việc viết bài quảng cáo về sách. Cần lưu ý rằng việc thực hiện hoạt động này chủ yếu là để quảng bá giá trị nội dung, nghệ thuật của những cuốn sách hay được HS chọn đọc, hướng tới lan toả văn hoá đọc, niềm yêu mến sách và sử dụng sách trong hoạt động học tập một cách hữu ích. Bài viết của HS cần đáp ứng các yêu cầu của VB quảng cáo, tuy nhiên không nhất thiết phải là một VB quảng cáo thương mại.

– GV có thể hướng dẫn HS thực hành viết theo trình tự sau:

+ Đọc kĩ các yêu cầu của kiểu bài viết trong mục *Yêu cầu*.

+ Đọc kĩ phần phân tích bài viết tham khảo để tìm hiểu và nhận diện rõ đặc điểm hình thức và nội dung của bài quảng cáo về sách.

+ Lựa chọn cuốn sách yêu thích và thấy cần thiết quảng bá tới những người đọc khác để viết bài quảng cáo.

+ Thực hành viết theo các bước hướng dẫn của SGK, chú ý phối hợp giữa ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ trong bài quảng cáo.

Lưu ý: HS có thể chuyển bài quảng cáo thành các hình thức video clip, sản phẩm công nghệ số.

3.3.3.4. Phân tích hoạt động dạy học viết từ một kiểu bài cụ thể (kiểu bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết)

Phần hướng dẫn dạy học viết kiểu bài này trong SGKV gồm có các nội dung sau: 1. Phân tích yêu cầu cần đạt; 2. Những lưu ý về yêu cầu đối với bài văn; 3. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học với các bước như đã giới thiệu ở quy trình tổ chức dạy học viết: giới thiệu kiểu bài, tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết, đọc và phân tích bài viết tham khảo, thực hành viết theo các bước, trả bài. Đó cũng là nội dung hướng dẫn dạy học viết các kiểu VB nói chung.

a. Phân tích yêu cầu cần đạt

SGV chỉ nêu ngắn gọn: HS nắm được cách thức tạo lập VB nghị luận về một vấn đề cần giải quyết trong đời sống xã hội. HS viết được VB nghị luận đáp ứng các yêu cầu: nêu được vấn đề theo giới hạn nội dung của phần *Viết*; bài viết có các luận điểm rõ ràng, hợp lí; các luận điểm được làm sáng tỏ bằng lí lẽ, bằng chứng.

b. Những lưu ý về yêu cầu đối với bài văn

Nội dung phần này nhằm cung cấp thêm thông tin và ý tưởng để hỗ trợ GV tổ chức dạy học viết một kiểu VB cụ thể. Trên cơ sở các yêu cầu đối với bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết trong SGK, SGV thuyết minh, phân tích sâu hơn những yêu cầu này. Cụ thể, GV cần nhấn mạnh thêm:

- Vấn đề cần giải quyết trong đời sống xã hội mà người viết chọn làm đề tài phải được nêu bằng một câu cụ thể làm căn cứ để triển khai bài viết.
- Các khía cạnh của vấn đề phải được thể hiện bằng các luận điểm, phản ánh nhận thức của người viết về bản chất của vấn đề. Ý kiến trái chiều thường do người viết dự kiến, hình dung, nhưng cần hợp lí, việc bác bỏ ý kiến được nêu ra là một cách để củng cố sự đúng đắn của quan điểm cần khẳng định.
- Vấn đề nêu ra để bàn luận có thể là tích cực hay tiêu cực. Nếu là vấn đề tích cực, cần nêu giải pháp phát huy, nếu là vấn đề tiêu cực, phải đề xuất giải pháp hạn chế, loại bỏ. Đó phải là những giải pháp có tính khả thi.

c. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

SGV trình bày các “kịch bản” để GV tham khảo và vận dụng trong tổ chức dạy học.

- Trước hết là gợi ý giới thiệu kiểu bài. Chẳng hạn: GV có thể yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Thế nào là một vấn đề cần giải quyết? Vì sao cần giới hạn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống xã hội)? Việc hiểu sâu sắc và bàn luận thấu đáo những vấn đề cần giải quyết trong đời sống có tác dụng gì?* Từ đó, GV dẫn dắt vào bài học viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

- GV tổ chức cho HS đọc và tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết bằng cách đặt các câu hỏi như: *Một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết cần phải đáp ứng những yêu cầu gì? Theo em, vì sao kiểu bài này đặt ra những yêu cầu như vậy?* Từ đó, đưa ra yêu cầu của kiểu bài mà HS cần viết.

- Tiếp theo là gợi ý tổ chức cho HS đọc và phân tích bài viết tham khảo. Khi HS đọc bài viết tham khảo, GV nhắc các em chú ý nội dung gợi dẫn ở các thẻ bên phải VB. GV định hướng thêm cho việc rút kinh nghiệm từ bài viết tham khảo: *Bài viết bàn về vấn đề gì? Có những vấn đề nào tương tự trong đời sống có thể bàn luận? Em rút ra được điều gì từ cách triển khai các luận điểm, cách nêu lí lẽ và huy động bằng chứng, cách phản bác ý kiến trái chiều? Phần Mở bài và Kết bài gợi cho em điều gì về cách viết?*

Cần lưu ý, GV hướng dẫn HS phân tích bài viết tham khảo không phải để HS thấy được bài viết hay, đặc sắc như thế nào mà nhằm giúp các em hình dung cách triển khai một bài viết đáp ứng được yêu cầu của kiểu bài. Vì vậy, cần tránh để HS tiếp cận bài viết tham khảo như một VB đọc hiểu.

– Sau đó là hướng dẫn tổ chức cho HS thực hành viết theo các bước và trả bài. Viết một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết cũng cần thực hiện các bước đúng như viết các kiểu VB khác, bắt đầu từ việc xác định mục đích viết và người đọc; lựa chọn đề tài; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết. Việc đặt ra yêu cầu xác định mục đích viết và người đọc ở đây chủ yếu nhằm nhắc nhở HS khi viết bài thường xuyên có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến. Cùng một nội dung viết (ví dụ vấn đề ô nhiễm môi trường) nhưng với những mục đích viết khác nhau (giải thích, thuyết phục,...), hướng đến những người đọc khác nhau (các bạn cùng lớp, những người dân trong khu dân cư, độc giả của một tờ báo, chính quyền địa phương,...) thì bài viết có những khác biệt đáng kể về kiểu bài (thuyết minh, nghị luận,...), ngôn ngữ diễn đạt (từ ngữ xưng hô, sắc thái thân mật hay trang trọng của từ ngữ,...),... Trong các tiết thực hành viết ở các lớp trước, SGK đã lưu ý HS điều này, ở *Ngữ văn 9*, yêu cầu này cần tiếp tục được HS lưu ý để khắc sâu thành nhận thức, thói quen.

– Để định hướng cho HS trong việc tìm đề tài, GV cho HS nhắc lại một số đề tài mà SGK đã nêu như một sự gợi ý, trên cơ sở đó, HS có thể tự tìm đề tài phù hợp. Lưu ý: Với những đề tài mà HS lựa chọn, GV cần kiểm tra, hướng dẫn các em biết cách diễn đạt ngắn gọn và tường minh.

– GV hướng dẫn HS phân tích yêu cầu của đề bài (gạch dưới các từ ngữ quan trọng trong đề bài) để xác định nhiệm vụ viết. GV lưu ý HS có ý thức bám sát mục đích viết và đối tượng người đọc mà bài viết hướng tới. GV hướng dẫn cho HS tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi được gợi ý trong SGK. GV có thể dựa vào SGK để thiết kế phiếu tìm ý cho HS. Sau khi HS điền đầy đủ thông tin vào phiếu, nghĩa là đã hoàn thành việc tìm ý, GV hướng dẫn các em sắp xếp lại theo trật tự hợp lý để có một dàn ý. Dàn ý phải ghi rõ từng phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

– GV hướng dẫn HS dựa vào dàn ý để thực hiện bài viết. Nên xem lại bài viết tham khảo và các VB đã đọc để biết cách viết các phần theo bố cục mà dàn ý đã nêu. Các em có thể làm việc cá nhân để hoàn thành phiếu tìm ý và trao đổi cặp đôi để góp ý cho nhau. Tùy vào điều kiện thời gian mà GV cho HS viết bài tại lớp hoặc ở nhà.

– Chấm bài và trả bài là một khâu quan trọng của quá trình dạy học viết, GV không nên bỏ qua. Tuy vậy, cần triển khai theo cách linh hoạt, phù hợp với thực tiễn. Tuy phân phối CT có dự kiến thời gian trả bài cho tất cả các bài viết, nhưng tùy vào quy định về đánh giá và bối cảnh thực tế, GV chỉ chấm và trả bài cho cả lớp đối với một số bài viết; còn các bài viết khác, GV có thể chỉ chấm và trả bài cho một số HS và mời một vài HS trình bày bài viết trước lớp để GV và các bạn cùng lớp góp ý, nhận xét. Khi trả bài, GV cần cho HS nhắc lại để khắc sâu yêu cầu của bài và một vài lưu ý khi viết kiểu bài. GV

nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS và phân tích một số điểm tích cực lẫn hạn chế trong bài làm để HS rút kinh nghiệm.

– GV trả bài cho HS và yêu cầu các em chỉnh sửa bài viết theo hướng dẫn trong SGK bằng hình thức làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Nếu có ý kiến thắc mắc về nhận xét, đánh giá của GV, GV cần giải thích thỏa đáng trên tinh thần dân chủ. Hướng dẫn HS tự sửa lại những chỗ đã được GV đánh dấu, nhận xét. Có thể đề nghị các em đọc bài của nhau để trao đổi, học hỏi thêm.

3.3.4. Hướng dẫn tổ chức dạy học nói và nghe

3.3.4.1. Dạy học nói và nghe theo nguyên tắc giao tiếp

Để HS thực sự có cơ hội trình bày, chia sẻ, trao đổi trong giờ học nói và nghe theo yêu cầu của CTGDPT môn Ngữ văn năm 2018 với các bài học cụ thể của *Ngữ văn 9*, khi triển khai dạy học phần *Nói và nghe*, GV cần chú ý những nhân tố sau:

– Đối tượng giao tiếp: GV cần giúp HS xác định được những đề tài, nội dung nói và nghe cụ thể xuất phát từ chính những trải nghiệm, vốn sống của các em. GV cần định hướng để đề tài, nội dung nói và nghe được lựa chọn thực sự gây hứng thú cho HS, đồng thời phù hợp với các yêu cầu cần đạt của bài học.

– Nhân vật giao tiếp: GV giúp HS xác định vai trò và các hoạt động phù hợp khi tham gia nói (trình bày vấn đề) hoặc khi nghe (tiếp nhận và phản hồi thích hợp trong khi nghe người khác trình bày).

– Mục đích giao tiếp: Trong mỗi bài học, HS đều được hướng dẫn để xác định rõ mục đích nói và nghe. Tuy nhiên, GV cần gợi ý để HS có thể chủ động trình bày mục đích một cách rõ ràng hơn khi thực hiện hoạt động với một đề tài, nội dung xác định. Chẳng hạn, với người nói: *Muốn làm rõ vấn đề gì nhất? Cần chia sẻ điều gì quan trọng? Mong muốn người nghe nắm bắt được điều gì nhất sau khi mình trình bày bài nói?*; với người nghe: *Mong muốn tiếp nhận được gì từ người nói? Có điều gì cần được làm rõ thêm từ người nói hay muốn trao đổi với người nói? Có thể học hỏi được kinh nghiệm gì từ người nói?*

– Phương tiện giao tiếp: Cùng với khả năng sử dụng ngôn ngữ để trình bày, trao đổi, thảo luận, tranh luận,..., HS cần được hướng dẫn để sử dụng hiệu quả cử chỉ, điệu bộ,... và phương tiện hỗ trợ khi nói và nghe: sơ đồ, tranh ảnh, đoạn phim ngắn, các thẻ tín hiệu theo quy ước của GV và HS,...

3.3.4.2. Dạy học nói và nghe gắn kết với đọc, viết

GV cần chú ý mối quan hệ tích hợp, kết nối chặt chẽ giữa các hoạt động đọc, viết với hoạt động nói và nghe trong cách tổ chức bài học của *Ngữ văn 9*. Mối quan hệ này thể hiện trên cả phương diện loại, thể loại VB lẫn chủ đề, cụ thể là:

Bài	Đọc	Viết	Nói và nghe
Bài 1. Thế giới kì ảo	Hai VB truyện truyền kì (VB đọc chính) và một bài thơ (VB kết nối về chủ đề) viết về một truyền thuyết có nhiều yếu tố kì ảo.	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên).	Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên).
Bài 2. Những cung bậc tâm trạng	Hai VB thơ song thất lục bát (VB đọc chính) và một VB thuyết minh (VB kết nối về chủ đề) viết về thể thơ song thất lục bát.	Viết một bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát).	Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gọi ra từ tác phẩm văn học).
Bài 3. Hồn nước nằm trong tiếng mẹ cha	Hai VB truyện thơ Nôm (VB đọc chính) và một bài thơ trữ tình (VB kết nối về chủ đề) thể hiện những thành tựu đỉnh cao của bộ phận văn học viết bằng chữ Nôm.	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống của học sinh hiện nay).	Trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh hiện nay.
Bài 4. Khám phá vẻ đẹp văn chương	Hai VB nghị luận văn học (VB đọc chính) thể hiện cách tiếp cận một tác phẩm văn học (truyện) của các nhà nghiên cứu, phê bình và một bài thơ (VB kết nối về chủ đề) chia sẻ cảm nhận của nhà thơ về những con đường đến với một tác phẩm văn học kinh điển.	Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện).	Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (<i>Làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn?</i>).
Bài 5. Đối diện với nỗi đau	Hai VB bi kịch (VB đọc chính) và một truyện ngắn (VB kết nối về chủ đề) có chủ đề là bi kịch của con người trong cuộc sống.	Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (kịch).	Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gọi ra từ tác phẩm văn học).

Bài	Đọc	Viết	Nói và nghe
Bài 6. Giải mã những bí mật	Hai VB truyện trinh thám (VB đọc chính) và một VB kí (VB kết nối về chủ đề) viết về một nhà tình báo.	Viết truyện kể sáng tạo.	Kể một câu chuyện tưởng tượng.
Bài 7. Hồn thơ muôn điệu	Hai VB thơ tám chữ, bảy chữ (VB đọc chính) và một VB nghị luận văn học (VB kết nối về chủ đề) viết về nét độc đáo trong phong cách của một nhà thơ thể hiện qua một bài thơ tám chữ.	Tập làm một bài thơ tám chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.	Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gọi ra từ tác phẩm văn học).
Bài 8. Tiếng nói của lương tri	Hai VB nghị luận xã hội (VB đọc chính) và một bài thơ (VB kết nối về chủ đề) viết về sứ mệnh của thanh niên trước vận mệnh của đất nước.	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống xã hội).	Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (trong đời sống của cộng đồng, đất nước, nhân loại).
Bài 9. Đi và suy ngẫm	Hai VB thông tin (VB đọc chính) và một bài thơ (VB kết nối về chủ đề) thể hiện tình yêu quê hương, đất nước.	Viết bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử.	Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử.
Bài 10. Văn học – lịch sử tâm hồn	VB thuyết minh về lịch sử văn học Việt Nam, bài phỏng vấn, VB thơ viết về đại thi hào Nguyễn Du.	Viết bài quảng cáo về sách dưới hình thức VB đa phương thức.	Thực hiện một cuộc phỏng vấn về sách, văn hoá đọc, vấn đề gọi ra từ cuốn sách và những trải nghiệm đọc, viết trong dự án <i>Văn học – lịch sử tâm hồn</i> .

Phần *Nói và nghe* là một trong những điểm nhấn nổi bật của SGK *Ngữ văn 9*, thể hiện việc hiện thực hoá các yêu cầu cần đạt của CTGDPT môn *Ngữ văn* năm 2018 trong việc dạy học *Ngữ văn* theo quan điểm giao tiếp và phát triển năng lực. Chính vì thế, trong quá trình tổ chức dạy học, GV cần chú ý tổ chức hoạt động nói và nghe bám sát yêu cầu cần đạt của bài học nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học và các năng lực chung của HS.

Lưu ý: Quan sát bảng trên có thể thấy, ở một số bài học, sự kết nối giữa viết, nói và nghe với đọc không được thể hiện rõ như ở các bài học khác. Cụ thể, ở bài 1, phần đọc, HS học truyện truyền kì, nhưng phần viết thì viết bài văn nghị luận xã hội; ở bài 3, phần đọc, HS học truyện thơ Nôm, nhưng phần viết thì viết bài văn nghị luận xã hội. Còn phần nói và nghe ở hai bài này, về cơ bản là có tích hợp rõ với phần viết. Sở dĩ có một số ít “vênh lệch” như vậy vì không thể bổ sung bài văn nghị luận phân tích tác phẩm văn học vào bài 1 (truyện truyền kì) và bài 3 (truyện thơ Nôm), việc bổ sung theo cách đó sẽ làm tăng số bài nghị luận văn học (từ 3 lên 5) và giảm số bài nghị luận xã hội (từ 3 còn 1), một tỉ lệ không hợp lí.

3.3.4.3. Các kiểu bài nói và nghe trong *Ngữ văn 9*

Được phân bố liên tục trong 10 bài học, hoạt động nói và nghe trong SGK *Ngữ văn 9* tập trung vào các kiểu bài sau đây:

– **Tự sự:** Kể một câu chuyện tưởng tượng.

– **Nghị luận (trình bày ý kiến, thảo luận):**

+ Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên) (bài 1); trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh hiện nay (bài 3); trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (trong đời sống của cộng đồng, đất nước, nhân loại) (bài 8).

+ Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (*Làm thế nào để học tốt môn *Ngữ văn*?*) (bài 4); thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học) (bài 2, bài 5, bài 7).

– **Thuyết minh:** Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử.

– **Phỏng vấn:** Phỏng vấn về sách, văn hoá đọc, vấn đề gợi ra từ sách và những trải nghiệm đọc, viết.

3.3.4.4. Quy trình dạy học nói và nghe

Hoạt động nói và nghe được thực hiện trên lớp, được phân bố sau các phần: *Đọc* (bao gồm cả *Thực hành tiếng Việt*) và *Viết*. Quy trình tổ chức dạy học nói và nghe trong SGK *Ngữ văn 9* có thể được hình dung đại lược như sau:

– Bước 1: Giới thiệu kiểu bài, yêu cầu.

– Bước 2: Tổ chức, hướng dẫn HS chuẩn bị bài nói (phần hướng dẫn HS tập luyện chỉ thể hiện trong SGK các lớp 6, 7. Ở lớp 8, 9, HS đã thuần thục, không cần hướng dẫn nữa).

- Bước 3: Tổ chức, hướng dẫn HS trình bày bài nói.
- Bước 4: Tổ chức, hướng dẫn HS nhận xét, trao đổi về bài nói.

Tuỳ theo năng lực của HS và yêu cầu của từng kiểu bài, GV có thể vận dụng quy trình này một cách linh hoạt để bảo đảm hoạt động nói và nghe trên lớp đạt hiệu quả.

4 HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

4.1. Định hướng đánh giá năng lực, phẩm chất của HS trong môn Ngữ văn

Đánh giá kết quả giáo dục trong *Ngữ văn 9* được triển khai tuân thủ định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá của CTGDPT môn Ngữ văn năm 2018 và thống nhất với mục tiêu, nội dung, cách thức, phương pháp đánh giá được triển khai từ các lớp trước.

4.1.1. Mục tiêu của hoạt động đánh giá kết quả giáo dục

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục trong môn Ngữ văn là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong suốt quá trình học. Cụ thể là: 1) Giúp HS tự đánh giá những tiến bộ trong quá trình học của mình, kiểm soát, tự điều chỉnh các hoạt động học tập để từng bước đạt được những yêu cầu cần đạt mà CT đã đề ra; 2) Giúp GV nhận biết những tiến bộ và hạn chế của HS, từ đó có những hướng dẫn kịp thời cho HS trong quá trình dạy học và điều chỉnh hoạt động dạy học sao cho đạt được yêu cầu cần đạt; 3) Giúp nhà quản lý hiểu rõ chất lượng dạy học của nhà trường và có những biện pháp điều chỉnh phù hợp, kịp thời để nâng cao chất lượng giáo dục; 4) Giúp phụ huynh hiểu rõ những tiến bộ của con em mình để có biện pháp giáo dục phối hợp với GV.

4.1.2. Nội dung đánh giá kết quả giáo dục

- Đánh giá phẩm chất trong môn Ngữ văn chủ yếu là bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS trong các mối quan hệ.

- Đánh giá các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Ngữ văn cần kết hợp cả định tính và định lượng, thông qua các bài kiểm tra, bài tập với nhiều hình thức và mức độ khác nhau, dựa trên yêu cầu cần đạt về năng lực đối với HS lớp 9.

+ Khi soạn đề kiểm tra, đề thi để đánh giá kĩ năng đọc của HS ở lớp 9, GV cần bám sát vào các yêu cầu cần đạt về đọc theo quy định của CT dành cho lớp này (hoặc có thể gồm cả những yêu cầu cần đạt về đọc dành cho những lớp dưới đó (đã học) tuỳ theo chủ trương của các cấp quản lý), nhưng không được căn cứ vào yêu cầu cần đạt về đọc dành cho những lớp trên (chưa học) hoặc ngoài CT. Ngữ liệu dùng cho phần đánh giá kĩ năng đọc hiểu cần phải ngoài SGK, tức HS chưa được học ở lớp, và chỉ nên là những VB ngắn hoặc đoạn trích để phù hợp với thời lượng quy định cho một bài kiểm tra hoặc bài thi.

+ Đánh giá kĩ năng viết ở lớp 9, cần tập trung vào yêu cầu tạo lập các kiểu VB được quy định trong CT và được HS thực hành trong các bài học của SGK *Ngữ văn 9*. Một số kiểu VB tuy HS được thực hành trong năm học như viết truyện kể sáng tạo, làm một bài thơ tám chữ, nhưng khó có thể dùng để soạn đề kiểm tra, đề thi. Việc đánh giá kĩ năng viết cần dựa vào các tiêu chí chủ yếu như: 1) nội dung; 2) kết cấu bài viết; 3) khả năng biểu đạt và lập luận; 4) hình thức ngôn ngữ và trình bày; 5) tính sáng tạo của bài viết; trong đó tiêu chí nội dung có thể được xây dựng dựa vào các yêu cầu của kiểu bài được SGK *Ngữ văn 9* định hướng ngay ở phần đầu của mỗi bài thực hành viết.

+ Đánh giá kĩ năng nói cần lưu ý tính đặc thù của một số hình thức nói và nghe được triển khai ở lớp 9 như kể một câu chuyện tưởng tượng, tiến hành một cuộc phỏng vấn,... SGK *Ngữ văn 9* có những gợi ý cụ thể về nội dung trao đổi, đánh giá sau khi nói và nghe, qua đó GV có thể hướng dẫn cho HS tự đánh giá và đánh giá kết quả thực hành. Việc đánh giá kĩ năng nói cần tập trung vào khả năng bám sát đề tài và mục tiêu nói; sự tự tin, năng động của người nói; sự thích hợp của ngữ điệu và giọng nói; sự chú ý đến người nghe; khả năng tranh luận và thuyết phục; khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ. Đối với kĩ năng nghe, cần chú ý đến yêu cầu nắm bắt nội dung do người khác nói; nắm bắt và đánh giá được quan điểm, ý định của người nói; biết đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói; biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

4.1.3. Cách thức đánh giá kết quả giáo dục

Để bảo đảm nguyên tắc đánh giá đúng phẩm chất và năng lực của HS, bên cạnh việc tuân thủ định hướng của CT, cách thức đánh giá kết quả giáo dục cần phải đáp ứng yêu cầu đổi mới kiểm tra, đánh giá theo Công văn 3175/BGDĐT-GDTrH do Bộ GD&ĐT ban hành ngày 21/7/2022. Ngoài hình thức, phương pháp đánh giá được định hướng chung trong CTGDPT môn Ngữ văn năm 2018, SGK *Ngữ văn 9* thiết kế một số nội dung gợi ý cho việc đánh giá năng lực của HS theo học bộ sách này.

– SGK *Ngữ văn 9* thiết kế các nhiệm vụ học tập đa dạng trong các phần *Củng cố, mở rộng* cuối mỗi bài học trong SGK và nhiều mẫu phiếu học tập trong SGK. GV có thể sử dụng một số câu hỏi, bài tập trong phần *Củng cố, mở rộng* và thiết kế các phiếu học tập tương tự theo mẫu để đánh giá thường xuyên kết quả học tập của HS. Ngoài ra, kèm theo SGK *Ngữ văn 9* còn có *Bài tập Ngữ văn 9*. GV có thể dựa vào kết quả hoàn thành các bài tập trong SBT để đánh giá năng lực đọc hiểu và viết của HS trong quá trình học.

– Sau phần ôn tập ở cuối mỗi tập, *Ngữ văn 9* có các phiếu học tập giúp HS có cơ hội vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để luyện tập tổng hợp về đọc, viết, nói và nghe. Có thể coi đó như là gợi ý để xây dựng đề kiểm tra cuối học kì. Lưu ý, khác với đọc và viết, việc đánh giá kĩ năng nói và nghe được thực hiện trong cả quá trình học. Một tiết nói và nghe, GV bố trí cho một số HS tham gia. Ngoài ra, trong khi học đọc và viết, HS cũng có trao đổi, thảo luận. GV cần quan sát, ghi chép hoạt động cũng như sản phẩm của HS

trong học kì và cả năm học để đánh giá kĩ năng nói và nghe của từng HS sao cho em nào cũng có điểm. Trong một số trường hợp, GV có thể đánh giá kĩ năng nói của HS thông qua các video clip mà các em tự quay.

– Việc thiết kế để kiểm tra, đánh giá cuối học kì và cuối năm học sẽ được thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của các cấp quản lí. Tuy nhiên, các hướng dẫn này cũng phải phù hợp với định hướng đổi mới đánh giá của CTGDPT môn Ngữ văn năm 2018 được nêu ở trên.

4.2. Gợi ý ma trận để kiểm tra, đánh giá định kì

Khi xây dựng ma trận để kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn, cần xác định tỉ lệ điểm của kĩ năng đọc và viết trong đề, có thể là: 50% – 50%, 60% – 40%, 40% – 60%. Đề thi có thể sử dụng các dạng câu hỏi: tự luận hoặc tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan. Sau đây là một số gợi ý ma trận để kiểm tra, đánh giá:

Phương án 1: Đề thi sử dụng 100% câu hỏi tự luận; tỉ lệ điểm của kĩ năng đọc là 50%, kĩ năng viết là 50%.

STT	Kĩ năng	Mạch nội dung	Mức độ nhận thức						Tổng % (điểm)
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
			Số câu	Tỉ lệ (điểm)	Số câu	Tỉ lệ (điểm)	Số câu	Tỉ lệ (điểm)	
1	Đọc hiểu	VB văn học/ VB nghị luận/ VB thông tin	2	10%	2	20%	1	20%	50%
2	Viết	Nghị luận xã hội, nghị luận văn học, thuyết minh, biểu cảm,...	1 ^{*(1)}	5%	1 [*]	15%	1 [*]	30%	50%
Tỉ lệ %			15%		35%		50%		100%
Tỉ lệ chung			50%				50%		

⁽¹⁾1*: Căn cứ theo tài liệu tập huấn ma trận đặc tả để kiểm tra định kì của Vụ Giáo dục Trung học, Bộ GD&ĐT năm 2022, câu hỏi của phần *Viết* bao phủ các mức độ nhận thức theo tỉ lệ phần trăm đã ghi trong ma trận.

Phương án 2: Đề thi có sử dụng câu hỏi tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan; tỉ lệ điểm của kĩ năng đọc là 60%, kĩ năng viết là 40%.

STT	Kĩ năng	Mạch nội dung	Mức độ nhận thức						Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	VB văn học/ VB nghị luận/ VB thông tin	3 (1,5 điểm)	0	3 (1,5 điểm)	1 (1,0 điểm)	0	1 (2,0 điểm)	60%
2	Viết	Nghị luận xã hội, nghị luận văn học, thuyết minh, biểu cảm,...	0	1*	0	1*	0	1*	40%
Tổng			15	5	15	25	0	40	100%
Tỉ lệ %			20%		40%		40%		
Tỉ lệ chung			60%				40%		

Lưu ý: Có thể hiểu ba mức nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng) trong ma trận để kiểm tra, đánh giá nói trên tương ứng với ba mức nhận thức của hệ thống câu hỏi đọc hiểu trong SGK *Ngữ văn 9* (nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng).

5 GIỚI THIỆU TÀI LIỆU BỔ TRỢ, NGUỒN TÀI NGUYÊN, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ

5.1. Giới thiệu sách giáo viên

Tương ứng với mỗi bài học trong SGK có một bài hướng dẫn dạy học trong SGK. Mỗi bài hướng dẫn dạy học đều có cấu trúc gồm các phần: *Yêu cầu cần đạt*, *Chuẩn bị*, *Tổ chức hoạt động dạy học*.

Yêu cầu cần đạt có nội dung thống nhất với SGK. Trong SGK, yêu cầu cần đạt của mỗi bài học chỉ tập trung vào yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù (được thể hiện trong

CTGDPT môn Ngữ văn ở từng lớp) và yêu cầu cần đạt về phẩm chất gắn với nội dung của các VB đọc. Tuy vậy, GV cần lưu ý các bài học trong SGK Ngữ văn mới còn cần hướng đến mục tiêu giúp HS phát triển các năng lực chung được quy định trong CT tổng thể, bao gồm: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp (cũng là năng lực đặc thù của môn Ngữ văn) và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. HS cần được phát triển các năng lực chung này ở tất cả các bài học, vì vậy SGK không thể hiện riêng trong yêu cầu cần đạt của từng bài. GV cần nắm được điều này để không bỏ qua cơ hội giúp HS phát triển các năng lực chung khi tổ chức các hoạt động dạy học. Ngoài ra, đối với yêu cầu đọc hiểu VB, tuy yêu cầu đọc hiểu về nội dung của VB như đề tài, chủ đề hay tình cảm, cảm xúc của người viết được đặt ra đối với mọi VB, nhưng để tránh trùng lặp, SGK chỉ thể hiện trong yêu cầu cần đạt của một số bài, coi như là một điểm nhấn của bài đó.

Chuẩn bị gồm hai nội dung: 1. *Tri thức ngữ văn cho GV*; 2. *Phương tiện dạy học*. Ở nội dung *Tri thức ngữ văn cho GV*, SGV trình bày, phân tích những khái niệm công cụ đầy đủ hơn và sâu hơn so với SGK. GV không phải trình bày lại cho HS những tri thức này vì những gì HS cần nắm đã có trong SGK, nhưng GV cần được trang bị thêm tri thức ngữ văn để có thể làm chủ được bài dạy. Ngoài ra, SGV cũng cung cấp thêm một số nguồn tài liệu tham khảo để GV tự nghiên cứu, đào sâu thêm tri thức công cụ nếu thấy cần thiết. *Phương tiện dạy học* vừa có những phương tiện chung cho các bài (gồm các phương tiện cần phải có như SGK, SGV và các phương tiện có thể có như máy tính và màn hình trình chiếu) vừa có những phương tiện riêng, đặc trưng cho từng bài. GV cần nắm vững mục tiêu của từng bài học và tính chất của các hoạt động trong bài để chuẩn bị cho phù hợp.

Tổ chức hoạt động dạy học bám sát các hoạt động đã được thiết kế trong SGK, bao gồm các nội dung chính sau:

- *Tìm hiểu Giới thiệu bài học và Khám phá Tri thức ngữ văn*: Hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy học phần mở đầu của một bài học, đặc biệt là hướng dẫn GV cách giúp HS khai thác và vận dụng tri thức ngữ văn. (Phần *Đề từ* HS tự tìm hiểu, GV không cần tổ chức dạy học ở lớp.)

- *Đọc VB và Thực hành tiếng Việt*: Trong hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy học đọc VB và hoạt động thực hành tiếng Việt có hai nội dung chính: *Phân tích yêu cầu cần đạt*; *Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học* (gắn với các phần và các câu hỏi cụ thể trong từng bài). Bên cạnh những bài tập yêu cầu HS vận dụng kiến thức mới về tiếng Việt vừa được hình thành trong bài học, còn có những bài tập đòi hỏi HS phải vận dụng những kiến thức đã học từ trước. Với cách thiết kế bài tập tiếng Việt như vậy, HS vừa được thực hành tiếng Việt gắn với ngữ cảnh là VB các em vừa đọc (các hiện tượng ngôn ngữ trong một VB ít khi chỉ liên quan đến một kiến thức ngôn ngữ duy nhất), vừa có cơ hội ôn lại kiến thức tiếng Việt đã học.

- *Viết, Nói và nghe*: Trong mỗi phần đều có hai nội dung quan trọng: *Phân tích yêu cầu cần đạt* và *Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học*. Riêng phần *Viết* có thêm nội dung *Những lưu ý về yêu cầu đối với bài văn*. Đây là cơ sở để GV có được định hướng sáng rõ khi

hướng dẫn HS viết theo từng kiểu bài đáp ứng yêu cầu của CT và khi đánh giá bài viết của các em.

- *Củng cố, mở rộng; Thực hành đọc:* GV cần khuyến khích HS phát huy năng lực tự học khi khai thác các nội dung này. GV cũng có thể căn cứ vào những gợi ý trong SGK và SGV để xây dựng thêm các công cụ hướng dẫn HS tự học, tự ôn tập. Ở phần *Thực hành đọc*, HS tự đọc một VB được đề xuất trong SGK, nhưng GV cần kiểm soát được việc tự đọc này của các em thông qua những hình thức kiểm tra đa dạng (đề nghị HS báo cáo, trực tiếp xem các ghi chép,...). GV có thể kiểm tra kết quả thực hành đọc của HS trong các tiết *Đọc mở rộng* được tổ chức ở lớp.

5.2. Giới thiệu sách bổ trợ, tham khảo

Ngoài SGK và SGV, *Ngữ văn 9* còn có SBT (*Bài tập Ngữ văn 9*, tập một và *Bài tập Ngữ văn 9*, tập hai). Sách được biên soạn theo hướng bám sát các yêu cầu cần đạt của SGK và có mở rộng về ngữ liệu nhằm tăng vốn hiểu biết và phát triển kĩ năng ngôn ngữ cho HS. Đúng với tính chất một tài liệu thực hành, sách thiết kế các dạng bài tập ngắn và đa dạng, HS có thể hoàn thành nhanh và cảm thấy hứng thú với việc hoàn thành những bài tập này.

Sách có 10 bài, chia thành 2 tập tương ứng với 10 bài học và 2 tập SGK *Ngữ văn 9*. Nội dung mỗi tập sách gồm hai phần, phần một: *Bài tập*, phần hai: *Gợi ý làm bài*. Các bài tập ở phần một được thiết kế theo các mạch hoạt động như trong SGK: đọc, viết, nói và nghe và đều hướng đến mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực (ngôn ngữ và văn học) cho HS, không có bài tập kiểm tra kiến thức thuần túy.

Về luyện đọc, sách dùng khoảng 60% ngữ liệu lấy từ SGK và khoảng 40% ngữ liệu mới, thường là đoạn trích hoặc VB ngắn. Dù dùng ngữ liệu đã có trong SGK hay ngữ liệu mới, sách đều xây dựng hệ thống câu hỏi đọc hiểu đòi hỏi người học phát huy năng lực tự đọc và tự đánh giá kết quả đọc của mình, chứ không phải cần ghi nhớ và lặp lại những gì đã học. Bên cạnh yêu cầu hiểu nội dung của VB, các câu hỏi đọc hiểu chú trọng giúp HS nắm vững “mã thể loại” và đặc điểm ngôn ngữ của VB để có thể đọc hiểu các VB mới. Nhờ vậy, các em có khả năng thích ứng với các đề kiểm tra, đánh giá kĩ năng đọc hiểu dựa trên ngữ liệu ngoài SGK.

Về luyện viết, sách biên soạn một số đề bài thuộc các kiểu bài HS đã được thực hành trong SGK. Bên cạnh yêu cầu viết đoạn hoặc viết bài văn ngắn, sách còn yêu cầu lập dàn ý cho những đề bài cụ thể nhằm tạo cơ hội cho HS được luyện tập và phát triển kĩ năng viết một cách toàn diện. Về luyện nói và nghe, HS được yêu cầu lập dàn ý cho bài nói về một nội dung phù hợp, thường được tích hợp với nội dung đọc hoặc viết, và thực hành nói và nghe theo dàn ý đã lập.

Phần hai của sách là *Gợi ý làm bài*. Với những câu hỏi tự luận, sách không đưa đáp án có sẵn, nhưng có gợi ý đủ rõ giúp HS có thể kiểm tra kết quả làm bài của mình;

phần nào HS không tự làm được thì có thể dựa vào gợi ý để hoàn thành. Nhờ đó, HS có thể sử dụng sách này để tự học và tự đánh giá kết quả học tập của bản thân.

Bài tập Ngữ văn 9 không chỉ là tài liệu giúp HS phát triển kỹ năng đọc, viết, nói và nghe mà còn là công cụ hỗ trợ cho GV trong việc thiết kế các bài tập hoặc để kiểm tra, đánh giá theo định hướng mới.

5.3. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên, học liệu điện tử

5.3.1. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học

a. Giới thiệu về *Hành trang số: hanhtrangso.nxbgd.vn*

Hành trang số là nền tảng sách điện tử của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền *hanhtrangso.nxbgd.vn*. *Hành trang số* cung cấp phiên bản số hoá của SGK theo CT mới và cung cấp các học liệu điện tử hỗ trợ nội dung SGK và các công cụ hỗ trợ việc giảng dạy và học tập của GV và HS.

Hành trang số bao gồm 3 tính năng chính: *Sách điện tử*, *Luyện tập* và *Thư viện*. Tính năng *Sách điện tử* cung cấp trải nghiệm đọc và tương tác phiên bản số hoá của SGK theo CT mới. Trong đó, *Hành trang số* tôn trọng trải nghiệm đọc sách truyền thống với giao diện lật trang mềm mại, mục lục dễ tra cứu, đồng thời cung cấp các công cụ như: phóng to, thu nhỏ, đính kèm trực tiếp các học liệu bổ trợ lên trang sách điện tử, luyện tập trực quan các bài tập trong sách đi kèm kiểm tra, đánh giá,... Người dùng truy cập SGK mọi lúc mọi nơi, sử dụng đa dạng thiết bị điện thoại, máy tính bảng hay laptop, phục vụ đồng thời việc giảng dạy trên lớp và việc tự học tại nhà.

Tính năng *Luyện tập* cung cấp trải nghiệm làm bài tập phiên bản số hoá đối với các bài tập trong SGK và SBT của NXBGDVN. Tính năng mang tới giao diện tối giản, thân thiện cùng các công cụ hỗ trợ hành vi tự luyện tập của người dùng như: Kiểm tra kết quả, Gợi ý – Hướng dẫn bài tập, Bàn phím ảo, tích hợp kết quả luyện tập với Biểu đồ đánh giá năng lực cá nhân. Bên cạnh hệ thống bài tập sắp xếp theo danh mục SGK, SBT, *Hành trang số* đồng thời cung cấp hệ thống bài tập Tự kiểm tra, đánh giá bám sát CT và SGK mới, giúp người dùng trải nghiệm thêm kho bài tập bổ trợ kiến thức trên lớp.

Tính năng *Thư viện* cung cấp hệ thống kho học liệu điện tử bổ trợ CT, SGK mới. Tại đây, người dùng tiếp cận trực quan học liệu điện tử dưới ba định dạng chính: Video, Gif/ Hình ảnh, Âm thanh. Các học liệu điện tử được sắp xếp khoa học theo mục lục SGK và bám sát hình ảnh, CT, qua đó giúp sinh động và phong phú hoá bài học. *Hành trang số* đồng thời cung cấp hệ thống Bài giảng tham khảo, gồm hai nội dung: Bài giảng dạng PowerPoint với các tương tác tham khảo được thiết kế sẵn, song hành cùng kịch bản dạy học tham khảo. Qua đó, *Hành trang số* mong muốn hỗ trợ GV trong việc thiết kế bài giảng sử dụng học liệu điện tử.

b. Giới thiệu về *Tập huấn*

Tập huấn là nền tảng tập huấn GV trực tuyến của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền: *taphuan.nxbgdvn.vn*. *Tập huấn* cung cấp tài liệu tập huấn GV với đa dạng

nội dung và định dạng, nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học.

Việc cấp tài khoản trên *Tập huấn* được triển khai có hệ thống, cấp trên thiết lập cho cấp dưới trực thuộc: Sở GD&ĐT cấp tài khoản cho các Phòng GD&ĐT; Phòng GD&ĐT cấp tài khoản cho Nhà trường, Nhà trường cấp tài khoản cho GV. Việc cấp tài khoản có hệ thống đảm bảo GV được định danh, nhờ vậy các cấp quản lí có thể nắm bắt, đánh giá, quản trị hiệu quả triển khai tập huấn tại địa phương.

Đối với tài khoản GV: Tính năng *Tập huấn* cung cấp các khoá tập huấn đối với các môn học của các bộ SGK. Các khoá tập huấn đăng tải những tài liệu tập huấn do NXBGDVN biên soạn dưới các định dạng đa dạng: PowerPoint, PDF/ Word, Video,... và được phân loại theo các nhóm nội dung: Tài liệu tập huấn, Bài giảng tập huấn, Tiết học minh hoạ, Video tập huấn trực tuyến, Video hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học,... hỗ trợ thầy cô giáo truy cập bất kì thời điểm nào trong năm học. Mỗi khoá tập huấn đăng tải Bài kiểm tra, đánh giá tương ứng, sau khi kết thúc khoá tập huấn, GV thực hiện Bài kiểm tra và hệ thống sẽ thực hiện việc chấm điểm tự động.

Đối với tài khoản cấp quản lí giáo dục (Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, Nhà trường): Tính năng *Tài liệu bổ sung* cho phép các cơ quan quản lí giáo dục đăng tải các tài liệu tập huấn bổ trợ của địa phương, qua đó các cấp dưới trực thuộc sẽ tiếp cận được nguồn tài nguyên này. Tính năng *Thống kê* cung cấp số liệu thống kê về thông tin định danh và kết quả tập huấn của GV trực thuộc, trong đó các số liệu được hệ thống thể hiện trực quan qua bảng biểu, biểu đồ và có thể trích xuất định dạng Excel phục vụ công tác báo cáo của cấp quản lí giáo dục.

5.3.2. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng nguồn học liệu điện tử

Nhằm phục vụ công tác tập huấn GV, NXBGDVN đã đăng tải các tài liệu tập huấn của các bộ SGK với định dạng và nội dung đa dạng như: Video tiết học minh hoạ, Tài liệu tập huấn (PDF, PowerPoint, Word), Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học, Bài kiểm tra – đánh giá, Video lớp học trực tuyến,... Các tài liệu được phân tách theo từng môn học, đảm bảo dễ tiếp cận và sử dụng tại bất kì thời điểm nào trong năm học.

Khoản 2 Điều 2 Thông tư 12/2016/TT-BGDĐT quy định: Học liệu điện tử là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: sách giáo trình, SGK, tài liệu tham khảo, bài kiểm tra đánh giá, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm ảo,... Học liệu điện tử được phân làm 2 loại: 1) Tương tác một chiều: học liệu được số hoá dưới các định dạng như video, audio, hình ảnh,... Hình thức tương tác chủ yếu giữa người học và hệ thống là một chiều; 2) Tương tác hai chiều: người học có thể tương tác hai chiều hoặc nhiều chiều với hệ thống, giảng viên và người học khác để thu được lượng kiến thức, kinh nghiệm tối đa. Các sản phẩm có thể kể đến như các sách điện tử tương tác, trò chơi giáo dục, lớp học ảo,...

– Đối với học liệu điện tử tương tác một chiều, NXBGDVN đã đăng tải nhiều học liệu đa dạng, bao gồm: video, âm thanh, hình ảnh, ảnh động, 3D, slide bài giảng tham khảo, kịch bản tham khảo dạng PowerPoint và PDF hỗ trợ GV khai thác tối đa giá trị bộ SGK. Đối với tương tác hai chiều, NXBGDVN đã đăng tải hàng nghìn bài tập tương tác, trong đó các định dạng được lập trình phong phú, theo sát nội dung bài tập trong sách, bao gồm: Trắc nghiệm một đáp án đúng, Trắc nghiệm nhiều đáp án đúng, Chọn đúng – sai, Điền câu trả lời vào ô trống, Câu điền từ vào chỗ trống, Nối hình, Select box, Tự luận. Các học liệu điện tử đều bám sát hình ảnh và nội dung của bộ sách, tuân thủ triết lý bộ sách, tham vấn SGV, được tác giả hướng dẫn và thẩm định.

– Đối với kho học liệu điện tử được đính kèm trên trang sách điện tử và được tổng hợp tại tính năng *Thư viện*, các thầy cô giáo có thể tải về hoặc sử dụng trực tiếp nguồn học liệu dồi dào và bổ ích này đối với việc: biên soạn giáo án, chuẩn bị bài giảng điện tử; sử dụng làm tư liệu giảng dạy trực tiếp trên lớp cho tiết học sinh động, thú vị và hiệu quả; chia sẻ hoặc tải về thiết bị cá nhân. Qua đó, nguồn tài nguyên sẽ hỗ trợ trong việc mang đến hình ảnh sinh động, trực quan, thu hút sự chú ý của HS, nâng cao chất lượng bài giảng.

– Đối với kho bài tập tương tác từ SGK, SBT, *Hành trang số* cũng cung cấp bài tập Tự kiểm tra, đánh giá tại tính năng *Luyện tập*. Với nguồn bài tập phong phú này, GV có thể triển khai nhiều hoạt động giảng dạy: mở trực tiếp bài tập trên nền tảng, hướng dẫn HS làm bài, tương tác, từ đó tổ chức các hoạt động nhóm, tạo không khí học tập trong lớp; giao bài tập về nhà để HS tự thực hành, ôn tập hoặc sử dụng để kiểm tra bài cũ trước khi bắt đầu tiết học; tham khảo các dạng bài tập để đưa vào bài kiểm tra, đánh giá trên lớp.

– Đối với hệ thống bài giảng điện tử dạng slide PowerPoint song hành là kịch bản dạy học được cung cấp tại tính năng *Thư viện*, các thầy cô giáo có thể tải trực tiếp về thiết bị cá nhân để trình chiếu giảng dạy trên lớp hoặc tham khảo, tự chỉnh sửa, sáng tạo, bổ sung thêm đảm bảo phù hợp với phương pháp giảng dạy của cá nhân. Bài giảng điện tử đã được *Hành trang số* xây dựng hình ảnh và nội dung bám sát SGV và SGK.

Ngoài ra, các thầy cô giáo cũng được khuyến nghị sử dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ trên nền tảng *Hành trang số* kết hợp cùng máy trình chiếu, trong đó bao gồm các công cụ như: Luyện tập trực quan các bài tập đi kèm chấm điểm tự động; Đọc sách điện tử; Xem trực tiếp các học liệu bổ trợ được đính kèm trên trang sách điện tử,... Như vậy, các thầy cô giáo có thể truy cập SGK mọi lúc, mọi nơi với đa dạng các thiết bị: điện thoại, máy tính bàn, laptop, máy tính bảng; sử dụng trình chiếu trực tiếp trên lớp học; chủ động sử dụng nghiên cứu tại nhà, hỗ trợ cho quá trình biên soạn giáo án.

1 QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY**1.1. Chuẩn bị tài liệu**

- Công văn số 5512/BGDDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (ban hành ngày 18/12/2020).
- Phụ lục IV kèm theo Công văn 5512 về Khung kế hoạch bài dạy.
- SGK *Ngữ văn 9*
- *Ngữ văn 9, Sách giáo viên*

1.2. Các bước thiết kế kế hoạch bài dạy

- Xác định bài dạy, mục tiêu bài dạy, các thiết bị và học liệu cần chuẩn bị.
- Xác định các hoạt động chính của bài dạy (gồm Đọc, Viết, Nói và nghe).
- Xác định mục tiêu, nội dung, sản phẩm và cách tổ chức thực hiện từng hoạt động dạy học cụ thể (được quy thành 4 nhóm: khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập, vận dụng).

2 BÀI SOẠN MINH HOẠ**BÀI
6****GIẢI MÃ NHỮNG BÍ MẬT****(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 9 tiết; Viết: 3 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)****A. MỤC TIÊU**

Bài học góp phần phát triển các năng lực và phẩm chất sau cho HS:

I. VỀ NĂNG LỰC**1. Năng lực đặc thù** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.
- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

– Nhận biết được các kiểu câu ghép, kết từ để nối các vế câu ghép; biết lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép trong hoạt động giao tiếp.

– Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.

– Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...).

2. Năng lực chung (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

– Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau; hình thành được ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho.

II. VỀ PHẨM CHẤT

Sống trung thực, trách nhiệm; tôn trọng pháp luật.

B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH

Nội dung dạy học	Phương pháp, phương tiện	Chuẩn bị của HS
Đọc hiểu VB: <i>Ba chàng sinh viên</i> (3 tiết)	– Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, dạy học hợp tác, đóng vai,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	– Đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 5 – 6). – Thực hiện phiếu học tập số 1, 2.
Thực hành tiếng Việt Các kiểu câu ghép và phương tiện nối các vế câu ghép (1 tiết)	– Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu.	Đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 6); đọc khung <i>Nhận biết câu ghép đẳng lập, câu ghép chính phụ</i> trong SGK (tr. 15 – 16) và vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nội dung kiến thức.
Đọc hiểu VB: <i>Bài hát đồng sáu xu</i> (3 tiết)	– Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	Đọc VB, trả lời các câu hỏi sau khi đọc trong SGK (tr. 23).

Nội dung dạy học	Phương pháp, phương tiện	Chuẩn bị của HS
Độc hiểu VB: <i>Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời</i> (1 tiết)	– Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu.	Độc VB, trả lời các câu hỏi sau khi đọc trong SGK (tr. 28).
Thực hành tiếng Việt Lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép (1 tiết)	– Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu.	Độc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 6); đọc khung <i>Mục đích của việc lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép</i> trong SGK (tr. 28).
Viết Viết truyện kể sáng tạo (3 tiết)	– Phương pháp: gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, bảng kiểm.	Chuẩn bị ý tưởng cho truyện kể sáng tạo (mang đến lớp truyện tranh hoặc “truyện chữ” mà em dựa vào đề sáng tác).
Nói và nghe Kể một câu chuyện tưởng tượng (1 tiết)	– Phương pháp: gợi mở, dạy học hợp tác,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, bảng kiểm.	Chuẩn bị nội dung nói: thực hiện phiếu ghi chú (phiếu học tập số 8).

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

I. TÌM HIỂU KHÁI QUÁT VỀ BÀI HỌC

1. Mục tiêu

HS nhận biết được chủ đề và thể loại chính được học trong bài.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, trả lời câu hỏi, từ đó hiểu được nội dung khái quát của bài học.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> , nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học trong bài.	HS nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học.	– Chủ đề bài học <i>Giải mã những bí mật</i> : Việc khám phá, giải mã những bí ẩn không chỉ để thỏa mãn trí tò mò, khả năng phán đoán, mà còn góp phần giúp con người giải quyết nhiều vấn đề hệ trọng của cuộc sống. – Thể loại VB đọc chính: truyện trinh thám.

II. ĐỌC VĂN BẢN 1 (tiết 1, 2, 3)

BA CHÀNG SINH VIÊN

(A-thơ Cô-nan Đoi-lơ)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng trải nghiệm về cuộc sống và nghệ thuật để trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS: – Nêu hiểu biết về công việc của một thám tử. – Nêu tên một nhân vật thám tử trong tác phẩm văn học hoặc bộ phim mà em biết và chia sẻ ngắn gọn cảm nhận của em về nhân vật đó.	HS trình bày hiểu biết về công việc của một thám tử và chia sẻ ngắn gọn cảm nhận về nhân vật thám tử trong một tác phẩm văn học hoặc bộ phim.	– Nêu công việc của một thám tử. Ví dụ: thực hiện các hoạt động điều tra, theo dõi, giám sát, xác minh các vụ việc một cách độc lập theo yêu cầu. – Chia sẻ cảm nhận về một nhân vật thám tử trong tác phẩm văn học hoặc bộ phim. Ví dụ: thám tử Sơ-lốc Hô-m trong sáng tác của A-thơ Cô-nan Đoi-lơ, Héc-quyn Poa-rô trong sáng tác của A-ga-thơ Crít-xti, Cô-nan trong truyện tranh của Gô-sô Ao-da-ma,...

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám *Ba chàng sinh viên* như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

– Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc VB, vận dụng tri thức ngữ văn, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi về nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 1 (đã thực hiện ở nhà). – GV mời HS trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về nhà văn A-thơ Cô-nan Đoi-lơ (HS đã chuẩn bị ở nhà, nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập số 1). – GV hỏi: Em đã được đọc nhiều tác phẩm truyện và bước đầu tìm hiểu đặc điểm của truyện trinh thám. Dựa vào những hiểu biết đó, em định hướng sẽ thực hiện những hoạt động nào để đọc hiểu truyện <i>Ba chàng sinh viên</i>?	– HS trao đổi cặp đôi và trình bày kết quả thảo luận. – HS trình bày vài nét thông tin về tác giả. – HS trả lời câu hỏi, thảo luận, góp ý.	I. Tìm hiểu chung 1. Khám phá tri thức ngữ văn Điền đúng được các từ ngữ vào chỗ trống: a. <i>quá trình điều tra vụ án; bí ẩn, bất ngờ</i> b. <i>hiện trường; chi tiết, cụ thể; bằng chứng phạm tội</i> c. <i>phần đầu tác phẩm; tháng, năm hay tình huống; chịu áp lực; tìm ra kẻ phạm tội</i> d. <i>vụ án và hành trình phá án của người điều tra</i> e. <i>người điều tra, nạn nhân, nghi phạm, thủ phạm</i> g. <i>bí ẩn, li kì; bất ngờ</i> h. <i>thứ nhất hoặc ngôi thứ ba</i> 2. Tác giả A-thơ Cô-nan Đoi-lơ – A-thơ Cô-nan Đoi-lơ (1859 – 1930) là nhà văn người Xcốt-len. – Ông nổi tiếng trên toàn thế giới với truyện trinh thám, trong đó nhân vật chính là Sơ-lốc Hòm. 3. Định hướng cách đọc hiểu truyện trinh thám Khi đọc truyện trinh thám, cần tóm tắt cốt truyện, xác định vụ án cần điều tra, tìm hiểu nhân vật người điều tra, chỉ ra những nét đặc sắc trong nghệ thuật của tác phẩm, tìm chủ đề của truyện,...

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi: Dựa vào nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 2 (đã chuẩn bị ở nhà) để tóm tắt tác phẩm. – GV yêu cầu HS: Từ việc đọc VB ở nhà và tóm tắt nội dung truyện, em hãy đọc diễn cảm một phần trong VB mà em thấy thích nhất; chia sẻ lí do vì sao em ấn tượng với đoạn đó. – GV yêu cầu HS trao đổi về một số từ ngữ khó trong VB. – GV cho HS trả lời cá nhân nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập số 2. GV yêu cầu HS tìm ra các chi tiết cho thấy không gian, thời gian xảy ra vụ việc.	– HS trình bày nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 2. – HS đọc diễn cảm VB (có thể đọc phân vai). – HS đọc chú thích một số từ ngữ khó. – HS trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận.	II. Khám phá VB 1. Tìm hiểu cốt truyện, vụ án cần điều tra, hệ thống nhân vật, ngôi kể a. Cốt truyện Chuỗi sự kiện của tác phẩm: – Vụ việc gây lo lắng, hoảng hốt: Có kẻ đã vào văn phòng của thầy Xôm để chép trộm đề thi trước ngày diễn ra cuộc thi giành học bổng có giá trị cao. – Hành trình phá án: Thám tử Sơ-lốc Hôm tới văn phòng của thầy Xôm để xem xét, nghiên cứu hiện trường nhằm tìm ra thủ phạm. Cuộc điều tra tuy nhanh nhưng đã xác định rõ được nghi phạm là ba sinh viên ở cùng toà nhà với thầy Xôm. – Công bố sự thật: Sơ-lốc Hôm đã tới gặp thầy Xôm và khuyên ông vẫn tổ chức cuộc thi. Thám tử đã lập ra một “toà án nho nhỏ” để chỉ ra thủ phạm là Ghi-crit và người đã che giấu tội lỗi của anh ta là người hầu Ben-ni-xơ. – Từ ngữ chỉ đơn vị đo: <i>inch, foot</i>. b. Vụ việc cần điều tra – Vụ việc: chép trộm đề thi. – Không gian xảy ra vụ việc: văn phòng của thầy Xôm. Phòng làm việc có một cửa sổ gắn lưới sắt và nhìn ra khoảng sân rêu phong của ngôi trường cổ kính. Thầy Xôm ở tầng một. Ở các tầng trên là ba sinh viên, mỗi người ở một tầng. – Thời gian xảy ra vụ việc: Buổi chiều trước ngày diễn ra kì thi.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi: Chỉ ra các chi tiết cho thấy áp lực về thời gian của cuộc điều tra. Việc tạo ra áp lực về thời gian điều tra như vậy có tác dụng gì?	– HS trả lời câu hỏi.	– Thời gian điều tra: chỉ giới hạn trong một đêm (Ông giám học nói: <i>Mai là thi rồi. Tối nay tôi buộc phải đưa ra quyết định dứt khoát. Tôi không thể để kì thi diễn ra khi để thi bị lộ...</i>). → Tác dụng: tạo độ căng, kịch tính cho câu chuyện và gây sự tò mò, căng thẳng, lôi cuốn người đọc; cho thấy sự tự tin và tài năng của thám tử Sơ-lốc Hòm. c. Hệ thống nhân vật – Người điều tra: thám tử Sơ-lốc Hòm và người bạn Oát-xơn. – Nạn nhân: thầy Xôm. – Nghi phạm: ba sinh viên (Đao-lát Rát, Ghi-crit, Mai Mặc Le-rờn). – Thủ phạm: Ghi-crit. d. Ngôi kể Câu chuyện được kể theo ngôi thứ nhất qua lời của nhân vật Oát-xơn – người bạn thân thiết, đồng thời là cộng sự đắc lực của Sơ-lốc Hòm. 2. Tìm hiểu nhân vật thám tử Sơ-lốc Hòm
– GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm để thực hiện yêu cầu 1 trong phiếu học tập số 3: Tìm hiểu nhân vật thám tử Sơ-lốc Hòm. – GV yêu cầu HS đọc lại một phần VB từ “Thầy Xôm, từ lúc thầy nói rằng không có ai” đến “Tôi nói đúng chứ, cậu Ghi-crit?” (SGK, tr. 11 – 12).	– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm; trình bày, trao đổi, thảo luận. – HS đọc diễn cảm.	– Cách thức giúp Sơ-lốc Hòm đi đến kết luận về người có hành động gian dối trước khi kì thi diễn ra: + Loại trừ giả thiết: người thợ in không liên quan vì nếu muốn, anh ta có thể chép lại đề thi ngay tại nhà mình. Sinh viên Đao-lát Rát cũng không liên quan vì khi anh ta vào phòng thầy Xôm, bản in vẫn cuộn lại, anh ta không thể biết đó là gì. + Xem xét hiện trường: quan sát khung cửa sổ, Sơ-lốc Hòm nhận thấy mình cao sáu foot, vậy mà phải cố lắm mới nhìn ra

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi: Để tạo nên sự hấp dẫn của truyện trinh thám, nhà văn thường đánh lạc hướng suy luận của người đọc để cuối cùng, chân tướng sự việc lộ diện bất ngờ. Đặc điểm này được thể hiện như thế nào trong truyện <i>Ba chàng sinh viên</i>?	– HS trả lời câu hỏi.	được tờ giấy để trên bàn giữa phòng. Từ đó, vị thám tử hướng sự chú ý vào cậu sinh viên có thân hình rất cao. Mẩu đất trên bàn ngoài phòng làm việc chứng tỏ kẻ chếp trộm để thi đặt đôi giày ở đó, vết rách do đinh giày để lại trên mặt bàn hẳn rõ theo hướng phòng ngủ cho thấy chiếc giày bị kéo về hướng đó và thủ phạm đã trốn trong phòng ngủ. + Tìm kiếm bằng chứng: Vị thám tử đã đến sân nhảy xa và nhận thấy loại đất sét đen cứng được đổ trong hố nhảy cùng một ít mùn cửa rải lên bề mặt chính là loại đất bám quanh đinh giày vương ở bàn và mẩu đất thứ hai rã ra, rơi xuống sàn phòng ngủ. – Nhận xét về tài năng của vị thám tử: Sơ-lốc Hòm thông minh, có khả năng phán đoán nhanh nhạy, quan sát tinh tường, phân tích sắc sảo, suy luận lô-gíc,... 3. Tìm hiểu vài nét về nghệ thuật của tác phẩm – Câu chuyện có tính bí ẩn, bất ngờ. Nhà văn đã sáng tạo một số chi tiết có vai trò đánh lạc hướng suy luận của người đọc: + Đặc điểm của các sinh viên ở cùng toà nhà với thầy Xôm: Ghi-crit – một sinh viên chăm chỉ, tử tế và là vận động viên giỏi – sống ở tầng hai. Dao-lát Rát sống ở tầng ba. Cậu học tốt nhưng môn tiếng Hy Lạp yếu. Sống ở tầng trên cùng là Mai Mặc Le-ròn. Cậu ta được xem là sáng dạ nhất trường, nhưng lại lười học, ương ngạnh, ăn chơi và vô kỉ luật. Cậu ta suýt bị đuổi học ngay trong năm thứ nhất vì dính vào một vụ bài bạc. Cả học kì này, cậu ta toàn rong chơi.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
(Gợi ý: Đặc điểm của ba sinh viên khiến người đọc nghi ngờ ai là thủ phạm chép trộm đề thi? Thầy Xôm và Oát-xơn nghi ngờ ai? Cuối cùng, những ai có liên quan trong vụ chép trộm đề thi?) – GV hỏi: Nhận xét về nghệ thuật miêu tả trong tác phẩm. – GV hỏi: Việc nhà văn để cho Oát-xơn – bạn thân của Sơ-lốc Hôm – vào vai người kể chuyện ngôi thứ nhất có tác dụng gì?	– HS trả lời câu hỏi, thảo luận.	→ Khiến người đọc hướng sự nghi ngờ đến Mai Mặc Le-rờn. + Trong ba sinh viên, thầy Xôm nghi ngờ Mai Mặc Le-rờn vì thái độ bất lịch sự khi ông gõ cửa phòng. + Oát-xơn nghi ngờ Mai Mặc Le-rờn vì ăn nói lỗ mãng và nổi tiếng vô kỉ luật. Anh chàng Ấn Độ Dao-lát Rát cũng đáng nghi vì trông “ranh ma” và hành động khó hiểu (đi lại liên tục trong phòng). + Thầy Xôm, Sơ-lốc Hôm và Oát-xơn đều thấy người hầu Ben-ni-xơ là người trung hậu, có lẽ không liên quan đến vụ việc. → Tuy nhiên, những người có liên quan đến hành động gian dối trước khi kì thi diễn ra là Ghi-crít và Ben-ni-xơ (người bao che lỗi lầm của Ghi-crít). Điều này đem đến sự bất ngờ, hấp dẫn cho tác phẩm. – Không gian, thời gian; cử chỉ, hành động... của nhân vật được khắc hoạ chi tiết, cụ thể, lô-gíc, đầy ẩn ý. – Câu chuyện được kể qua lời của nhân vật Oát-xơn khiến câu chuyện đáng tin hơn. (Thám tử trong các truyện trinh thám thường không đơn độc, anh ta luôn có một người bạn đồng hành.)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS xác định chủ đề của tác phẩm và trả lời câu hỏi: Em rút ra bài học gì từ câu chuyện được kể trong tác phẩm?	HS trả lời câu hỏi, thảo luận.	III. Tổng kết - Chủ đề: + Ca ngợi tài năng phá án của thám tử Sơ-lốc Hòm. + Thể hiện niềm tin vào sự thật và phẩm chất tốt đẹp của con người (lòng tự trọng, sự ân hận,...). - HS nêu được bài học. Ví dụ: sự trung thực và lòng tự trọng của con người trong cuộc sống; mối quan hệ giữa tình cảm cá nhân và tinh thần tôn trọng sự thật, thượng tôn pháp luật.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

Củng cố kiến thức về VB *Ba chàng sinh viên*, kỹ năng đọc truyện trinh thám.

2. Nội dung hoạt động

HS củng cố kiến thức về đọc hiểu VB truyện trinh thám; thực hành viết kết nối với đọc.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS nêu cách đọc truyện trinh thám.	HS trả lời câu hỏi.	Cách đọc truyện trinh thám: xác định vụ án được điều tra, tóm tắt chuỗi sự kiện của tác phẩm, tìm hiểu nhân vật người điều tra, tìm hiểu chi tiết tiêu biểu, khám phá những đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm;...
GV yêu cầu HS thực hiện bài tập <i>Viết kết nối với đọc</i> trong SGK, tr. 14.	HS viết đoạn văn và trình bày đoạn văn.	- Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu: + Nội dung: trình bày suy nghĩ về nhân vật Ben-ni-xơ hoặc Ghi-crit trong truyện <i>Ba chàng sinh viên</i>. + Dung lượng: đoạn văn 7 – 9 câu.

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS vẽ tranh hoặc đóng kịch theo cảm nhận và hình dung của mình.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, lựa chọn thực hiện nhiệm vụ (làm ở nhà): – Vẽ tranh thể hiện một chi tiết nghệ thuật trong VB <i>Ba chàng sinh viên</i> mà em ấn tượng. – Đóng kịch thể hiện lại “phiên toà” mà Sơ-lốc Hôm dựng lên để kẻ phạm tội phải cúi đầu thú nhận.	HS vẽ tranh hoặc đóng kịch theo nhóm ở nhà.	Tranh vẽ và vở kịch của HS.

III. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (tiết 4)

CÁC KIỂU CÂU GHÉP VÀ PHƯƠNG TIỆN NÓI CÁC VỀ CÂU GHÉP

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

Định hướng cho HS nội dung bài học; tạo được hứng thú; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng kiến thức nền để trả lời câu hỏi và chơi trò chơi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS: – Ở bậc Tiểu học, các em đã được học về câu đơn, câu ghép, hãy làm việc theo cặp để tìm hoặc đặt một câu đơn, một câu ghép. – GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: nói một câu ghép dựa vào hình ảnh đã cho (chiếu một số hình ảnh lên màn hình).	– HS làm việc theo cặp, tìm hoặc đặt một câu đơn, một câu ghép. – HS chơi trò chơi.	– HS tìm được hoặc đặt được một câu đơn, một câu ghép. – HS nói được câu ghép dựa vào hình ảnh.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

Nhận biết được các kiểu câu ghép, kết từ để nối các vế câu ghép.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để tìm hiểu các kiểu câu ghép.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS dựa vào sản phẩm cá nhân đã thực hiện ở nhà (sơ đồ tư duy), trao đổi theo nhóm: Đọc kĩ <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 6); đọc khung <i>Nhận biết câu ghép đẳng lập, câu ghép chính phụ</i> trong SGK (tr. 15 – 16) để chỉnh sửa sơ đồ. Lưu ý sơ đồ bao gồm các nội dung: câu ghép đẳng lập, câu ghép chính phụ (khái niệm, những quan hệ ý nghĩa thường gặp, phương tiện nối). – GV cùng HS vẽ sơ đồ, chốt lại kiến thức.	– HS làm việc nhóm, vẽ sơ đồ tư duy, trình bày, thảo luận.	I. Các kiểu câu ghép 1. Câu ghép đẳng lập – Những quan hệ ý nghĩa thường gặp giữa các vế của câu ghép đẳng lập là: quan hệ thời gian, quan hệ tương phản, quan hệ lựa chọn,... – Phương tiện ngôn ngữ chủ yếu được dùng để nối các vế của câu ghép đẳng lập là kết từ hoặc cặp từ hô ứng. 2. Câu ghép chính phụ – Những quan hệ ý nghĩa thường gặp giữa các vế của

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS nêu thêm ví dụ về câu ghép đẳng lập, câu ghép chính phụ.	HS nêu ví dụ về câu ghép đẳng lập, câu ghép chính phụ.	câu ghép chính phụ là: quan hệ nguyên nhân – kết quả; quan hệ điều kiện, giả thiết – hệ quả;... Phương tiện ngôn ngữ chủ yếu được dùng để nối các vế của câu ghép chính phụ là cặp kết từ hoặc một kết từ ở vế phụ hay vế chính.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

Củng cố kiến thức về các kiểu câu ghép và phương tiện nối các vế câu ghép.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện các bài tập trong SGK.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 (làm cá nhân). - GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 2 (làm cá nhân).	- HS thực hiện bài tập 1; trình bày, góp ý cho nhau. - HS thực hiện bài tập 2; trình bày, góp ý cho nhau.	II. Luyện tập 1. Bài tập 1 - Câu ghép đẳng lập: a, d. - Câu ghép chính phụ: b, c. 2. Bài tập 2 a. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép là quan hệ nguyên nhân – kết quả. Các vế câu ghép được nối với nhau bằng cặp kết từ <i>vì ... nên ...</i> b. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép là quan hệ liệt kê. Các vế câu ghép được nối với nhau bằng kết từ <i>và</i>. c. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép là quan hệ mục đích – sự kiện. Các vế câu ghép được nối với nhau bằng kết từ <i>để ở vế phụ</i>.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 3 (làm theo nhóm).	– HS thực hiện bài tập 3 theo nhóm; trình bày, góp ý cho nhau.	d. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép là quan hệ tăng cấp. Các vế câu ghép được nối với nhau bằng cặp từ hô ứng ... càng ... càng ... 3. Bài tập 3 a. – Câu “<i>Thu nhập tốt nhưng chỗ làm hơi xa.</i>” nhấn mạnh thông tin chỗ làm xa, đi lại không được thuận lợi. – Câu “<i>Chỗ làm hơi xa nhưng thu nhập tốt.</i>” nhấn mạnh thông tin thu nhập tốt, có ý nhấn mạnh đến mặt tích cực. b. – Câu “<i>Vì Hà chăm chỉ và luôn cố gắng trong học tập nên bạn ấy đạt điểm rất cao trong kì thi vừa qua.</i>” nhấn mạnh thông tin kết quả học tập của Hà (đạt điểm rất cao trong kì thi vừa qua). – Câu “<i>Hà đạt điểm rất cao trong kì thi vừa qua vì bạn ấy chăm chỉ và luôn cố gắng trong học tập.</i>” nhấn mạnh thông tin nguyên nhân Hà có kết quả học tập tốt (chăm chỉ và luôn cố gắng trong học tập). → Việc lựa chọn trật tự của các vế câu đóng vai trò quan trọng để tạo điểm nhấn thông tin và có thể chi phối ý nghĩa của cả câu.
– GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 4 (làm theo nhóm).	– HS thực hiện bài tập theo nhóm; trình bày, góp ý cho nhau.	4. Bài tập 4 Câu dùng sai phương tiện nối giữa các vế là câu a, c, d. Có thể sửa lại: a. <i>Hà không những học tốt mà cô ấy còn hát hay.</i> c. <i>Chúng ta càng đọc nhiều sách, kiến thức càng được mở rộng.</i> d. <i>Mặc dù trời mưa rất to nhưng chị ấy vẫn đến đúng giờ.</i>

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức về các kiểu câu ghép và phương tiện nối các vế câu ghép để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS đặt câu, sưu tầm, đánh giá một số ngữ liệu.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS đặt một câu ghép đẳng lập, giữa các vế có quan hệ lựa chọn; một câu ghép chính phụ, giữa các vế có quan hệ nhượng bộ – tăng tiến. – GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, sưu tầm một số lỗi về dùng phương tiện nối các vế câu ghép trong hoạt động giao tiếp.	– HS thực hiện nhiệm vụ. – HS sưu tầm, nhận xét. (thực hiện ở nhà)	– Một câu ghép đẳng lập, một câu ghép chính phụ theo yêu cầu. Ví dụ: + <i>Anh đọc hay tôi đọc?</i> + <i>Tuy nhà xa nhưng bạn ấy luôn đi học đúng giờ.</i> – Một số lỗi về dùng phương tiện nối các vế câu ghép trong hoạt động giao tiếp.

IV. ĐỌC VĂN BẢN 2 (tiết 5, 6, 7)

BÀI HÁT ĐỒNG SÁU XU

(A-ga-thơ Crít-xti)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng trải nghiệm về cuộc sống và nghệ thuật để trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV cho HS thảo luận câu hỏi: Điều gì làm nên sức hấp dẫn của một truyện trinh thám?	HS thảo luận, trình bày.	Sức hấp dẫn của truyện trinh thám: cốt truyện hấp dẫn, li kì; nhân vật người điều tra tài năng; kết thúc truyện bất ngờ, thú vị;...

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám *Bài hát đồng sáu xu* như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.
- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc VB, vận dụng tri thức ngữ văn, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV mời HS trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về nhà văn A-ga-thơ Crít-xti (HS đã chuẩn bị ở nhà). – GV hỏi: Em đã được tìm hiểu đặc điểm của truyện trinh thám và đọc truyện <i>Ba chàng sinh viên</i>. Dựa vào những hiểu biết đó, em định hướng sẽ thực hiện những hoạt động nào để đọc hiểu truyện <i>Bài hát đồng sáu xu</i>?	– HS trình bày vài nét thông tin về tác giả. – HS trả lời câu hỏi, thảo luận, góp ý.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả A-thơ Cô-nan Đoi-lơ – A-ga-thơ Crít-xti (1890 – 1976) là nhà văn lớn người Anh, được mệnh danh là “nữ hoàng truyện trinh thám”. – Sự nghiệp văn học của bà khá đồ sộ với nhiều thể loại: tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch,... 2. Định hướng cách đọc hiểu truyện trinh thám Khi đọc truyện trinh thám, cần tóm tắt truyện, xác định vụ án cần điều tra, tìm hiểu nhân vật người điều tra, chỉ ra những nét đặc sắc trong nghệ thuật của tác phẩm, tìm chủ đề của truyện,...

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
- GV yêu cầu HS đọc VB, trao đổi cặp đôi để thực hiện nhiệm vụ: tóm tắt truyện <i>Bài hát đồng sáu xu</i>. - GV cho HS xác định vụ án được kể trong truyện, không gian, thời gian xảy ra vụ án, hệ thống nhân vật, ngôi kể trong tác phẩm.	- HS đọc diễn cảm VB (có thể đọc phân vai) và tóm tắt truyện. - HS trả lời câu hỏi.	II. Khám phá VB 1. Tìm hiểu cốt truyện, vụ án cần điều tra, hệ thống nhân vật, ngôi kể a. Cốt truyện Chuỗi sự kiện của tác phẩm: - Vào một buổi tối, Méc-đơ-lân Va-an đến gặp luật sư Êt-uốt nhờ ông điều tra vụ việc: bà Li-ly Cráp-tri của cô đã bị giết ngay tại nhà. - Luật sư Êt-uốt đến nhà Méc-đơ-lân Va-an điều tra vụ án: gặp gỡ các thành viên trong nhà Cráp-tri, đặc biệt là nói chuyện rất lâu với bà giúp việc Ma-thơ. - Trên đường về, luật sư Êt-uốt tình cờ thấy biển hiệu “Hai Tư Chú Sáo Đen”. Cái biển hiệu giúp ông nhớ đến bài đồng dao cổ. - Luật sư quay lại nhà Méc-đơ-lân Va-an điều tra lại và chỉ ra kẻ giết bà Li-ly Cráp-tri là con trai bà Ma-thơ. b. Vụ án cần điều tra - Vụ án: Bà Li-ly Cráp-tri bị giết tại nhà. - Không gian xảy ra vụ án: Trong nhà bà Li-ly Cráp-tri. - Thời gian xảy ra vụ việc: Buổi tối (khi bà giúp việc Ma-thơ đến để chuẩn bị dọn bữa tối vào lúc 7 giờ 30 phút thì bà Li-ly đã chết rồi). c. Hệ thống nhân vật - Người điều tra: luật sư Êt-uốt. - Nạn nhân: bà Li-ly Cráp-tri. - Nghi phạm: các thành viên trong gia đình hoặc một kẻ bên ngoài đột nhập vào ngôi nhà. - Thủ phạm: con trai bà giúp việc Ma-thơ.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm để thực hiện phiếu học tập số 4: Tìm hiểu nhân vật luật sư Êt-uốt.	– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm; trình bày, trao đổi, thảo luận.	d. Ngôi kể – Câu chuyện được kể theo ngôi thứ ba. 2. Tìm hiểu nhân vật luật sư Êt-uốt – Cách thức luật sư Êt-uốt phá án: + Thu thập, tìm hiểu thông tin về bà Li-ly qua những người liên quan đến bà: nói chuyện với luật sư của bà Li-ly để nắm được cách bà quản lí tiền bạc, nói chuyện với từng thành viên trong gia đình Méc-đơ-lân để nắm bắt thông tin của vụ án. + Tinh ý khi nói chuyện với bà giúp việc Ma-thơ: ông nhận thấy bà Ma-thơ là một nhân chứng quan trọng; quan sát thái độ và lắng nghe lời khai của bà giúp việc, vị luật sư đã nghi ngờ có người bên ngoài vào hại bà chủ Li-ly. + Tận dụng yếu tố ngẫu nhiên trong quá trình điều tra: Yếu tố ngẫu nhiên là cái bảng hiệu “Hai Tư Chú Sáo Đen”. Cái bảng hiệu đã khiến vị luật sư nhớ tới một bài đồng dao cổ, trong đó có câu “Bài hát đồng sáu xu”. Bài đồng dao giúp luật sư Êt-uốt nhớ lại chứng cứ bỏ sót trong chiếc túi nhung đen của bà chủ bị giết. Từ đó, ông điều tra lại và phát hiện ra bà giúp việc nói dối. Cuối cùng, bà giúp việc mới khai toàn bộ sự thật. – Nhận xét về tài năng của vị luật sư: thông minh, có khả năng phán đoán nhanh nhạy, tinh ý, nhạy cảm, giàu kinh nghiệm điều tra.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS thảo luận câu hỏi 5, 6 trong SGK: + Truyện trình thám hấp dẫn người đọc bởi yếu tố bất ngờ. Hãy chỉ ra sự bất ngờ trong kết quả điều tra vụ án. + Tác phẩm chủ yếu là lời thoại của các nhân vật. Theo em, vì sao nhà văn không miêu tả kĩ quá trình cân nhắc, suy luận của người điều tra?	– HS thảo luận cặp đôi.	3. Tìm hiểu vài nét về nghệ thuật của tác phẩm – Trong phần đầu vụ án, nhà văn đánh lạc hướng suy luận của người đọc bằng những manh mối gây nhiễu khá phức tạp. Thành viên nào trong gia đình Méc-đơ-lân cũng có thể là nghi phạm: thím Ê-mi-ly và bà Li-ly cãi nhau rất căng thẳng, thái độ của bà thím rất đáng ngờ; Méc-đơ-lân không muốn sống ở nhà bà mình nữa do bất đồng quan điểm về công việc người mẫu của cô; Mét-thiu đang nợ rất nhiều tiền, không muốn hợp tác với vị luật sư. → Khiến người đọc hướng sự nghi ngờ đến các thành viên trong gia đình, đặc biệt là Mét-thiu. + Bà Ma-thơ rất yêu quý, thậm chí nói rằng sẵn sàng chết thay bà chủ Li-ly. Ma-thơ được đánh giá là thật thà và đáng tin. → Tuy nhiên, thủ phạm là Ben – con trai bà Ma-thơ và bà Ma-thơ đã che giấu tội lỗi của con mình. – Tác phẩm chủ yếu là lời thoại của các nhân vật. Việc không miêu tả kĩ quá trình cân nhắc, suy luận của người điều tra có tác dụng: + Ca ngợi tài năng, kinh nghiệm, tốc độ suy luận rất nhanh của luật sư Êt-uốt. + Giúp câu chuyện thêm kịch tính, căng thẳng.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS nêu chủ đề của tác phẩm và trả lời câu hỏi: Em rút ra bài học gì từ câu chuyện được kể trong tác phẩm?	HS trả lời câu hỏi, thảo luận.	III. Tổng kết - Chủ đề: + Ca ngợi tài năng phá án của luật sư Êt-uốt. + Thể hiện niềm tin vào sự thật và công lí. - HS nêu được bài học. Ví dụ: cần cảnh giác; tinh tường trong việc quan sát sự việc, con người; đôi khi yếu tố ngẫu nhiên có ý nghĩa quan trọng giúp ta nhìn ra bản chất của sự việc hoặc con người.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

Củng cố kiến thức về VB *Ba chàng sinh viên*, kĩ năng đọc truyện trinh thám.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện nhiệm vụ vẽ sơ đồ; thực hành viết kết nối với đọc.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
- GV cho HS vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt những yếu tố của truyện trinh thám được thể hiện qua tác phẩm <i>Bài hát đồng sáu xu</i>. - GV yêu cầu HS thực hiện bài tập <i>Viết kết nối với đọc</i> trong SGK, tr. 24.	- HS vẽ sơ đồ. - HS viết đoạn văn và trình bày đoạn văn.	- Sơ đồ tư duy của HS. - Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu: - Nội dung: Vào vai nhân vật Méc-đơ-lân, ghi lại cảm nghĩ về luật sư Êt-uốt sau khi ông phá án thành công. - Dung lượng: đoạn văn 7 – 9 câu.

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS vẽ tranh hoặc đóng kịch theo cảm nhận và hình dung của mình.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ: – Tưởng tượng cuộc gặp gỡ với luật sư Êt-ốt, đặt và ghi lại câu hỏi dành cho vị luật sư. – Làm việc theo cặp, lần lượt đóng vai: người đặt câu hỏi – nhân vật trả lời.	HS thực hiện nhiệm vụ.	Kết quả phỏng vấn nhân vật trong cuộc gặp gỡ tưởng tượng.

V. ĐỌC VĂN BẢN 3 (tiết 8)

PHẠM XUÂN ẪN – TÊN NGƯỜI NHƯ CUỘC ĐỜI

(Trích, Nguyễn Thị Ngọc Hải)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng trải nghiệm về cuộc sống để trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS: – Nêu hiểu biết về nghề tình báo.	HS trình bày hiểu biết về nghề tình báo và giới thiệu ngắn gọn về một số nhà tình báo nổi tiếng.	– Nghề tình báo: thu thập, phân tích một cách bí mật những thông tin quan trọng có thể ảnh hưởng đến tổ chức hoặc quốc gia.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– Giới thiệu ngắn gọn về một nhà tình báo nổi tiếng mà em biết.		– Một số nhà tình báo nổi tiếng của Việt Nam như Vũ Ngọc Nhạ, Phạm Xuân Ẩn,...

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

– Kết nối về chủ đề *Giải mã những bí mật*: HS hiểu được ý nghĩa của việc giải mã những bí mật trong đời sống xã hội (chân dung điệp viên – nhà tình báo nổi tiếng Phạm Xuân Ẩn), củng cố kỹ năng đọc hiểu VB kí.

– Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc VB, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để trả lời các câu hỏi, hoàn thành nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS đọc thầm phần chú thích trong SGK và nêu ngắn gọn thông tin về tác giả, tác phẩm. – GV yêu cầu HS đọc VB, lưu ý chú thích những từ ngữ khó trong SGK.	– HS đọc chú thích (1), (2) trong SGK (tr. 24) và trả lời câu hỏi. – HS đọc VB.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Nguyễn Thị Ngọc Hải sinh năm 1944, quê ở Hà Nội. 2. Tác phẩm <i>Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời</i> là cuốn sách đầu tiên viết về Thiếu tướng tình báo, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Phạm Xuân Ẩn.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS trả lời câu hỏi số 1 trong SGK: VB cung cấp những thông tin cơ bản nào về cuộc đời hoạt động cách mạng của nhà tình báo Phạm Xuân Ẩn? – GV hỏi: Ngoài những thông tin cơ bản trong VB, em có hiểu biết nào khác về ông Phạm Xuân Ẩn? – GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi số 2 trong SGK: Tìm những chi tiết cho thấy các nhà báo nước ngoài đã đánh giá rất cao về cuộc đời, con người Phạm Xuân Ẩn. – GV hỏi: Tác giả đã đánh giá như thế nào về Phạm Xuân Ẩn?	– HS trả lời, nhận xét, góp ý. – HS trả lời, nhận xét. – HS trả lời, nhận xét. – HS trả lời, nhận xét.	II. Khám phá VB 1. Tìm hiểu về cuộc đời hoạt động cách mạng của nhà tình báo Phạm Xuân Ẩn. – Ông đã trải đời mình cùng với lịch sử kháng chiến của Việt Nam, là quân nhân trong ba quân đội khác nhau. – Sau khi học ở Mỹ về, Phạm Xuân Ẩn hành nghề báo chí, từ làm việc cho Việt Tấn xã dưới thời Ngô Đình Diệm, cho tới làm phóng viên cho các hãng thông tấn của nước ngoài có văn phòng tại Việt Nam như Roi-tơ, Time,... 2. Những đánh giá về cuộc đời, con người Phạm Xuân Ẩn. a. Đánh giá của các nhà báo nước ngoài – Pi-tơ Rót-xơ Rê-nơ khuyến khích Phạm Xuân Ẩn viết một cuốn sách về cuộc đời mình vì “Nếu không có câu chuyện của anh, một mảng quan trọng của lịch sử sẽ bị thiếu.” – Sau khi cả nước và thế giới biết rõ ông là tình báo, vậy mà những nhà báo người Mỹ hoạt động cùng thời với ông nay trở lại Việt Nam vẫn tin tưởng và kính trọng ông. – Có những nhà báo Mỹ là bạn cũ của ông Ẩn, nay đã mất nhưng dặn lại con cái họ hãy tìm đến ông Ẩn khi sang Việt Nam vì sẽ học được nhiều điều ở con người đó. b. Đánh giá của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Hải Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Hải đã đánh giá rất cao và thể hiện sự trân trọng, ngưỡng mộ con người Phạm Xuân Ẩn.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV hỏi: Qua VB, em hãy nêu cảm nhận về nhân vật Phạm Xuân Ẩn? – GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm thực hiện câu hỏi 4 trong SGK: Nghệ thuật xây dựng chân dung nhân vật trong VB có gì đặc sắc?	– HS nêu cảm nhận về Phạm Xuân Ẩn. – HS làm việc theo nhóm, trao đổi, trình bày.	Tác giả đã khẳng định: Đó là một nhân cách, một tài năng; Phạm Xuân Ẩn có cuộc đời của nhân vật tiểu thuyết, một người Việt đặc sắc;... 3. Một vài nét về nghệ thuật xây dựng chân dung nhân vật – Khắc hoạ những nét chân dung nhân vật theo các mốc thời gian quan trọng trong cuộc đời (<i>tham gia Vệ quốc đoàn khi 18 tuổi, năm 1957 là sinh viên Việt Nam đầu tiên đến học báo chí ở quận Cam,...</i>). – Đặt nhân vật vào tình huống đặc biệt để lí giải chiều sâu nhân cách con người Phạm Xuân Ẩn (<i>Vì sao sau khi cả nước và thế giới biết rõ ông là tình báo, vậy mà người Mỹ trong giới báo chí hoạt động cùng thời với ông nay trở lại Việt Nam vẫn đem lòng tin tưởng và kính trọng ông?</i>). – Trích dẫn ý kiến của các nhà báo nước ngoài đánh giá về Phạm Xuân Ẩn khiến chân dung nhân vật hiện lên vừa khách quan vừa đa chiều. III. Tổng kết – VB <i>Ba chàng sinh viên, Bài hát đồng sáu xu</i> là tác phẩm trình thám giải mã bí ẩn của vụ án. <i>Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời</i> là VB kí giải mã bí ẩn về chân dung một nhà tình báo mà cuộc đời và sự nghiệp của ông được ví như một “huyền thoại”. – Việc giải mã giúp người đương thời và hậu thế hiểu rõ hơn về cuộc đời của những con người đặc biệt, hiểu hơn về lịch sử của dân tộc, những giá trị nhân văn,... Từ đó, sẽ rút ra những bài học có ý nghĩa.
– GV hỏi: VB <i>Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời</i> đã giải mã bí ẩn gì? Cả ba VB đọc đều nằm trong chủ đề giải mã những bí mật. Vậy VB này có sự khác biệt như thế nào về thể loại và nội dung so với hai VB đọc trước đó? – GV cho HS thảo luận câu hỏi 5 trong SGK: Việc giải mã bí mật về những con người đặc biệt như Phạm Xuân Ẩn có ý nghĩa như thế nào?	– HS trả lời câu hỏi, góp ý, nhận xét. – HS trả lời câu hỏi, góp ý, nhận xét.	

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

Củng cố kiến thức về VB *Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời*, kỹ năng đọc hiểu VB kí.

2. Nội dung hoạt động

HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm để củng cố kiến thức về VB.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Phản ứng nhanh”. Ví dụ: 1. Phương án nào sau đây KHÔNG nêu đúng về cuộc đời hoạt động cách mạng của Phạm Xuân Ẩn? A. Tham gia Vệ quốc đoàn khi 18 tuổi B. Tham gia phong trào học sinh sinh viên Trần Văn Ôn C. Là lính bộ binh trong quân đội Pháp D. Làm phóng viên cho Time, Roi-tơ 2. Câu nào sau đây là đánh giá của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Hải về Phạm Xuân Ẩn? A. Nếu không có câu chuyện của anh, một mảng quan trọng của lịch sử sẽ bị thiếu. B. Ở toà báo Time anh được coi là người khôn khéo. C. Đó là một nhân cách, một tài năng. D. Tội nghiệp cho Ẩn. 3. Ý nào sau đây giải thích đúng về nhan đề VB <i>Phạm Xuân Ẩn – tên người như cuộc đời</i>? A. Cuộc đời Phạm Xuân Ẩn chưa được viết ra, vẫn còn là một bí mật. B. Cuộc đời Phạm Xuân Ẩn li kì như một tiểu thuyết.	HS chơi trò chơi.	Đáp án: 1. C 2. C 3. A 4. A

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
C. Cuộc đời Phạm Xuân Ẩn rất lí thú và đáng ngưỡng mộ. D. Cuộc đời Phạm Xuân Ẩn có rất nhiều thành tích và danh hiệu. 4. Nhận xét sau đây đúng hay sai? “Tác giả cho rằng vẽ được chân dung tâm hồn của Phạm Xuân Ẩn là việc thật khó làm.” A. Đúng B. Sai		

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện nhiệm vụ để kết nối bài học với cuộc sống

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
Nêu một bí ẩn trong thế giới tự nhiên hoặc đời sống xã hội mà em muốn khám phá và dự định cách khám phá nó.	HS trả lời câu hỏi, thảo luận.	HS nêu được một bí ẩn trong thế giới tự nhiên hoặc đời sống xã hội mà mình muốn khám phá và dự định cách khám phá nó.

VI. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (tiết 9)

LỰA CHỌN CÂU ĐƠN HOẶC CÂU GHÉP

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

Định hướng cho HS nội dung bài học; tạo được hứng thú; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng kiến thức nền để chơi trò chơi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: đặt một câu đơn hoặc câu ghép dựa vào hình ảnh đã cho (chiếu một số hình ảnh lên màn hình). – GV yêu cầu HS lí giải: Tại sao em chọn đặt câu đơn hoặc câu ghép để diễn đạt hình ảnh đó?	HS chơi trò chơi.	HS đặt được câu đơn, câu ghép và lí giải.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

Nhận biết được sự phù hợp giữa kiểu cấu trúc câu và ý nghĩa cần biểu đạt của mỗi câu, biết lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép trong hoạt động giao tiếp.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và làm việc nhóm.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS đọc <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 6); đọc khung <i>Mục đích của việc lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép</i> trong SGK (tr. 28) và cho biết: Việc lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép trong giao tiếp tùy thuộc vào điều gì?	HS đọc SGK và trả lời câu hỏi.	Lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép Tùy thuộc vào mục đích, kiểu loại VB, ngữ cảnh và nội dung cần biểu đạt mà người nói (người viết) lựa chọn câu đơn hay câu ghép cho phù hợp. – Khi thể hiện một sự việc, có thể sử dụng câu đơn. – Khi thể hiện các sự việc và muốn nhấn mạnh mối quan hệ giữa các sự việc đó thì sử dụng câu ghép.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

Thực hành luyện tập nhận biết được sự phù hợp giữa kiểu cấu trúc câu và ý nghĩa cần biểu đạt của mỗi câu, biết lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép trong hoạt động giao tiếp.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện các bài tập trong SGK.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để thực hiện bài tập 1. – GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để thực hiện bài tập 2.	– HS thực hiện bài tập 1; trình bày, góp ý cho nhau. – HS thực hiện bài tập 2; trình bày, góp ý cho nhau.	II. Luyện tập 1. Bài tập 1 a. Các vế câu có quan hệ liệt kê, tăng cấp. → Không nên tách mỗi vế câu thành câu đơn vì ý nghĩa của các vế câu có quan hệ chặt chẽ với nhau. b. Các vế câu có quan hệ giả thiết – hệ quả. Trong vế nêu giả thiết (<i>Nếu con chưa đi, cụ Nghị chưa giao tiền cho, u chưa có tiền nộp sưu</i>) có ba vế thể hiện ba sự việc tiếp nối nhau theo trật tự thời gian, có quan hệ nguyên nhân – kết quả. → Không thể tách mỗi vế của câu ghép thành một câu đơn. 2. Bài tập 2 a. Chuyển đổi câu: <i>Rõ ràng Phạm Xuân Ẩn có cuộc đời của nhân vật tiểu thuyết nhưng các nhà báo Việt Nam cũng như nhà báo nước ngoài mới chỉ có được “vài chớp đèn flash” nắm bắt những nét thoáng qua nào đó của cuộc đời ông theo một số sự kiện lịch sử lớn lao.</i> → So với việc diễn đạt bằng một câu ghép, diễn đạt bằng các câu đơn có tác dụng nhấn mạnh hơn thông tin: các nhà báo nước ngoài mới chỉ nắm bắt được vài nét ít ỏi về Phạm Xuân Ẩn, trong khi cuộc đời ông phong phú, hấp dẫn như một nhân vật tiểu thuyết. b. Chuyển đổi câu: <i>Thầy dạy rất ân cần, tỉ mỉ, chỉ bảo cho chúng tôi từng li từng tí: cách tô màu, đánh bóng, cả cách gọt bút chì thế nào cho đẹp và dễ vẽ những thú vị hơn cả là những câu chuyện của thầy.</i> → So với việc diễn đạt bằng một câu ghép, diễn đạt bằng các câu đơn có tác dụng nhấn mạnh hơn thông tin: những câu chuyện của thầy thú vị hơn cả. c. Chuyển đổi câu: <i>Chắc cô giáo rất vui trước món quà của em, giữa bao món quà của các bạn và em sẽ không để tên mình – tên người mang cánh bướm tặng cô.</i>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 3 (làm việc theo nhóm).	HS thực hiện bài tập 3 theo nhóm; trình bày, góp ý cho nhau.	→ So với việc diễn đạt bằng một câu ghép, diễn đạt bằng các câu đơn có tác dụng nhấn mạnh hơn thông tin: “em” sẽ không để tên mình trên món quà tặng cô. 3. Bài tập 3 a. Câu 1 là câu ghép gồm hai vế diễn tả mong muốn (<i>chúng ta muốn hoà bình</i>) và thái độ của nhân dân Việt Nam đối với thực dân Pháp (<i>chúng ta phải nhân nhượng</i>). Câu 2 là câu ghép có hai vế, trong đó, vế 1 nêu thực tế xảy ra (<i>chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới</i>), vế 2 giải thích nguyên nhân (<i>vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa</i>). Vế 1 tuy là một bộ phận của câu, nhưng có cấu trúc như một câu ghép gồm hai vế có quan hệ tăng cấp. Câu 3 là câu đặc biệt. Câu 4 là câu đơn thể hiện tinh thần quyết tâm đứng lên cứu nước của nhân dân ta. b. Câu 1 là câu ghép có quan hệ tương phản (đối lập) nhằm diễn tả ý nghĩa: thế giới biết rõ ông là tình báo nhưng người Mỹ vẫn tin tưởng, kính trọng ông. Câu 2, câu 3 là câu đơn khẳng định, ca ngợi con người và cuộc đời Phạm Xuân Ẩn. 4. Bài tập 4 - Nội dung đoạn văn: trình bày cảm nghĩ về nhà tình báo Phạm Xuân Ẩn, trong đoạn văn có ít nhất một câu ghép. - Dung lượng: đoạn văn 5 – 7 câu.
GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 4 (làm việc cá nhân trên lớp hoặc ở nhà).	HS thực hiện bài tập.	

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS sưu tầm, đánh giá một số ngữ liệu.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS sưu tầm 2 ngữ liệu có sử dụng câu đơn, câu ghép và chỉ ra sự phù hợp giữa kiểu cấu trúc câu và ý nghĩa cần biểu đạt của mỗi câu.	HS sưu tầm, nhận xét. (thực hiện ở nhà)	Sưu tầm và phân tích được ngữ liệu.

VII. VIẾT (tiết 10, 11, 12)

VIẾT TRUYỆN KỂ SÁNG TẠO

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

Định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS trả lời câu hỏi để khởi động bài học.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV hỏi: – Tác phẩm truyện nào đã để lại trong em ấn tượng sâu sắc nhất? – Em đã bao giờ sáng tác một tác phẩm văn học chưa? Hãy chia sẻ ngắn gọn trải nghiệm đó.	HS trả lời câu hỏi, chia sẻ trải nghiệm.	– HS nêu được tác phẩm truyện đã để lại ấn tượng sâu sắc nhất. – HS chia sẻ trải nghiệm sáng tác một tác phẩm văn học. (Ở các lớp trước, HS đã học sáng tác thơ.)

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

Nhận biết được yêu cầu đối với một truyện kể sáng tạo.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để tìm hiểu yêu cầu của truyện kể sáng tạo.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS đọc thầm yêu cầu đối với bài văn viết một truyện kể sáng tạo trong SGK (tr. 30) và trả lời câu hỏi: <i>Một truyện kể sáng tạo phải đáp ứng được những yêu cầu gì?</i> – GV cho HS đọc bài viết tham khảo và trả lời, thảo luận các câu hỏi: + Nhan đề của tác phẩm là gì? + Truyện được sáng tác dựa vào tác phẩm nào? + Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy? + Phần mở đầu nêu các thông tin gì?	– HS trả lời câu hỏi. – HS đọc bài viết tham khảo (có thể đọc thầm). – HS trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận.	I. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn viết truyện kể sáng tạo 1. Yêu cầu đối với truyện kể sáng tạo – Sử dụng ngôi kể phù hợp (ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba). – Giới thiệu được bối cảnh (thời gian, không gian), nhân vật và câu chuyện. – Xây dựng nhân vật với một số yếu tố như lai lịch, ngoại hình, hành động, lời nói, suy nghĩ. – Sắp xếp chuỗi sự kiện theo trình tự hợp lí. – Sử dụng hiệu quả các yếu tố miêu tả và biểu cảm. 2. Phân tích bài viết tham khảo – Nhan đề: <i>Con mèo Đại Uyên</i>. – Truyện được sáng tác dựa vào phần 4 và phần 5, tập 82, truyện tranh <i>Thám tử lừng danh Cô-nan</i>. – Câu chuyện được kể theo ngôi thứ ba. + Mở đầu: Giới thiệu bối cảnh (thời gian, không gian), nhân vật và câu chuyện.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
+ Chỉ ra hệ thống sự kiện trong phần diễn biến truyện. + Phần kết thúc có sự kiện gì? + Chỉ ra một vài yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện. Các yếu tố đó có tác dụng gì? – GV hỏi: Theo em, bài viết tham khảo có đáp ứng được yêu cầu đối với một truyện kể sáng tạo không?		+ Diễn biến: gồm hệ thống các sự kiện: • Có ba người (bà Si-na-ga-oa, cậu thanh niên Ô-xa-oa, người đàn ông trung niên Ma-xu-cô) đều đến nhận là chủ nhân của con mèo Đại Úy và cả ba người đều có bằng chứng. • Ô-xa-oa định mang con mèo về vì vừa gặp anh ta, nó nhảy lên lòng. • Thám tử Cô-nan đưa ra cách kiểm tra chủ nhân thực sự của con mèo. • Cô-nan đã tìm được đúng chủ nhân của con mèo Đại Úy. + Kết thúc: Hình ảnh ông Ma-xu-cô, con Đại Úy khuất dần và lời đối thoại giữa chị chủ quán với Cô-nan. + Một vài yếu tố miêu tả, biểu cảm: • <i>Bất ngờ, Đại Úy nhảy ngay vào lòng Ô-xa-oa rồi kêu “Meo! Meo!” âu yếm khiến anh ta vô cùng đắc chí, toan bế luôn con mèo về.</i> • <i>Kì lạ thay, ông Ma-xu-cô chưa bước tới cửa thì Đại Úy đã ngồi khoanh chân, vẫy đuôi mừng.</i> → Khiến câu chuyện hiện ra cụ thể, sống động và thu hút hơn. – Bài viết tham khảo đáp ứng được yêu cầu đối với một truyện kể sáng tạo.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện; chỉnh sửa được bài viết.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện phiếu học tập, trả lời câu hỏi để viết bài theo các bước.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV ra đề bài, yêu cầu HS tìm hiểu đề. – GV hướng dẫn HS xác định ý tưởng truyện: Em sẽ viết truyện kể sáng tạo theo hướng nào? (Dựa vào một truyện đã đọc (truyện tranh hoặc “truyện chữ”) hoặc tự sáng tác truyện mới). – GV cho HS làm việc theo nhóm để xây dựng khung truyện: một nhóm HS dựa vào một truyện đã đọc (thực hiện phiếu học tập số 5), một nhóm HS tự sáng tác một truyện mới (thực hiện phiếu học tập số 6). – GV yêu cầu HS trao đổi phiếu học tập theo cặp và góp ý cho nhau. GV mời một số HS trình bày. – GV hướng dẫn HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý như trong SGK hoặc lập dàn ý bằng sơ đồ tư duy. – GV yêu cầu HS trao đổi dàn ý theo nhóm và mời một số HS trình bày dàn ý. – GV yêu cầu HS viết bài theo dàn ý. – GV yêu cầu HS tự chỉnh sửa bài viết theo các yêu cầu chỉnh sửa trong SGK (tr. 35). – GV cho HS làm việc theo nhóm để đánh giá bài viết cho nhau bằng bảng kiểm (phiếu học tập số 7).	– HS trả lời câu hỏi. – HS nêu ý tưởng viết truyện. – HS thực hiện phiếu học tập. – HS trao đổi theo cặp, trình bày phiếu tìm ý; góp ý, chỉnh sửa cho nhau. – HS lập dàn ý. – HS làm việc theo nhóm; góp ý cho nhau; trình bày dàn ý trước lớp. - HS viết truyện ở nhà. – HS tự chỉnh sửa bài viết của mình. – HS đánh giá bài viết cho nhau bằng bảng kiểm.	II. Thực hành viết 1. Trước khi viết a. Tìm ý tưởng cho truyện – Dựa vào một truyện đã đọc. – Tự sáng tác một truyện mới. b. Xây dựng khung truyện c. Lập dàn ý 2. Viết bài 3. Chỉnh sửa

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

Vận dụng được quy trình viết truyện kể sáng tạo vào việc tạo lập VB, tiếp tục chỉnh sửa để công bố bài viết.

2. Nội dung hoạt động

HS tiếp tục chỉnh sửa để công bố bài viết hoặc viết một truyện kể sáng tạo khác.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV cho HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ (thực hiện ở nhà): – Tiếp tục chỉnh sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố. – Chọn một đề tài khác để viết một truyện mới và công bố.	HS tiếp tục chỉnh sửa, công bố bài viết hoặc viết một truyện mới.	Bài viết được chỉnh sửa, công bố hoặc một truyện mới.

VIII. NÓI VÀ NGHE (tiết 13)

KỂ MỘT CÂU CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

Định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS trả lời câu hỏi để khởi động bài học.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV hỏi: Có thể em đã từng đọc một tác phẩm văn học hay xem một bộ phim có nội dung tưởng tượng (ví dụ: câu chuyện về thế giới tương lai, cuộc sống trên hành tinh khác, gặp gỡ một nhân vật văn học,...). Sau khi đọc (xem), em có suy nghĩ gì?	HS trả lời câu hỏi.	Suy nghĩ của HS về một tác phẩm văn học hay một bộ phim có nội dung tưởng tượng.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

Nhận biết được yêu cầu của việc kể một câu chuyện tưởng tượng.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để tìm hiểu yêu cầu.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS trao đổi theo nhóm câu hỏi: Theo em, các tiêu chí để đánh giá bài kể một câu chuyện tưởng tượng là gì? – GV cung cấp cho HS bảng kiểm đánh giá kĩ năng kể một câu chuyện tưởng tượng.	HS trao đổi, trả lời câu hỏi, thảo luận.	I. Một số lưu ý khi kể một câu chuyện tưởng tượng – Về nội dung: + Sử dụng ngôi kể phù hợp. + Trình tự các sự kiện hợp lí. + Nhân vật được khắc hoạ rõ nét (có chi tiết về ngoại hình, hành động, cảm xúc, suy nghĩ, lời thoại,...). + Thể hiện rõ tính chất tưởng tượng, hư cấu. + Có yếu tố miêu tả, biểu cảm,... – Về cách trình bày: + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...) phù hợp.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

Kể được một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện); lắng nghe, tóm tắt được nội dung trình bày của người nói.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện phiếu học tập, trả lời câu hỏi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV cho HS xem lại phiếu ghi chú cho bài nói (phiếu học tập số 8, đã chuẩn bị ở nhà), đánh dấu ý quan trọng, các từ khoá. – GV yêu cầu HS kiểm tra xem câu chuyện em muốn kể đã đúng là “câu chuyện tưởng tượng” chưa. – GV yêu cầu HS tập luyện theo nhóm, sử dụng bảng kiểm đánh giá kĩ năng kể một câu chuyện tưởng tượng (phiếu học tập số 9) để góp ý cho bạn. – GV mời một vài HS trình bày bài nói trước lớp. – GV lưu ý HS trong vai người nghe: lắng nghe câu chuyện của bạn và đánh giá phần trình bày vào bảng kiểm (phiếu học tập số 9), ghi chú những điều muốn trao đổi về bài trình bày.	– HS xem lại, đánh dấu phiếu ghi chú bài nói. – HS kiểm tra “câu chuyện tưởng tượng”. – HS tập luyện theo cặp. – HS trình bày bài nói trước lớp; HS khác lắng nghe, trao đổi với người nói.	II. Thực hành nói 1. Trước khi nói 2. Trình bày bài nói và trao đổi sau khi nói

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ nói và nghe trong một tình huống giao tiếp cụ thể.

2. Nội dung hoạt động

HS tự đánh giá, tiếp tục chỉnh sửa để công bố bài nói hoặc kể một câu chuyện tương tượng khác.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV cho HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ (thực hiện ở nhà): – Nhờ người thân ghi hình bài trình bày. Dựa vào bảng kiểm, tự đánh giá bài nói, trình bày lại đến khi tạm hài lòng với sản phẩm và công bố bài nói (có thể tổ chức thành cuộc thi kể chuyện trên mạng xã hội). – Chọn một đề tài khác để kể một câu chuyện tưởng tượng mới.	HS tiếp tục chỉnh sửa, công bố bài nói hoặc kể một câu chuyện tưởng tượng mới.	Bài nói được chỉnh sửa, công bố hoặc một câu chuyện tưởng tượng mới.

IX. Củng cố, mở rộng

1. Mục tiêu

Củng cố, mở rộng những kiến thức, kỹ năng đã học trong bài.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện các bài tập trong SGK.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để thực hiện bài tập 1.	– HS thực hiện bài tập.	1. Bài tập 1 * <i>Ba chàng sinh viên</i> – Vụ án: chép trộm đề thi. – Không gian hiện trường: phòng làm việc của thầy Xôm ở trường đại học. – Hệ thống nhân vật: + Người điều tra: thám tử Sơ-lốc Hôm và người bạn Oát-xơn. + Nạn nhân: thầy Xôm. + Nghi phạm: ba sinh viên (Đao-lát Rát, Ghi-crít, Mai Mắc Le-rờn). + Thủ phạm: Ghi-crít.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS làm việc nhóm để thực hiện bài tập 2 (làm ở nhà). – GV yêu cầu HS làm việc nhóm để thực hiện bài tập 3.		– Ngôi kể: ngôi thứ nhất. – Chủ đề: ca ngợi tài năng phá án của thám tử Sơ-lốc Hôm; thể hiện niềm tin vào sự thật và phẩm chất tốt đẹp của con người (lòng tự trọng, sự ân hận,...). * <i>Bài hát đồng sáu xu</i> – Vụ án: bà Li-ly Cráp-tri bị giết. – Không gian hiện trường: nhà bà Li-ly Cráp-tri. – Hệ thống nhân vật: + Người điều tra: luật sư Êt-uốt. + Nạn nhân: bà Li-ly Cráp-tri. + Nghi phạm: các thành viên trong gia đình hoặc một người nào đó ở bên ngoài đột nhập vào nhà. + Thủ phạm: Ben – con trai bà giúp việc Ma-thơ. – Ngôi kể: ngôi thứ ba. – Chủ đề: ca ngợi tài năng phá án của luật sư Êt-uốt; thể hiện niềm tin vào sự thật và công lí. 2. Bài tập 2: HS vẽ tranh, viết truyện tranh hay biểu diễn hoạt cảnh. 3. Bài tập 3: Việc giải mã những bí mật trong thế giới tự nhiên và xã hội có ý nghĩa vô cùng quan trọng; giúp tìm kiếm sự thật, thực thi công lí, lí giải sự phức tạp, đa diện của cuộc sống,...

X. THỰC HÀNH ĐỌC

BA VIÊN NGỌC BÍCH

(Trích, Phạm Cao Củng)

1. Mục tiêu

Vận dụng được kiến thức về thể loại truyện trinh thám và kĩ năng đọc truyện trinh thám theo đặc trưng thể loại để tự đọc hiểu một VB khác.

2. Nội dung hoạt động

HS tự thực hành đọc ở nhà, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong buổi học tiếp theo.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ tự đọc VB ở nhà theo những lưu ý trong SGK. Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ (làm vào vở): – Nêu vụ án được điều tra trong tác phẩm. – Tóm tắt cốt truyện. – Phân tích cách thức giải mã vụ án của thám tử Kỳ Phát. – Chỉ ra một số chi tiết có vai trò là manh mối của vụ án.	Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.	– Vụ án: Chị Tham Lương bị mất chuỗi hạt vàng có ba viên ngọc bích. – Tóm tắt cốt truyện. – Cách thức giải mã vụ án của thám tử Kỳ Phát: đến nhà chị Tham Lương để phỏng vấn tìm kiếm thông tin, suy luận, thực nghiệm hiện trường... – Một số chi tiết có vai trò là manh mối của vụ án: tấm thiệp anh Tham Lương gửi cho Kỳ Phát, thời gian anh Tham Lương về nhà bỏ thư, quần anh Tham Lương có dính đất sét,...

Phụ lục phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. Đọc phần *Tri thức ngữ văn* trong SGK (tr. 5 – 6). Tìm và điền các từ ngữ phù hợp vào chỗ trống trong các nhận định dưới đây:

- a. Truyện trinh thám là loại tác phẩm truyện viết về ,
thường có những sự việc
- b. Không gian của truyện trinh thám là không gian được khắc hoạ
..... gắn liền với dấu hiệu
- c. Thời gian trong truyện trinh thám thường được giới thiệu ở
với thông tin cụ thể về mà người điều tra tiếp nhận
vụ án. Truyện trinh thám thường xây dựng tình huống người điều tra
chạy đua với thời gian để
- d. Cốt truyện trong truyện trinh thám gồm một chuỗi sự kiện mà sự kiện trung
tâm là
- e. Hệ thống nhân vật trong truyện trinh thám thường gồm
- g. Truyện trinh thám có những chi tiết thể hiện sự của vụ án và
những của cuộc điều tra.
- h. Câu chuyện trong truyện trinh thám được kể theo ngôi

2. Tìm hiểu, ghi vắn tắt thông tin giới thiệu về nhà văn A-thơ Cô-nan Đoi-lơ.

Điều em tìm hiểu được về nhà văn A-thơ Cô-nan Đoi-lơ:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Ấn tượng ban đầu của em về tác phẩm *Ba chàng sinh viên*:

Chia sẻ cảm xúc, ấn tượng ban đầu của em sau khi đọc văn bản *Ba chàng sinh viên*:

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

1. Đọc văn bản *Ba chàng sinh viên* (SGK, tr. 7 – 13) và ghi vắn tắt các sự kiện chính vào sơ đồ sau:

1. Từ đầu đến “nhưng vẫn còn cuộn lại”: Vụ việc gây lo lắng, hoảng hốt:	2. Tiếp theo đến “hai mẩu đầu tiên”: Hành trình phá án của người điều tra:	3. Phần còn lại: Công bố sự thật:
---	--	---

2. Thực hiện những nhiệm vụ sau để tìm hiểu những nét khái quát về văn bản:

a. Vụ việc cần điều tra:

.....
.....

b. Không gian xảy ra vụ việc:

Vụ việc xảy ra ở đâu?
Không gian xảy ra vụ việc có đặc điểm gì?

.....
.....
.....
.....

c. Thời gian xảy ra vụ việc:

Vụ việc xảy ra vào thời gian nào?

.....
.....

d. Nhân vật:

Người điều tra:
Nạn nhân:
Nghỉ phạm:
Thủ phạm:

e. Ngôi kể:

Truyện được kể bằng ngôi kể nào?

.....
Ai là người kể chuyện?
Tác dụng của ngôi kể:
.....
.....

g. Thời gian điều tra:

Thời gian điều tra trong bao lâu?

.....
Tác dụng:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Làm việc theo nhóm để thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Đọc văn bản *Ba chàng sinh viên* và điền thông tin về cách thức điều tra của thám tử Sơ-lốc Hôm vào bảng sau:

a. Loại trừ giả thiết

– Người thợ in có liên quan đến vụ án không? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

.....

– Sinh viên Đào-lát Rát có phải là người chép trộm đề thi không? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b. Xem xét hiện trường

– Việc kiểm tra của sổ ở văn phòng của thầy Xôm giúp thám tử xác định được điều gì?

.....

.....

.....

– Trong phòng làm việc và phòng ngủ của thầy Xôm có dấu vết quan trọng nào? Điều đó giúp vị thám tử có suy luận gì?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

c. Tìm kiếm bằng chứng

Sơ-lốc Hôm đã tìm được bằng chứng quan trọng nào trong buổi sáng sớm của ngày diễn ra kì thi?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Nhận xét về tài năng của vị thám tử:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Làm việc theo nhóm để thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Đọc văn bản *Bài hát đồng sáu xu* và điền thông tin về cách thức điều tra của luật sư Êt-uốt vào bảng sau:

a. Thu thập thông tin

– Vị luật sư thu thập, tìm hiểu thông tin về bà Li-ly bằng cách nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b. Quan sát, lắng nghe nhân chứng quan trọng của vụ án

– Khi trò chuyện với bà Ma-thơ, vị luật sư đánh giá như thế nào về bà với tư cách là một nhân chứng?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

– Vị luật sư có phỏng đoán, suy luận gì về thủ phạm trong khi ông trò chuyện với bà Ma-thơ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

c. Tận dụng yếu tố ngẫu nhiên để tìm ra bằng chứng của vụ án

– Yếu tố ngẫu nhiên nào đã xuất hiện trong quá trình điều tra của luật sư Êt-uốt?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

– Yếu tố ngẫu nhiên đó giúp ích gì cho việc suy luận của vị luật sư?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Nhận xét về tài năng của vị thám tử:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Xây dựng khung truyện cho một truyện kể sáng tạo (dựa vào một truyện đã đọc)

* Nhan đề của truyện em sáng tác:

* Nhan đề truyện em dựa vào:

Tác giả:

1. Cốt truyện gốc

– Sự kiện 1:

– Sự kiện 2:

– Sự kiện 3:

.....

.....

.....

2. Hệ thống nhân vật

Nhân vật	Vai trò	Ngoại hình	Tính cách
.....			
.....			
.....			
.....			

3. Cách sáng tạo dự kiến (Đánh dấu tích (☑) vào ô trống trước các ý phù hợp)

☐ Điều chỉnh cốt truyện gốc

☐ Thay đổi ngôi kể

☐ Bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm

Ghi lại cụ thể cách sáng tạo của em:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Xây dựng khung truyện cho một truyện kể sáng tạo (tự sáng tác một truyện mới)

* Nhan đề của truyện:

1. Truyện được kể theo (Đánh dấu tích (☑) vào ô trống trước ý phù hợp)

☐ Ngôi thứ ba ☐ Ngôi thứ nhất

2. Bối cảnh diễn ra câu chuyện

– Không gian:

– Thời gian:

3. Hệ thống nhân vật

Nhân vật	Vai trò	Ngoại hình	Tính cách
.....			
.....			
.....			
.....			

4. Diễn biến câu chuyện

– Sự kiện 1:

– Sự kiện 2:

– Sự kiện 3:

.....

.....

.....

.....

5. Ý nghĩa của câu chuyện

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7

Bảng kiểm đánh giá truyện kể sáng tạo

Tiêu chí		Yêu cầu	Đạt	Không đạt
Nội dung	Mở đầu	Giới thiệu được nội dung chính hoặc bối cảnh của câu chuyện		
	Diễn biến	Sử dụng ngôi kể phù hợp		
		Có cốt truyện		
		Trình tự các sự kiện hợp lí		
		Nhân vật được khắc hoạ rõ nét (có chi tiết về ngoại hình, hành động, cảm xúc, suy nghĩ, lời thoại)		
		Có yếu tố miêu tả		
		Có yếu tố biểu cảm		
		Với truyện kể dựa vào một truyện đã đọc: có sự sáng tạo của người viết (điều chỉnh cốt truyện gốc, thay đổi ngôi kể, bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm,...)		
		Nội dung câu chuyện có ý nghĩa		
	Kết thúc	Có kết thúc phù hợp		
Diễn đạt		Bài viết không hoặc ít mắc lỗi chính tả và diễn đạt		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8

Phiếu ghi chú

Nhiệm vụ: Hoàn thành phiếu ghi chú để chuẩn bị nội dung nói theo gợi dẫn:

1. Câu chuyện tưởng tượng em muốn kể:

2. Yếu tố tưởng tượng:

3. Bối cảnh (thời gian, không gian):

4. Nhân vật:

5. Hệ thống sự kiện:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Ý nghĩa của câu chuyện:

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 9

Bảng kiểm đánh giá kĩ năng kể một câu chuyện tưởng tượng

Tiêu chí		Yêu cầu	Đạt	Không đạt
Nội dung	Mở đầu	Chào hỏi người nghe		
		Nêu nhan đề câu chuyện		
		Nêu bối cảnh câu chuyện		
	Diễn biến	Sử dụng ngôi kể phù hợp		
		Có cốt truyện		
		Trình tự các sự kiện hợp lí		
		Nhân vật được khắc hoạ rõ nét (có chi tiết về ngoại hình, hành động, cảm xúc, suy nghĩ, lời thoại,...)		
		Thể hiện rõ tính chất tưởng tượng, hư cấu		
		Có yếu tố miêu tả		
		Có yếu tố biểu cảm		
		Nội dung câu chuyện có ý nghĩa		
	Kết thúc	Có kết thúc phù hợp		
Cảm ơn người nghe				
Cách trình bày		Nói to, rõ ràng, truyền cảm		
		Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...) phù hợp		

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập NGUYỄN HIỂN TRANG

Giám đốc Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội PHẠM THỊ HỒNG

Biên tập nội dung: NGUYỄN THỊ NHIỆM – TRẦN MAI THANH HẰNG

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

Thiết kế sách: NGUYỄN THANH THUỶ

Sửa bản in: TRẦN THU HÀ

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội.**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội.

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
MÔN NGỮ VĂN LỚP 9**

BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Mã số:

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in Địa chỉ:

Cơ sở in Địa chỉ:

Số ĐKXB: ... /CXBIPH/...-.../GD

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-...-----....